

Nghệ thuật thời niên
Ngũ văn

TRẦN VĨNH YÊN



● Trải nghiệm thú vị cùng văn bản, bạn đọc
trong dạy học và cuộc sống

Nghệ thuật thôi miên

Ngũ văn

NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN



MỤC LỤC

❑ LỜI NÓI ĐẦU	07
❑ GIỚI THIỆU.....	13
❑ CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ LÝ LUẬN.....	19
❖ 1.1. Nghệ thuật thôi miên trong dạy học Ngữ văn.....	19
❖ 1.2. Dạy học phát triển phẩm chất, năng lực	22
❖ 1.3. Mục tiêu của chương trình phổ thông môn Ngữ văn ..	25
❖ 1.4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất của học sinh	27
❖ 1.5. Yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh.....	29
❑ CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG DẠY HỌC NGỮ VĂN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG	37
❖ 2.1. Giao thoa giữa truyền thống và hiện đại	37
❖ 2.2. Dạy học văn trước xu thế công nghệ và hội nhập	49
❖ 2.3. Vai trò của người giáo viên trong dạy học Ngữ văn...	53
❖ 2.4. Sự phân tầng trong chủ thể học sinh.....	59
❑ CHƯƠNG III: TƯ DUY DẠY HỌC NGỮ VĂN THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC.....	63
❖ 3.1. Kỹ năng phát triển các phẩm chất của học sinh.....	63
❖ 3.2. Thủ thuật phát triển các năng lực học sinh	88
❑ CHƯƠNG IV: NGÔN NGỮ VĂN HỌC, HIỆU ỨNG THÔI MIÊN TOÀN CẦU	139
❖ 4.1. Ôn cứu mạng kì diệu của chiếc lá ngôn từ	140
❖ 4.2. Ngôn từ tình yêu hoá giải hận thù	143
❖ 4.3. Mặt trời mọc thi ca.....	145
❑ TÁI BÚT THAY CHO LỜI KẾT	153
❑ TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	159

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
1	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	CLB	Câu lạc bộ
3	CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
4	ĐHSP	Đại học sư phạm
5	DTTS	Dân tộc thiểu số
6	DTTC	Dân tộc tại chỗ
7	GV	Giáo viên
8	HS	Học sinh
9	KNTTVCS	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	NL	Năng lực
11	NXB	Nhà xuất bản
12	PC	Chất lượng
13	PPDH	Phương pháp dạy học
14	SGK	Sách giáo khoa
15	SGV	Sách giáo viên
16	THPT	Trung học phổ thông
17	THCS	Trung học cơ sở
18	VBNL	Văn bản nghị luận
19	VBVH	Văn bản văn học
20	VBTT	Văn bản thông tin

LỜI NÓI ĐẦU

*T*hưa quý vị, thầy cô; các đồng nghiệp; các em học sinh và bạn đọc gần xa thân mến!

Chắc hẳn mọi người sẽ rất bất ngờ khi nhìn thấy nhan đề cuốn sách nhỏ này chứ!

Thật vậy, có thể bạn sẽ nghĩ ngay đến khía cạnh xa hơn của vấn đề. Khi nghe nói đến hai từ “thôi miên”, chúng ta thường liên tưởng đến một hành vi của một ai đó tác động lên một đối tượng khác khiến họ bị mê hoặc, bị điều khiển theo ý muốn của người thôi miên và thực hiện các mục đích nào đó ngoài đời sống xã hội.

Không, tôi khẳng định ý nghĩa đích thực mà cuốn sách mang lại là nghệ thuật dạy học, nghệ thuật sử dụng ngôn từ của giáo viên và học sinh trong quá trình tương tác của môi trường sư phạm. Nói đúng hơn, đó là nghệ thuật sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, vận dụng các thủ thuật và kỹ năng để hấp dẫn, cuốn hút người học một cách tích cực nhằm đạt hiệu quả cao trong dạy học môn Ngữ văn.

8 • Nghệ thuật thời miền Ngũ văn

Phương pháp dạy học văn là một vấn đề được nhiều chuyên gia giáo dục, đội ngũ nhà giáo và toàn ngành quan tâm. Cho đến nay, ở Việt Nam và một số quốc gia phát triển đã có rất nhiều công trình về chủ đề này. Đa số các tác giả đều tập trung hệ thống hoá về mặt lí luận, các phương pháp dạy học mang tính kế thừa và được vận dụng rộng rãi. Tuy nhiên, mỗi phương pháp đều có những ưu, nhược điểm của nó. Mỗi tác giả, mỗi một nhà giáo đều có một kĩ năng riêng tạo nên phong cách sư phạm khác nhau.

*Trong thời đại chuyển giao chương trình giáo dục, hơn ai hết bản thân thầy cô, học sinh đều đứng trước ngưỡng cửa sự giao thoa đó. Chúng ta phải tự đổi mới, tự nghiên cứu và thích ứng trong tâm thế tiếp cận những điều mới mẻ. Với sự trăn trở, mong muốn chia sẻ những kinh nghiệm nhỏ đúc kết từ thực tiễn dạy học chương trình giáo dục (CTGD) và sách giáo khoa (SGK) mới trong hai năm đầu tiên áp dụng. Bản thân tôi chợt nghĩ ra ý tưởng và mạnh dạn biên soạn cuốn sách có tựa đề **“Nghệ thuật thời miền Ngũ văn”**.*

Chúng ta phải thừa nhận một điều, muốn cảm nhận một cái gì trực quan trong thế giới tự nhiên như vẻ đẹp của ánh bình minh, khoảnh khắc cầu vồng, nhật thực, nguyệt thực, một bông hoa thì mất (thị giác) phải tinh; muốn nghe bản nhạc yêu thích thì tai phải trong (thính giác), có khi đeo cả dây phone hoặc ở không gian yên tĩnh mới du dương; muốn biết một món ăn ngon, vị đắng của cà phê, vị ngọt của đường thì dùng miệng (vị giác) nghiền ngẫm; muốn ngửi được mùi thơm của hương hoa thì mũi (khứu giác) phải nhạy. Bạn muốn biết đồ vật, sự vật, hiện tượng

bình thường, nguy hiểm, nóng hay lạnh thì phải tiếp xúc với nó (xúc giác). Ai được ban phước cao hơn một bậc thì có thể linh cảm, dự đoán điều gì đó sẽ xảy ra như nhà tiên tri, nhìn nhận được người khác bằng cách “đi guốc trong bụng”, kiểu “đọc vị bất kì ai” (giác quan thứ sáu). Vì vậy, **“Nghệ thuật thôi miên Ngữ văn”** cũng không nằm ngoài quy luật đó. Nó cũng đòi hỏi mỗi người cần chú tâm vào các kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe. Nếu thiếu bốn yếu tố này thì ý nghĩa nội tại của nó sẽ không còn nữa. Sự thật là, đôi khi ta như chìm đắm trong trạng thái mê hoặc khi viết, khi đọc, khi lên lớp, khi nói chuyện với ai đó. Cái cảm giác này được Stephen King - ông vua truyện kinh dị gọi là “trạng thái mê hoặc của tác giả.”

Trong tập sách bé nhỏ này là bài học kinh nghiệm được đúc rút từ việc giảng dạy bộ môn Ngữ văn của bản thân, hệ thống những kiến thức quý báu từ các chuyên gia nghiên cứu đầu ngành. Trong đó có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa phương Đông và phương Tây. Song song với từng biện pháp là những ví dụ cụ thể cho từng thể loại và kiểu bài giảng. Khi đề cập đến từng khía cạnh của vấn đề đều có sự xuyên suốt, lồng ghép với đối tượng HS, cái đạt và chưa đạt trong việc tiếp cận nội dung bài giảng. Tác giả tìm hiểu cặn kẽ các thuật ngữ, khái niệm liên quan đến việc dạy học bộ môn Ngữ văn trung học phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

“Nghệ thuật thôi miên Ngữ văn” như là một cách cảm nhận về tài năng ngôn bậc thầy của các tác giả văn học trong một số

10 • Nghệ thuật thôi miên Ngữ văn

tác phẩm được đưa vào sách giáo khoa. Hi vọng nó sẽ giúp ích cho bạn đọc trong việc tìm kiếm và phát ra những điều lí thú trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học phổ thông (THPT) và trong cuộc sống.

Cuốn sách không phải là một giáo trình chuyên sâu, mà là một trải nghiệm, tương tác, cảm nhận, thẩm thấu của người viết với SGK, với khối tư liệu khổng lồ, biển kiến thức đồ sộ, với học sinh thân yêu, sự vận dụng ngôn ngữ ít ỏi vốn có để kết nối giữa người đọc với người nghe nhằm mục đích trao đổi và lan toả. Cũng có thể xem nó như một cảm nang bé nhỏ để khi cần ta mục sở thị nhâm nhi. Đặc biệt hơn là nó ra đời trong thời đại đổi mới giáo dục, dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành.

Tôi mong muốn và hi vọng với công trình này sẽ góp một phần sức nhỏ vào sự nghiệp giáo dục của địa phương và toàn ngành. Mong rằng, cuốn sách sẽ là một chiếc cầu nối, giao lưu học hỏi với quý đồng môn, học sinh và độc giả khắp mọi miền Tổ quốc!

Tôi biết rằng, không có công trình nào là hoàn mỹ, toàn diện cả. Cuốn sách nhỏ này cũng không ngoại lệ, chắc chắn sẽ còn nhiều thiếu sót. Tục ngữ có câu: “ngọc không mài không thành đồ vật.” Vàng bạc, châu báu nằm dưới lòng đất còn có vết xước. Huống gì là con người bình thường, một ấn phẩm bình thường. Con mắt bạn đọc sẽ soi sáng từng con chữ, làm cho nó óng ánh lên như những viên kim cương. Rất mong nhận được sự góp ý chân tình từ người đọc!

Sông Ngân Trươi - là dòng sông tuổi thơ, gắn liền với biết bao kí ức, kỉ niệm thời đọc sách chẵn trâu. Sông Hương - dòng sông văn hoá, là nơi gắn với tuổi sinh viên đầy khát vọng hoài bão. Đó là lí do, tôi nhờ các nhiếp ảnh và hoạ sĩ thiết kế đưa vào bìa sách như một lời tri ân sâu sắc với quê hương xứ sở đã nâng đỡ, hun đúc nên tâm hồn văn chương, nuôi dưỡng và ban tặng cho tôi nghề giáo cao quý này!

Để có được cuốn chuyên khảo này, tôi xin gửi lời cảm ơn Yaobooks đã kết nối với biên tập viên, đối tác giúp tôi hoàn thiện cuốn sách này. Cảm ơn Nhà xuất bản Hội nhà văn đã đồng ý hợp tác xuất bản ấn phẩm chuyên ngành đầu tay của tôi. Tôi bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới bậc sinh thành, gia đình, người thân và quý đồng nghiệp, các thế hệ học trò gắn bó rồi chia li kể từ khi tôi chuyển công tác từ trường TH và THCS năm 2012 về ngôi trường mang tên THPT Đắc Glong cho đến ngày nay. Nhờ có họ đồng hành, đồng viên tôi phải yêu nghề và gắn bó với sứ mệnh truyền cảm hứng, cố gắng vươn lên trước mọi hoàn cảnh để đáp ứng nhu cầu của ngành và toàn xã hội.

Đắc Nông - Hè 2024

TRẦN VĨNH YÊN

12 • Nghệ thuật thôi miên Ngũ văn

GIỚI THIỆU

N*ghệ thuật thôi miên Ngữ văn* là cuốn sách “kinh điển”, tâm huyết nhất trong cuộc đời cầm phấn, cầm bút và tập tành lướt phím của tôi trên Tây Nguyên đại ngàn linh thiêng. Bạn hãy chọn một không gian lí tưởng, một thời gian phù hợp và hãy đọc kĩ từng câu chữ, từng phần, từng bài, từng nội dung và cả trích dẫn lẫn ví dụ. Nếu bạn quá vì một lí do nào đó thì gấp lại trang vừa đọc, lấy bút màu đánh dấu lại. Các đề mục đặt tên còn vụng về, nhưng thông điệp chứa bên trong đó là rất nhiều ý nghĩa.

Nhan đề lúc đầu khá dài, có tới 22 chữ. Sau những đêm dài thao thức, đọc và chỉnh sửa, tôi quyết định rút gọn lại còn 6 từ. Nói như thế, người có tầm đón nhận, tình cảm thẩm mĩ cao sẽ đoán được ý đồ của người cầm bút. Tôi chưa bao giờ dám nghĩ, mình thôi miên ai, thôi miên được ai khi mình còn non dại. Nhưng với “*Nghệ thuật thôi miên Ngữ văn*” sẽ đón nhận được sự quan tâm, chờ đợi như xem những bộ phim hay, cứ đến đoạn hay

nhất thì đạo diễn lại ngắt. Muốn biết hồi sau thế nào? Vui lòng xem tiếp tập sau! Dẫu biết rằng, trong con mắt của nhiều người, họ không khỏi hoài nghi về khả năng của một ai đó. Điều này rất khó tránh khỏi. Với tôi, vượt qua chính mình, dám đối đầu với sự thật, thất bại thì mới trưởng thành lên được!

Như tinh thần của câu danh ngôn: *“Nếu một người tự tin tiến về phía những giấc mơ của mình và nỗ lực sống một cuộc sống mà mình mong muốn, thì anh ta sẽ gặp một thành công bất ngờ vào một lúc không ngờ tới.”*

- HERY DAVID THOREAU-

Nghệ thuật vốn là một lĩnh vực sáng tạo không ngừng nghỉ của mọi thời đại. Thôi miên là thuật ngữ thường giành cho những chuyên ngành có độ khó cao. *Ngữ văn* là ngành tôi chọn khi bắt đầu vào giảng đường đại học. Thuở còn đi học, trời ban cho chút khiếu văn chương đồng quê. Tôi thấy đó như là một cơ duyên, nhân duyên từ kiếp trước. Ngành học này bao gồm ngôn ngữ và văn học. Thật không thể dễ dàng tách bóc, hợp li một cách tùy tiện. Hai từ ngôn ngữ bản thân nó đã rất khó và rộng rồi. Văn học cũng tương tự, muôn hình, muôn vẻ, nhiều màu sắc.

Nếu nói đây là một *nghệ thuật dạy học* thì hơi quá sức. Bởi vì, tôi cảm thấy mình còn bé giữa muôn trùng biển cả. Nhưng nó là đứa con tinh thần thứ ba và là *“con ruột”* chuyên ngành đầu tay, một ý tưởng tiếp cận mà ít người

quan tâm. Kỳ nghỉ hè lý thú, tôi du hành cùng hệ thống văn bản mình có được trong tủ sách cá nhân. Từ những cuốn đã nhuộm màu nâu sẫm của thời gian như: sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tham khảo, sách nâng cao đến sách tặng, sách cho, sách lý luận, sách nghệ thuật sống, đặc nhân tâm... Tôi ước mơ có được một cuốn nhỏ mang tên mình chèn vào khe hẹp trong kho tàng, biển rộng tri thức của các bậc tiền bối lão làng. Đó là sự kết hợp giữa muôn vàn trần trở, suy tư trước bước chân giao thời của chuyển đổi.

Chương 1, gồm những vấn đề về lý luận mang tính khái niệm, thuật ngữ hơi khô khan, bạn nên đọc lướt qua hoặc đọc những nội dung cần thiết. Đôi khi muốn hiểu sâu một vấn đề nào đó, chúng ta cũng phải nắm rõ lý luận về vấn đề đó.

Chương 2, tác giả đề cập những vấn đề thực trạng dạy học *Ngữ văn* mà bản thân cảm nhận thấy trong thực tế giảng dạy. Ở đó, có sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại, dạy học văn trong xu thế hội nhập mà mình trần trở. Nếu là người trong cuộc sẽ rất dễ dàng nhận ra và đồng cảm cùng tác giả.

Chương 3, là nơi tập trung những quan điểm về tư duy dạy học *Ngữ văn* theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Trong chương này có hai đề mục chính, nhưng bên trong tác giả gửi gắm rất nhiều vấn đề liên quan tới việc làm thế nào để phát triển từng phẩm chất,

năng lực của học sinh thông qua từng văn bản cụ thể, từng khía cạnh của vấn đề theo một góc nhìn riêng.

Chương 4, là nơi thể hiện quan niệm, cái nhìn về sự ảnh hưởng giữa văn học Việt Nam với một số nền văn học trên thế giới bằng một số đoạn trích, tác phẩm tiêu biểu được đưa vào chương trình sách giáo khoa. Ngôn ngữ văn học được thẩm thấu qua lăng kính bạn đọc, kết nối và giao lưu giữa các nền văn hoá khác nhau, tạo nên một hiệu ứng thôi miên tích cực.

Tôi rất tâm đắc những điều hay và muốn chia sẻ cùng bạn đọc. Chí ít cũng tìm được niềm vui nghề nghiệp, sau nữa là tìm được sự tâm giao, ý hợp của mọi người. Nói như Katrina Mayer: *“Sách là bạn tôi khi tôi không có bạn bên mình.”* Phía sau các chủ đề, nhan đề, văn bản đều có những câu hỏi nhỏ, những khoảng trống để giành cho người đọc ghi lại như là lời nhận xét chí tình. Những nội dung trong khung hình chữ nhật là nơi chất lọc, cô đọng lại điều giá trị nhất. Từng nhan đề chính, đề mục phụ, tôi cố gắng chọn lựa, gọt dũa, sắp xếp theo một cách rất riêng nhằm tạo dấu ấn cho độc giả.

Cũng có thể xem cuốn sách này như một cảm nang mini để khi cần ta đặt lên bàn, cầm trên tay mọi lúc mọi nơi. Tôi nghĩ không chỉ đối với môn Ngữ văn, mà còn đối với môn số môn học khác, không chỉ đối với học sinh, giáo viên mà nhiều lứa tuổi, ngành nghề khác nhau có thể đọc để chiêm nghiệm và tham khảo.

Một số mẫu chuyện liên quan đến chủ đề sẽ giúp chúng ta thay đổi nhận thức, có cái nhìn đa chiều và tích cực hơn về giá trị của từng bản thể trong cuộc sống. Mỗi tác giả, tác phẩm, đoạn trích và câu nói được nhắc đến trong cuốn chuyên khảo này như là sự tri ân, tiếp nối và khơi nguồn cảm hứng cho thế hệ hậu sinh trên các lĩnh vực. Người viết muốn đề cao về sự cống hiến, đóng góp của họ đối với sự phát triển, tiến bộ chung của loài người!

Tôi hi vọng sẽ không làm ai đó đọc nó thất vọng. Nếu chưa hài lòng thì hãy nhắc nhẹ riêng tư bằng tin nhắn qua số điện thoại đầu lẻ bìa sách. Hoặc gửi cho tôi đôi dòng Email. Sự lượng thứ của bạn đọc là niềm hạnh phúc của tôi!

TÁC GIẢ

“Mỗi khối đá đều có một bức tượng bên trong và nhiệm vụ của nhà điêu khắc là khám phá ra nó.”

- MICHELANGELO -

CHƯƠNG MỘT

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ LÝ LUẬN

1.1. Nghệ thuật thời miên trong dạy học Ngữ văn

NGHỆ THUẬT (tiếng Anh là *art*, tiếng Nga là *iskusstvo*). Đây là một hình thái đặc thù của ý thức xã hội và của các hoạt động con người, một phương thức quan trọng để con người chiếm lĩnh các giá trị tinh thần của hiện thực, nhằm mục đích tạo thành và phát triển các năng lực chiếm lĩnh và cải tạo bản thân và thế giới xung quanh theo quy luật của cái đẹp.

Khác với các hình thái ý thức và hoạt động xã hội khác như khoa học, chính trị, đạo đức... nghệ thuật thoả mãn nhu cầu có tính vạn năng của con người là cảm thụ thế giới xung quanh dưới các hình thái đã phát triển của năng lực cảm nhận mang tính người. Đó là năng lực cảm nhận thẩm mỹ đặc trưng, chỉ có ở con người đối với các hiện tượng, sự thật, biến cố của thế giới khách quan với tư cách là “*chính thể cụ thể sống động*” (C.Mác).

Nghệ thuật phát sinh và hình thành trên cơ sở lao động, nhưng một khi ra đời, nghệ thuật hình thành và hoàn thiện ở con người một năng lực cảm nhận vạn năng mà nó có thể vận dụng vào mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội - khoa học, chính trị, sinh hoạt...

NGHỆ THUẬT THỐNG NHẤT TRONG BẢN THÂN CỦA NÓ tất cả mọi hình thức hoạt động và nhận thức thể hiện mối quan hệ của cá nhân đối với thế giới và đối với bản thân mình. Nghệ thuật giúp con người có năng lực tự cảm thấy mình trong sự hài hoà của thế giới và cảm nhận được ý nghĩa của thế giới trong sự phát triển nhân cách toàn vẹn của mình. Chính cái chức năng hình thành và hoàn thiện năng lực cảm nhận vạn năng này đã quy định các đặc trưng khác của nghệ thuật: hướng tới đối tượng trong tính toàn vẹn, sinh động; chủ thể, cá thể với toàn bộ năng lực của nhân cách và tâm hồn; hình thức hình tượng, tính chất truyền cảm, giao tiếp. Các phương diện chức năng cụ thể như nhận thức, giáo dục, thoả mãn mỹ cảm gắn bó với nhau trong bản chất của nghệ thuật.

Trong cuốn *Hypnotherapy (Liệu pháp thôi miên)* xuất bản năm 1964, tác giả Dave Elman định nghĩa *trạng thôi miên hữu thức* như sau:

“Ta có thể thôi miên đối tượng mà không cần đưa họ vào trạng thái ngủ mê. Khi đó, đối tượng sẽ trải nghiệm được trạng thái thôi miên hữu thức”.

THÔI MIÊN (*hypnosis*) là một hình thức đưa con người vào một trạng thái mơ màng nhưng vẫn còn ý thức. Đây chính là định nghĩa của thôi miên. Các nhà thôi miên phải kết nối được với tâm trí của bạn, với những dòng suy nghĩ đang xuất hiện trong đầu bạn ở thời điểm hiện tại.

Collier viết: “Vấn đề của bạn là tìm ra chiếc cầu nối chạm đến sở thích của độc giả, những mong muốn của họ, những đặc điểm khiến họ quan tâm và làm cho nội dung của bạn nổi bật hơn tất cả ngày từ dòng đầu tiên”.

Từ hai khái niệm trên, chúng ta có thể hiểu nghệ thuật thôi miên trong dạy học Ngữ văn là phương thức đưa người học vào trạng thái tập trung trong cảm giác mơ màng có ý thức, luôn hướng về vấn đề của văn bản, đối tượng, chủ đề, nhân vật... được nhắc đến trong bài giảng của giáo viên. Thôi miên trong dạy học Ngữ văn cũng là một dạng thôi miên hữu thức, bản chất của nó là sự tập trung cao độ nơi đối tượng học sinh (HS). Để làm được điều này, hơn bao giờ hết GV phải là người có năng lực ngôn ngữ vượt trội, khả năng vận dụng vốn từ một cách linh hoạt, hiệu quả nhất có thể. Đó còn là sự quan sát, quán xuyến, điều hành lớp học thường xuyên và liên tục trong giờ dạy; khơi dậy, khuyến khích và đánh thức tiềm năng ở người học.

Hình thức thôi miên này kích thích bộ não, trí tò mò của học sinh, sự chú ý từ ánh mắt đến điệu bộ giữa giáo

viên và học sinh mà cầu nối chính là ngôn từ của người dạy. Nói một cách khác là nghệ thuật sử dụng ngôn từ kết hợp với các PPDH, các phương tiện phi ngôn ngữ, ánh mắt, cử chỉ và điệu bộ giúp HS phát triển các phẩm chất. Từ đó giúp học sinh hình thành *năng lực ngôn ngữ* và *năng lực văn học* để đàm thoại, bình luận, mở rộng về vấn đề được đề cập trong văn bản.

1.2. Dạy học phát triển phẩm chất, năng lực

DẠY HỌC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT NĂNG LỰC là một khái niệm mới và mới hơn nữa khi nó được đưa vào áp dụng cho một chương trình giáo dục mới. Trong các công trình nghiên cứu về PPDH trước đây đã nhắc đến hai khái niệm này. Tuy nhiên, PC và NL mới chỉ đề cập ở mức độ giới thiệu, đề cập. Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018 của Bộ GDĐT chính thức đưa hai khái niệm này trở thành mục tiêu, yêu cầu cần đạt cho từng bài học, môn học cụ thể.

GIÁO DỤC NGÔN NGỮ VÀ VĂN HỌC có vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng, tư tưởng và hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh. Thông qua ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật, nhà trường bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất (PC) chủ yếu, đặc biệt là tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, tính trung thực và ý thức chịu trách nhiệm; hình thành, phát triển cho

HS các năng lực (NL) chung và hai NL đặc thù là NL ngôn ngữ và NL văn học. Ngoài nhiệm vụ hình thành, phát triển NL giao tiếp bằng tiếng Việt, ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số (DTST), giáo dục ngôn ngữ và văn học còn giúp HS sử dụng hiệu quả những phương tiện giao tiếp khác như hình ảnh, biểu tượng, kí hiệu, sơ đồ, đồ thị, bảng biểu...

ĐỊNH NGHĨA PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

Theo từ điển tiếng Việt, từ *phẩm chất* là cái làm nên giá trị của người hay vật. Giữ vững phẩm chất một nhà giáo. Hàng kém phẩm chất. Phẩm là tư cách, chất là tính chất, là tư cách đạo đức, cốt cách của con người. Chương trình giáo dục tổng thể năm 2018 nêu: “Phẩm chất là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với năng lực tạo nên nhân cách con người”.

Trong tiếng Việt cũng như tiếng Anh, từ *năng lực* (*Capacity*) được sử dụng với nhiều nghĩa cụ thể, gắn với các lĩnh vực khác nhau, trong những tình huống và ngữ cảnh riêng biệt.

CTGDPT tổng thể định nghĩa: “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tổ chức sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.

OECD (2005) ĐỊNH NGHĨA: “Năng lực không chỉ là kiến thức và kỹ năng. NL còn bao gồm khả năng đáp ứng các yêu cầu phức tạp bằng cách lựa chọn và kết hợp các nguồn lực tâm lý xã hội như kỹ năng và thái độ trong hoàn cảnh cụ thể”. Trong phạm vi nội dung CTGDPT mới và PPDH bộ môn Ngữ văn, NL có thể định nghĩa như là một khả năng hành động hiệu quả bằng sự cố gắng dựa trên nhiều nguồn lực. Những khả năng này được sử dụng một cách phù hợp, bao gồm tất cả những gì học được từ nhà trường cũng như những kinh nghiệm của học sinh; những kĩ năng, thái độ và sự hứng thú; ngoài ra còn có những nguồn bên ngoài như bạn cùng lớp, thầy cô giáo, các chuyên gia hoặc các nguồn thông tin khác.

Như vậy, dạy học theo hướng phát triển PCNL là PPDH tiên tiến nhằm hướng đến phát triển các PC và NL cho HS, lấy HS làm trung tâm, kích thích tính chủ động, trí tò mò sáng tạo của HS; GV đóng vai trò là người hướng dẫn, tư vấn. Mục tiêu cuối cùng của dạy học phát triển PC, NL không phải là hệ thống kiến thức, khối lượng nội dung, hay biết thật nhiều... mà là để hình thành phẩm chất, năng lực cần có để sống tốt hơn, làm việc hiệu quả hơn, đáp ứng được những yêu cầu của xã hội đang thay đổi từng ngày.

Nội dung và kiến thức như là một phương tiện để đạt được mục đích cuối cùng là PC và NL. Như tác giả Đỗ

Ngọc Thống đã nhấn mạnh: Khi dạy một vấn đề hay kiến thức nào đó, người GV cần phải xác định rõ dạy để làm gì, giúp ích được gì cho người học? Những hiểu biết ấy có thể vận dụng vào tình huống nào trong cuộc sống? Người học cũng luôn phải đặt ra câu hỏi như thế và tự tìm hiểu, trả lời.

DẠY HỌC PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT NĂNG LỰC đòi hỏi GV và HS không chỉ chú trọng đến kiến thức, kĩ năng, thái độ mà phải tập trung đề cao cách thức, phương pháp. Giáo viên nêu vấn đề, giao nhiệm vụ học tập, tổ chức cho HS làm việc cá nhân, việc nhóm, trao đổi thảo luận, đồng hành cùng HS và nêu nhận xét, đánh giá khi cần thiết.

1.3. Mục tiêu của chương trình phổ thông môn Ngữ văn

Môn Ngữ văn góp phần hình thành và phát triển cho học sinh (HS) những phẩm chất tốt đẹp như: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn học này giúp HS khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc dân tộc, góp phần giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế.

Môn Ngữ văn góp phần giúp HS phát triển các năng lực chung như năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, Chương trình môn Ngữ văn giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá; biết tạo lập các văn bản thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong cuộc sống.

Thứ nhất, CTGDPT môn Ngữ văn giúp HS tiếp tục phát triển những phẩm chất (PC) đã được hình thành ở bậc trung học cơ sở (THCS); mở rộng và nâng cao yêu cầu phát triển phẩm chất với các biểu hiện cụ thể như: có bản lĩnh, cá tính, có lí tưởng và hoài bão, biết giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

Thứ hai, tiếp tục phát triển các năng lực (NL) đã hình thành ở bậc THCS với các yêu cầu cần đạt cao hơn: đọc hiểu được cả nội dung tường minh và hàm ẩn của các loại văn bản với mức độ khó hơn thể hiện qua dung lượng, nội dung và yêu cầu đọc; đọc hiểu với yêu cầu phát triển tư duy phản biện; vận dụng được các kiến thức về đặc điểm ngôn từ văn học, các xu hướng - trào lưu văn học,

phong cách tác giả, tác phẩm, các yếu tố bên trong và bên ngoài văn bản bản để hình thành NL đọc độc lập. Viết thành thạo kiểu văn bản nghị luận (VBNL) và thuyết minh tổng hợp (kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác nghị luận), đúng quy trình, có chủ kiến, đảm bảo logic và có sức thuyết phục. Nói và nghe linh hoạt; có khả năng nghe và đánh giá được nội dung cũng như hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; biết tham gia và có chủ kiến, cá tính, có thái độ tranh luận phù hợp trong tranh luận.

YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VĂN HỌC: học sinh phân biệt được tác phẩm văn học và các tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác; phân tích và nhận xét được đặc điểm của ngôn ngữ văn học; phân biệt được cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong văn học; nhận biết và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học dựa vào đặc điểm phong cách văn học; có trí tưởng tượng phong phú, biết thưởng thức, tiếp nhận và đánh giá văn học; tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.

1.4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất của học sinh

M. Gorky nhà văn Nga vĩ đại, người đặt nền móng cho trường phái hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn chương. Ông từng có một câu nói rất nổi tiếng “*Văn học là nhân học*”. Nói như vậy không có nghĩa là quá đề cao văn học hơn các môn học khác. Mỗi môn học đều có một vai trò và chức năng nhất định. Học văn là học giá trị làm

người qua thế giới hình tượng và những cảm xúc, tình cảm cao đẹp trong tác phẩm. Tư tưởng văn học được ẩn sâu trong hình tượng và được chuyển tải qua ngôn ngữ nghệ thuật đặc thù, mang đậm phong cách cá nhân. Tác phẩm văn chương hư cấu có ý nghĩa quan trọng trong việc bồi dưỡng cảm xúc, tình cảm và lí tưởng cho HS, giúp người học phát triển và làm phong phú đời sống tinh thần.

Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nêu rõ yêu cầu về việc hình thành các phẩm chất của học sinh, cụ thể như:

- Học sinh biết yêu thiên nhiên, yêu đất nước với những biểu hiện phong phú trong cuộc sống cũng như trong văn học; yêu quý và tự hào về truyền thống của gia đình, quê hương, đất nước; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với đất nước; biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp; giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá, các di tích lịch sử; có lí tưởng sống và có ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia và tương lai của dân tộc.

- Học sinh biết quan tâm đến những người thân, tôn trọng bạn bè, thầy cô; biết nhường nhịn, vị tha; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn

hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.

- Học sinh chăm chỉ đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.

- Học sinh sống thật thà, ngay thẳng, thành thật với bản thân và người khác; yêu lẽ phải, trọng chân lí; thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình.

- Học sinh biết giữ lời hứa, dám chịu trách nhiệm về lời hứa, hành động và hậu quả do công việc mình đã làm; có thái độ và hành vi tôn trọng các quy định chung nơi công cộng; có ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân; biết giữ gìn tư cách, bản sắc của công dân Việt Nam. Đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại để hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

Ngoài các yêu cầu chung trên, với cấp học THPT, CTGDPT môn Ngữ văn nhấn mạnh cần mở rộng và nâng cao yêu cầu phát triển PC với các biểu hiện cụ thể như biết tự hào về lịch sử dân tộc và văn học dân tộc; có ước mơ và khát vọng, có tinh thần tự học và tự trọng, có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật.

1.5. Yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh

1.5.1. Năng lực chung

- *NĂNG LỰC TỰ HỌC:*

Môn Ngữ văn hình thành, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Đây là công cụ quan trọng để HS học các môn học khác và tự học. Học sinh biết tự tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với các mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; biết lưu trữ và xử lí thông tin bằng các hình thức phù hợp.

Thông qua đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại văn bản đa dạng, môn Ngữ văn mang lại cho học sinh những trải nghiệm phong phú; nhờ đó phát triển được vốn sống; có khả năng nhận biết cảm xúc, tình cảm, sở thích, cá tính và khả năng của bản thân; biết làm chủ để có hành vi phù hợp; sự tự tin, tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống.

Môn Ngữ văn cũng giúp HS có khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

- NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC:

Môn Ngữ văn là môn học đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành, phát triển NL giao tiếp cho HS. Học Ngữ văn, HS biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, kiểu văn bản và thể loại; ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp để thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; biết tiếp nhận các kiểu văn bản và thể loại đa dạng; chủ động, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp.

Thông qua môn Ngữ văn, học sinh phát triển khả năng nhận biết, thấu hiểu và đồng cảm với suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác; sống hoà hợp và hoá giải các mâu thuẫn; thiết lập, phát triển mối quan hệ với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

- NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ SÁNG TẠO:

Năng lực giải quyết vấn đề trong môn Ngữ văn được thể hiện ở khả năng đánh giá nội dung của văn bản, biết làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau. Học sinh biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng, độ tin cậy của những thông tin và ý tưởng mới. Các em biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

Môn Ngữ văn đề cao vai trò sáng tạo của HS với tư cách là người đọc tích cực, chủ động, không chỉ trong hoạt động tiếp nhận mà còn trong việc tạo nghĩa cho văn bản. Khi viết, học sinh cần phải bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng và triển khai ý tưởng một cách sáng tạo.

Qua việc học môn Ngữ văn, nhất là đọc và viết về văn học, học sinh có được khả năng đề xuất ý tưởng, tạo ra sản phẩm mới; suy nghĩ không theo lối mòn, biết cách giải quyết vấn đề sáng tạo, phù hợp với tình huống, bối cảnh.

1.5.2. Năng lực đặc thù

NĂNG LỰC ĐẶC THÙ là những NL được hình thành được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định. CTGD tổng thể đã xác định có các NL đặc thù sau: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất. Môn Ngữ văn có thể hình thành và phát triển hai năng lực chủ yếu là *năng lực ngôn ngữ* và *năng lực văn học*, một biểu hiện của năng lực thẩm mỹ.

NĂNG LỰC NGÔN NGỮ chủ yếu thể hiện ở việc sử dụng tiếng Việt, sử dụng ngôn ngữ tự nhiên qua giao tiếp hàng ngày, là khả năng sử dụng các phương tiện như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp để đọc, viết, nói và nghe. Năng lực này được hình thành dần dần qua từng lớp và các khối lớp. Ban đầu học sinh sử dụng ngôn ngữ một cách quán tính, sau đó mới tiến đến sử dụng một cách có ý thức.

Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018 không chú trọng dạy sâu vào các nội dung mang tính hàn lâm nhằm nghiên cứu ngôn ngữ, mà chỉ cung cấp một số kiến thức ngôn ngữ nền tảng để người học có thể sử dụng trong việc thực hành đọc hiểu, viết, nói và nghe các kiểu loại văn bản. Ngoài ra chương trình còn chú trọng đến việc trang bị những tiền đề ngôn ngữ cần thiết để người học có thể học sâu hơn về ngôn ngữ ở bậc học cao hơn.

Theo từ điển tu từ - phong cách thi pháp học thì khái niệm ngôn ngữ được hiểu như sau: *“Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu âm thanh của con người dùng để giao tiếp giữa các thành viên trong một cộng đồng xã hội, phát sinh tự nhiên, phát triển có quy luật và mang đặc trưng xã hội.* Từ thông dụng trong tiếng Việt từ lâu đời tương đương với thuật ngữ này là *tiếng nói*, hay cụ thể hơn mức nào đó là *tiếng*. Trong phạm vi hẹp hơn, dạy học văn, GV có thể hỗ trợ thêm để HS hoàn thiện hơn tiếng nói của mình, như việc phát âm, đọc đúng âm tiếng Việt, dùng từ chính xác, không lạm dụng từ Hán Việt, và viết tắt theo trào lưu tức thời, viết đúng chính tả ngữ pháp tiếng Việt.

NĂNG LỰC VĂN HỌC là năng lực tiếp nhận, giải mã cái hay, cái đẹp của văn bản văn học (VBVH), thể hiện chủ yếu ở việc HS biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật thông qua các VBVH; nhận biết, lí giải, nhận xét và đánh giá những đặc sắc về hình thức VBVH, từ đó biết tiếp nhận đúng và sáng tạo các thông điệp nội dung (nghĩa, ý nghĩa, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng). Năng lực văn học còn thể hiện ở khả năng tạo lập văn bản, biết cách biểu đạt (viết và nói) kết quả cảm nhận, hiểu và lí giải giá trị thẩm mĩ của VBVH; bước đầu có thể tạo ra được các sản phẩm văn học. Năng lực văn học là một biểu hiện của năng lực thẩm mĩ, là khả năng phân tích, tái hiện và sáng tạo các yếu tố thẩm mĩ thông qua hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản văn học.

Khái niệm năng lực văn học chuyên sâu: “*Là năng lực sáng tạo văn học*”, được Culles (1975) và những nhà phê bình khác sử dụng. Có thể bao gồm nhiều năng lực khác nhau: năng lực kể chuyện, năng lực làm thơ, năng lực cảm thụ văn học,... Ở góc nhìn Ngôn ngữ học, năng lực văn học là một phần của năng lực ngôn ngữ, tức là có khả năng diễn đạt một nội dung thành biểu đạt có tính thẩm mỹ, và trình độ tiếp thu một tác phẩm văn học.”

Như vậy, kết hợp theo hai cách hiểu trên thì những năng lực như: kể chuyện, làm thơ, cảm thụ văn học cũng có thể áp dụng trong việc dạy học phát triển năng lực văn học cho HS trong nhà trường. Mặt khác, chúng ta cũng cần đề cập đến khả năng tóm tắt văn bản và trình độ tiếp thu tác phẩm văn học của HS như một biện pháp dạy học. Chẳng hạn, khả năng diễn đạt của HS về một vấn đề trong tác phẩm, phát hiện được những hình ảnh có tính thẩm mỹ cao. Từ mức độ tiếp thu tác phẩm văn học của HS, GV tìm ra các giải pháp phù hợp để nâng cao khả năng tiếp nhận tác phẩm cho HS. Thực tế vẫn có HS có khả năng kể chuyện tốt, GV cần phát hiện giúp HS phát huy năng lực này. Một số học sinh có khả năng sáng tác thơ, văn xuôi, được đăng tải trên các tạp chí văn học nghệ thuật.

NĂNG LỰC VĂN HỌC VÀ NĂNG LỰC NGÔN NGỮ
khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ và đều thông qua các kĩ năng chính đọc, viết, nói và nghe. Muốn hình

thành, phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ phải thông qua các kĩ năng ấy theo các yêu cầu từ thấp tới cao.

“Nghệ thuật không chỉ là việc tạo ra cái mới, mà còn là việc nhìn thấy điều cũ từ một góc nhìn mới.”

- HENRY MOORE -

CHƯƠNG HAI

THỰC TRẠNG DẠY HỌC NGỮ VĂN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

2.1. Giao thoa giữa truyền thống và hiện đại

Bất kỳ một hoạt động nào thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và đời sống xã hội đều có sự giao thoa và kế thừa giữa cái cũ và cái mới, giữa truyền thống và hiện đại. Ranh giới giữa sự giao thoa, giao thời bao giờ nó cũng tạo ra những hiệu ứng trái ngược nhau và phải trải qua thời gian mới được kiểm chứng. Đó cũng là quy luật phát triển của xã hội. Việc nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng các phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn cũng không nằm ngoài quy luật đó. Tuy nhiên, chúng ta không nên phủ nhận hoặc bỏ qua hoàn toàn các phương pháp dạy học (PPDH) truyền thống, mà phải chất lọc, kết hợp nó với những PPDH hiện đại nhằm mang lại hiệu quả dạy học cao nhất.

HỆ THỐNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TRUYỀN THỐNG gồm có *giảng* (diễn giảng, thuyết trình, giảng thuật), *đàm thoại* (phát vấn, đặt câu hỏi) và *hoạt động độc lập của học sinh* (chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà). Giảng dạy lịch sử văn học, chủ yếu vận dụng phương pháp diễn giảng. Giáo viên (GV) trình bày lại nội dung kiến thức trong SGK bằng biện pháp quy nạp và diễn dịch để HS nắm vững luận điểm và khái quát hoá các hiện tượng, sự kiện văn học thành nhận định lí luận. Giáo viên vừa giải thích vừa minh hoạ tư liệu văn học hoặc bình luận một số bài văn, đoạn văn, câu thơ tiêu biểu làm cho việc lĩnh hội tri thức xã hội, lịch sử, văn học của HS thêm phong phú.

Những PPDH truyền thống đã được GV vận dụng trong nhiều năm qua như: phương pháp đọc sáng tạo, phương pháp gợi mở, phương pháp nghiên cứu, phương pháp tái tạo, nêu vấn đề trong dạy học văn.

PHƯƠNG PHÁP ĐỌC SÁNG TẠO là phương pháp có vị trí quan trọng trong dạy học văn. Phương pháp này được thực hiện dưới nhiều hình thức và mục đích khác nhau: đọc tạo cảm hứng, nhấn mạnh ấn tượng nổi bật hay những sự kiện văn học chủ yếu; đọc để kiểm tra mức độ cảm thụ của HS. Từ đó, GV lựa chọn những biện pháp dạy học phù hợp. Một trong những biện pháp có hiệu quả của phương pháp đọc sáng tạo là đọc diễn cảm. Muốn đạt tới trình độ đọc diễn cảm HS phải đọc đúng, đọc hay. Đọc

đúng là trung thành với nội dung ý nghĩa văn bản. Đọc hay là biết phối hợp lao động đọc của mình, biết phát huy ưu thế về chất giọng, biết khắc phục những nhược điểm về phát âm, độ cao thấp và sức vang ngân của ngôn ngữ, về ngừng nghỉ trong ngắt nhịp để làm chủ giọng đọc và kỹ thuật đọc phù hợp với giọng điệu cảm xúc của nhà văn và nghĩa của văn bản.

Thực tế quá trình giảng dạy bộ SGK Ngữ văn mới trong chương trình lớp 10 và 11 cho thấy, học sinh lười đọc văn bản ở nhà trước khi lên lớp. Mặt khác, nếu giành thời gian đọc văn bản tại lớp thì quỹ thời gian hạn hẹp của một tiết học không cho phép chúng ta làm điều này. Trừ khi với những văn bản có dung lượng vừa phải, hoặc là VBNL, VBTT. Bên cạnh đó, ở vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số (DTTS), dân tộc tại chỗ (DTTC) gặp khó khăn trong việc phát âm tiếng phổ thông dẫn đến hiệu quả đọc chưa cao.

PHƯƠNG PHÁP ĐỌC GỢI MỞ là phương pháp dẫn dắt HS từng bước tham gia phát hiện, phân tích và đánh giá từng bộ phận của tác phẩm. Phương pháp đọc này hỗ trợ cho phương pháp đọc sáng tạo, giúp HS mở rộng, đào sâu hoạt động nhận thức, thực sự động não để phân tích, bình giá các hiện tượng văn học. Đây là phương pháp nghiên cứu bộ phận hay phương pháp phát kiến. Tài liệu nghiên cứu chủ yếu là văn bản và các tác phẩm văn chương. Đối tượng cần khảo sát sâu sắc là những bộ

phận quan trọng có ý nghĩa then chốt, có mối quan hệ hữu cơ với hệ thống kết cấu của tài liệu. Bản thân những bộ phận ấy lại phải có tác dụng kích thích hoạt động nhận thức của HS.

HỆ THỐNG CÂU HỎI GỢI MỞ có thể dựa vào một số vấn đề then chốt về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm giúp HS khơi sâu và nâng cao năng lực cảm thụ ban đầu. Khi dạy bài *Bình Ngô đại cáo* (Đại cáo bình Ngô) của Nguyễn Trãi, GV đưa ra câu hỏi gợi mở: Em hiểu từ “nhân nghĩa” trong câu “*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*” nghĩa là gì? Khái niệm này có từ đâu? Nội dung bao hàm là gì? Từ những câu hỏi này, GV gợi mở cho HS tìm kiếm, giải thích. Học sinh có thể suy luận và hiểu sâu hơn về ý nghĩa của văn bản. Bởi vì, nhân nghĩa chính là tư tưởng của tác giả, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt bài cáo, chính là sức mạnh của dân tộc ta trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Tư tưởng này đã khai mở và thức tỉnh nhân dân đoàn kết tạo nên sức mạnh, làm cho thế giới phải nể phục Việt Nam.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGHIÊN CỨU được vận dụng ở các lớp cuối cấp là một bước chuyển hoá tự nhiên từ phương pháp gợi mở để đi sâu vào tài liệu và tác phẩm văn chương. Phương pháp nghiên cứu bước đầu xây dựng cho HS kĩ năng phân tích và cắt nghĩa văn học. Quá trình phân tích văn học trong nhà trường vừa tìm hiểu chi tiết các mặt riêng lẻ, vừa giúp HS khảo sát những vấn đề bên trong của tác phẩm và tương quan giữa chúng trên cơ sở

tổng hợp những yếu tố nội dung và hình thức. Thông qua sự khái quát hoá những đặc điểm nghệ thuật độc đáo của tác phẩm học sinh lí giải, truyền đạt một cách có ý thức những hiểu biết và kinh nghiệm đánh giá văn học trong quá trình xúc cảm để tạo nên mối quan hệ qua lại cụ thể sinh động giữa HS và tác phẩm, từ đó làm sáng tỏ ý nghĩa xã hội và ý nghĩa cá nhân của văn chương.

Tiếp cận tác phẩm *“Chiếc thuyền ngoài xa”* của nhà văn Nguyễn Minh Châu, GV cần nhấn mạnh ý nghĩa nhan đề của văn bản. Bởi vì, việc đặt nhan đề là ý đồ tư tưởng nghệ thuật của tác giả, có những trường hợp phải thay đổi tên tới ba lần như Chí Phèo của Nam Cao. Chiếc thuyền là phương tiện chèo lái, cái phao cứu sinh của ngư dân, cũng phương tiện nghệ thuật, đồng thời là nghệ thuật, tác phẩm nghệ thuật. Chính Nguyễn Minh Châu đã để cho Phùng ngạc nhiên, ngỡ ngàng, trân trọng đến thót tim. Nó được ví như cảnh *“đất”* trời cho, *“một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ”*,... trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào. Ngoài xa kia là khoảng cách, sự lênh đênh của con thuyền trên mặt biển. Phải nó rằng, một nhà văn tinh anh, tinh tế, dám đối mặt với thực tại nghiệt ngã. Phía sau bức tranh nghệ thuật tuyệt đẹp kia là một sự thật tàn nhẫn.

Khoảng cách trong ngữ cảnh này có thể hiểu theo nhiều chiều, khoảng cách giữa bến và thuyền, giữa nhà văn và đời sống nhân dân, giữa nghệ thuật và cuộc sống

con người. Như thế, GV đã cùng HS phát hiện ra mối quan hệ giữa nghệ thuật chân chính với đời thực. Hơn ai hết, người nghệ sĩ phải có cái nhìn đa chiều khi chứng kiến và đứng trước một vấn đề của xã hội và làm thế nào để khoảng cách ấy cần được xích lại gần hơn, đồng cảm hơn, thấu hiểu hơn với người trong cuộc.

PHƯƠNG PHÁP TÁI TẠO có nghĩa là phục hồi, tái hiện tri thức đã có sẵn trong bài giảng, trong SGK, trong các bài nghiên cứu, phê bình, trong những chuyên luận cần tham khảo. Đặc điểm của phương pháp tái tạo trong dạy học văn thể hiện ở tính chủ động, thuyết phục bằng ngôn ngữ diễn đạt, ở tính mẫu mực trong minh họa trích dẫn tư liệu văn học cụ thể, sinh động của GV. Khi vận dụng phương pháp tái tạo, GV thường xây dựng những cơ cấu logic nhận thức riêng cho mỗi bài giảng để HS tiếp thu, ghi nhớ vận dụng dễ dàng.

Giáo viên không những trình bày các tri thức khác nhau mà còn kết hợp vạch ra con đường tiếp thu tri thức đó và kĩ năng cần thiết để ghi nhớ bài giảng, học thuộc lòng bài học mà còn tạo thêm những hình thức để HS tham gia vào quá trình lĩnh hội tri thức bằng hoạt động trí tuệ tích cực tự giác. Minh chứng cho PPDH này khi dạy đoạn trích *Trao duyên* trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du trong SGK Ngữ văn 11 - Bộ kết nối tri thức với cuộc sống (KNTTVCS). Giáo viên giúp HS tái tạo lại kiến thức đã học về các đoạn trích trước đó.

Chẳng hạn, hoàn cảnh dẫn đến Thuý Kiều trao duyên cho Thuý Vân. Vì sao Thuý Kiều trao duyên cho em mà không phải là người khác? Vì để vẹn cả chữ tình và chữ hiếu, vì tình máu mủ ruột rà nên nàng quyết định trao duyên cho em. Để thuyết phục Thuý Vân đồng ý nhận lời, Thuý Kiều nói:

- Việc đến nỗi này, không thể không đi theo con đường ấy. Em còn ít tuổi, làm gì được việc này. Em là người lương thân hiếu thờ cha mẹ, chị làm người trung thân giết mình thành nhân vậy thôi! Huống chi, chị đã biết rõ thân này mệnh bạc, mặc cho đông tây đầy đoạ, nhưng chỉ phụ lòng...

Thông qua ngôn ngữ nhân vật cũng khơi gợi ở học sinh tái hiện kiến thức nền và hình thành năng lực tiếp nhận về ngôn ngữ văn học:

“Cậy em em có chịu lời,

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa”.

Từ “*cậy*” trong hai câu thơ trên đồng nghĩa với từ nhờ như nhờ vả, nhờ ai ai làm một việc gì đó. Nhưng với một bậc thầy ngôn ngữ như Nguyễn Du, cộng với sự am hiểu tiếng mẹ đẻ, yếu tố Hán Nôm. Ông không dùng từ nhờ mà dùng từ cậy bởi sắc thái của nó vô cùng “đắt”. Ông bà ta xưa vẫn hay nói: “*Trẻ cậy cha, già cậy con*”, hay cậy thần, cậy thế, tin cậy. Từ “*chịu*” như một sự chấp nhận, uỷ thác của Thuý Kiều vào người em gái của mình. Mà theo luân thường đạo lý xưa nay thì người bề dưới phải lạy người bề

trên, em lạy chị, con lạy cha mẹ, lạy tạ ơn trước ban thờ tổ tiên, trước những anh linh vì nghĩa lớn, lạy van xin ai đó vì mình mắc lỗi sai lầm nào đó. Tác giả lại để Kiều lạy Thuý Vân, cho thấy nàng cao thượng làm sao! Lạy để trao tình yêu, trao người yêu đầu đời của mình cho em thì chuyện hiếm có trong lịch sử tình yêu. Trong tiếng Việt, các từ “*chịu*”, “*cậy*” và “*lạy*” thuộc thanh trắc (T) diễn tả tâm trạng đau đớn đến quặn thắt, nghẹn ngào của nhân vật. Người đọc sẽ phát hiện và suy đoán rằng việc mà Thuý Kiều sắp nói ra với em gái của mình là rất hệ trọng, việc của cả đời người Trao duyên.

Những PPDH văn truyền thống được nêu trong các công trình cũng đề cao phát triển phẩm chất, năng lực của chủ thể HS. Dạy học nêu vấn đề ra đời đã trên mấy chục năm nay và đang giành được một vị trí ngày càng ổn định. Phương pháp này vẫn được áp dụng trong việc thực hiện chương trình SGK mới. Nói đến dạy học nêu vấn đề là bàn đến con đường riêng để tiến hành quá trình dạy học. Con đường và cũng là nội dung thực hiện dạy học nêu vấn đề là quá trình xây dựng và giải quyết một cách khéo léo hệ thống tình huống có vấn đề.

DẠY HỌC NÊU VẤN ĐỀ là một hệ thống tình huống có vấn đề đặt ra gắn liền với nhau và trong quá trình đó, HS dưới sự giúp đỡ và lãnh đạo của GV, nắm được nội dung bộ môn phương thức học tập và phát triển ở mình những phẩm chất cần thiết cho một thái độ sáng tạo đối

với khoa học và đời sống. Chúng ta áp dụng PPDH này vào những văn bản chứa tình huống có vấn đề.

Trong tác phẩm *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân thuộc *Bài 1 Sức hấp dẫn của truyện kể* - Bộ KNTTVCS. Tình huống có vấn đề là cuộc gặp gỡ giữa Huân Cao và viên quản ngục. Giáo viên nêu vấn đề: Giữa Huân Cao và viên quản ngục có điều gì đặc biệt? Học sinh có thể phát hiện ra đó là cuộc gặp định mệnh giữa tội đồ và quyền lực. Huân Cao đại diện cho cái tài, cái đẹp, tạo ra cái đẹp. Viên quản ngục là người yêu cái đẹp, đam mê cái đẹp và mong muốn lưu giữ, bảo vệ cái đẹp. Trường hợp này, giáo viên có thể nêu thêm vấn đề, Huân Cao và viên quản ngục là sự phân thân của nhà văn Nguyễn Tuân - một nghệ sĩ lớn suốt cuộc đời đi săn tìm cái đẹp của con người và tự nhiên. Từ việc tìm hiểu một tình huống có vấn đề trong VB VH, học sinh sẽ hình thành ý thức, hành động và xử lý các tình huống trong cuộc sống. Học sinh thành cảm xúc thẩm mỹ, biết tìm kiếm, nâng niu cái đẹp, có thái độ ứng xử phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể.

GIẢNG VĂN XUA VÀ NAY

Theo tác giả Phan Trọng Luận: “Giảng và bình văn là những việc làm khá quen thuộc đối với nhiều GV văn học. Hình như đã trở thành một thứ bí quyết trong giảng văn. Ai biết bình và bình giỏi, giờ giảng văn sẽ hứng thú, mang màu sắc văn học rõ rệt. Không có một giờ giảng văn nào thành công mà lại thiếu được lời bình của giáo viên”. Như

vậy, phương giảng bình vẫn có thể áp dụng ở mức độ kết hợp trong một số tác phẩm, thường nghiêng về thơ nhiều hơn là văn bản truyện.

Ta lấy ví dụ khi dạy bài *Tràng giang* của Cù Huy Cận trong SGK Ngữ văn 11 - Bộ KNTTVCS. Trong khổ thơ đầu, tác giả viết:

*“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.”*

Ngoài việc vận dụng các PPDH mới theo yêu cầu cần đạt, nội dung phần tri thức Ngữ văn và hệ thống câu hỏi của bài học, khai thác nhan đề, lời đề từ. Đối với đoạn thơ này, GV có thể dùng phương pháp giảng bình giúp HS cảm nhận toàn bộ bài thơ một cách đầy đủ, trọn vẹn nhất.

Thời điểm sáng tác bài thơ này, Huy Cận là một chàng thanh niên tuổi mười tám, đôi mươi, là thế hệ trí thức trẻ. Ông sống trên quê hương của mình khi đất nước chưa được độc lập, chỉ có người tri thức mới hiểu được thân phận của người dân nô lệ lầm than. GV xuôi dòng thời gian về quá khứ lịch sử dân tộc ở thời điểm dân ta chiếm chín mươi phần trăm mù chữ. Nỗi buồn của nhà thơ như hoà quyện vào con sóng, không phải là sóng trào dâng như *Sóng* của Xuân Quỳnh, mà sóng gợn, gợn nhẹ gợi ra trước mắt người đọc những lớp sóng triền miên liên tục.

Sóng nổi đuôi nhau điệp điệp. Tại sao tác giả không dùng “điềm điệp”, mà là “điệp điệp”. Một từ láy toàn phần lay động, chạm đến trái tim người đọc, từ láy này thuộc thanh Trắc (T) gợi lên sự trĩu nặng đầy tâm trạng, nỗi buồn vô tận của một người yêu quê hương đất nước nồng nàn.

Đến câu thơ thứ hai:

“Con thuyền xuôi mái nước song song”

Thuyền, bến, sông, trăng... là những hình ảnh mang tính biểu tượng, biểu trưng trong văn học, xuất hiện nhiều trong văn học dân gian và văn học trung đại. Các nhà thơ xưa thường lấy động tả tĩnh. Phải chăng, một nhà thơ hiện đại, tiêu biểu trong phong trào Thơ mới, Huy Cận đã sáng tạo hơn và nâng lên tầm cao của ngôn ngữ như kiểu *kí hiệu học* của Lã Nguyên. Trong động có tĩnh, cái tĩnh thành cái tĩnh, tĩnh thức người đọc. Con thuyền và bến nước thường gắn bó với nhau, nương tựa nhau. Thế nhưng, trong câu thơ này “nước song song”. Thơ ca như hình học không gian vậy! Hai đường thẳng song song không bao giờ gặp nhau. Bên này sông nhìn bên kia sông, nhìn thấy gần đấy nhưng không qua được, không gặp nhau được, không kết nối được. Ai đã ngăn cách chúng ta? Thực dân Pháp chứ không ai khác!

Bùi Minh Toán tác giả cuốn *“Ngôn ngữ với văn chương”*, đánh giá: Bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận là một tác phẩm nghệ thuật tổng hợp, ở đó có sự biến động của sự vật, của tâm trạng, có âm thanh, màu sắc và nhất là có cả một

không gian rộng lớn với ba chiều: chiều rộng, chiều dài, chiều cao. Bài thơ vẽ ra một quang cảnh sông nước, trời mây không khác gì một bức tranh, nhưng tính thời gian của ngôn ngữ, của nghệ thuật văn chương đòi hỏi các chi tiết trong không gian và trong tâm trạng phải hiện ra dần dần, nối tiếp nhau (từ nối tiếp từ, câu nối tiếp câu, khổ nối tiếp khổ...), chứ không thể đồng thời hiện diện; và khi cảm nhận, người đọc cũng cảm nhận dần dần, để rồi cuối cùng mới lĩnh hội được cả bức tranh, cả tín hiệu thẩm mỹ trong chỉnh thể của nó. Sự tuyến tính hoá theo thời gian trong nghệ thuật văn chương chính là ở đó.

Khổ thơ đầu bài thơ là cảnh sông nước bao la, sông càng dài thì nỗi buồn con người càng chất chứa bấy nhiêu. Con sóng gợn trên sông cũng là gợn trong lòng người, mỗi con sóng là một nỗi buồn. Sóng gợn tràng giang sinh ra nỗi *“buồn điệp điệp”*, nỗi sầu bát ngát... Con sóng trên sông là một hình tượng ẩn dụ, chỉ sóng lòng của con người. Con thuyền cũng là một hình tượng ẩn dụ chỉ người lữ khách bên sông. *“Con thuyền xuôi mái”* nghĩa là người lái gác chèo để mặc cho con thuyền trôi song song theo nước. Thân phận con người bọt bèo như một cành củi khô đơn độc yếu ớt, thiếu sức sống, không làm chủ được mình, phó mặc cho dòng đời trôi chảy. Mà dòng sông định mệnh thì ngổn ngang xuôi ngược *“về” - “lại”, “trăm ngả”, “mấy dòng”*... Không gian lưu lạc, phân tán, cho thấy những phận đời trôi nổi, hợp tan, thật đáng buồn.

2.2. Dạy học văn trước xu thế công nghệ và hội nhập

Chúng ta đang sống trong thời đại công nghệ, hội nhập và phát triển của toàn nhân loại. Những thuật ngữ mới xuất hiện với tần số khủng khiếp như: internet, rô bốt, điện thoại thông minh, máy tính thông minh, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, công dân toàn cầu. Các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo, TikTok,... rất nhiều ứng dụng tiện ích đã giúp con người nhàn hạ hơn khi tiếp cận với thế giới thông tin rộng lớn.

GS.TS. NGND Trần Đình Sử từng nhận định: “Trong thời kì hội nhập sự phát triển kinh tế thị trường và giao lưu văn hoá vừa làm thay đổi văn hoá vừa thay đổi con người một cách dữ dội. Sự phát triển kinh tế dựa vào kinh nghiệm, cơ chế phương Tây đồng hành cùng văn hoá phương Tây có sức mạnh tổng hợp làm thay đổi văn hoá dân tộc rất to lớn, văn hoá dân tộc - sản phẩm của truyền thống và cách mạng đang bị tổn thương, băng hoại theo một tốc độ chóng mặt mà chưa có cách gì kìm lại được”. Dạy học Ngữ văn trong trường phổ thông cũng đang đứng trước ngưỡng cửa của sự giao thoa đó. Vấn đề mấu chốt đặt ra là làm thế nào để thích ứng, hoà nhập, hoà đồng nhưng không hoà tan.

Trước hết, chúng ta cần đề cập tới lợi ích và thuận tiện đối với công việc dạy học văn của GV và HS. Các nền tảng vừa nêu trên đã giúp GV và HS dễ dàng tiếp cận, tìm kiếm và khai thác thông tin liên quan nội dung bài học. Chúng

ta còn nhớ vào năm 2020 khi đại dịch Covid-19 xuất hiện và hoành hành khắp hành tinh, cướp đi sinh mạng của hàng triệu người. Mọi hoạt động của loài người đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng, suy thoái kinh tế kéo theo hàng loạt hậu quả tồi tệ.

Thế giới náo loạn và điên đảo, an ninh lương thực, khủng hoảng nhân đạo. Ngành giáo dục cũng phải oằn mình để tìm kiếm các giải pháp giảm thiểu rủi ro, sự trì trệ, vận hành cổ máy và hệ thống giáo dục các cấp. Con người chuyển đổi trạng thái một cách nhanh như chong chóng để thích ứng với hoàn cảnh. GV và HS từ chỗ học trực tiếp sang học trực tuyến, nhà nhà online, người người online. Các nền tảng như Zoom, Google Meet... bắt đầu phát huy hiệu lực một cách rộng rãi từ thành thị đến nông thôn.

THUẬT NGỮ THẾ GIỚI PHẪNG đang làm cho con người được công bằng hơn trong tiếp cận công nghệ và thông tin. Ông bà xưa hay nói, *“trong cái rủi có cái may”*, *“trong họa có phúc”* và ngược lại. Dạy học trực tuyến giúp GV và HS được làm quen, sử dụng các thiết bị điện tử thông minh như máy tính, điện thoại cảm ứng, iPad, Iphone... Học sinh biết tương tác, chia sẻ tư liệu, bài tập và cả những biểu tượng cảm xúc có sẵn. Song, cái gì trong vũ trụ luôn tồn tại hai mặt của sự thống nhất và đối lập, lợi bất cập hại.

Trong xu hướng hội nhập ngày này, HS chạy theo trào lưu, thích thần tượng (*Idol*), nhất là các thần tượng văn

hoá, thể thao nước ngoài hơn là các nhà thơ, nhà văn trong nước. Thậm chí là các em có thể quên đi lịch sử nước nhà trong chiều dài bốn ngàn năm oai hùng. Chỉ cần một ca sĩ, một cầu thủ, một nhóm nhạc nước ngoài qua Việt Nam biểu diễn, các bạn trẻ nói chung và HS nói riêng luôn thao thức, chờ đợi, sẵn đó một cách nồng nhiệt. Bên cạnh những tiện ích từ các nền tảng công nghệ mang lại, nó cũng tác động không nhỏ vào thói quen lối sống của HS.

Các em quá lạm dụng vào việc chơi game, truy cập vào các trang Website có nội dung không lành mạnh, nhạy cảm với lứa tuổi. Việc HS sử dụng các trang mạng xã hội tràn lan, lên mạng để quấy rối hoặc làm phiền bạn bè, nhấn tin uy hiếp nhau làm xáo trộn tâm lí, gây hoang mang dư luận, nhà trường, gia đình và xã hội. Hiện tượng này đã để lại hậu quả đáng tiếc và khôn lường.

CTGDPT năm 2018 đặt ra mục tiêu và yêu cầu cần đạt cụ thể, riêng với bộ môn Ngữ văn gắn liền với trực xương sống đọc, viết, nói và nghe. Có một điều mà bất kì ai dù là tài năng thiên bẩm hay người bình dân đến chuyên gia đều hiểu rằng, khi con người sinh ra, lớn lên đều được bậc sinh thành thiết lập đầy đủ các bộ phận và giác quan, nhãn quan, đọc, viết, nói. Thế nhưng, HS ngày nay rất ít đọc sách, không chỉ không đọc sách tham khảo, báo chí mà ngay cả SGK cũng không đọc. Kết thúc một năm học, lật dở từng trang vẫn còn thơm mùi giấy, nếp phẳng lì trơn tru còn nguyên vẹn.

Nhìn lại những thập niên 80, 90 thế hệ 8X đi học mà hành trang chỉ là đôi dép tổ ong huyền thoại, tường đất quện với bùn và rơm thơm mùi lúa đồng quê. Sách vở thời bấy giờ in bằng giấy nâu, quý hơn vàng. Mỗi khi các em không đọc mà chỉ chờ đợi GV giảng thì chắc chắn việc tiếp thu, lĩnh hội tri thức sẽ bị hạn chế. Nếu không muốn nói là nghe một cách thụ động. Dĩ nhiên đây không phải là số đông.

Học sinh ngồi học mà tâm thế chỉ để ý chiếc điện thoại thông minh trong bàn, ngăn cặp, chờ đợi một tin nhắn, thông điệp nào đó từ người khác hơn là việc chú ý bài giảng từ GV. Thực trạng này khiến GV, các nhà quản lý, nhà trường và phụ huynh phải nhức đầu trăm trở. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để HS yêu sách hơn, hiếu học hơn, quý trọng thầy cô, trân trọng bạn bè hơn.

Dân gian có câu: *“Trọng thầy mới được làm thầy”*. Câu tục ngữ có ý nghĩa nhấn mạnh tầm quan trọng của đạo lý tôn sư trọng đạo. Người học cần phải tôn trọng, kính mến thầy giáo, người đã truyền đạt kiến thức và dìu dắt ta trong học tập. Một nghĩa khác, câu nói khẳng định phẩm chất đạo đức cần thiết của người thầy. Một người thầy muốn truyền đạt kiến thức cho người khác thì trước hết phải biết tôn trọng, kính mến những người thầy đã dạy dỗ mình.

2.3. Vai trò của người giáo viên trong dạy học Ngũ văn

Để bắt đầu đề mục này, tôi mạn phép trích dẫn lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuốn *Dạy học Ngũ văn theo*

định hướng năng lực của Nguyễn Trọng Hoàn. Cụ thể như sau: “Từ tiểu học, trung học cho đến đại học, là nơi rèn luyện nhi đồng và thanh niên. Óc những người trẻ trong sạch như một tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ. Vì vậy sự học tập ở trong trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên, và tương lai của thanh niên là tương lai của nước nhà”.

Martin Luther KingIr từng nói: *“Nếu một người làm công việc quét đường, anh ta cần phải quét đường như Michelangelo vẽ tranh, như Beethoven soạn nhạc, hay như Shakespeare làm thơ. Anh ta cần phải quét đường thật tốt sao cho tất cả mọi người trên thiên đường hay dưới trần gian đều phải ngừng lại và nói, ‘Nơi đây có một người quét đường vĩ đại đã làm rất tốt công việc của mình’”*.

Có rất nhiều câu nói hay bàn về vai trò của người thầy, ví dụ như: *“Không thầy đố mày làm nên”*. Từ trước tới nay, người ta vẫn chỉ hiểu người thầy ở một phạm vi hẹp là trong nhà trường. Trường học chỉ cho ta kiến thức, trường đời mới cho ta hạnh phúc. Trường học hạnh phúc, thầy cô hạnh phúc thì mới có thể giúp HS hạnh phúc được.

Muốn giúp HS hạnh phúc được thì GV phải trang bị cho mình đầy đủ các yếu tố: *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*. *Nhân* là lòng nhân, tình yêu thương HS, đạo đức làm người. *Nghĩa* là tình nghĩa, nghĩa khí của người thầy giáo. *Lễ* tức là những phép tắc phải theo để cư xử trong gia đình, xã hội sao cho phải đạo người trên kẻ dưới, theo tư tưởng

Nho giáo. Nhà giáo lại càng rất cần phẩm chất này khi đối xử, cư xử với HS với thái độ hoà nhã, hài hoà, phù hợp với tâm lí lứa tuổi học sinh. *Lễ* còn là lễ phép, thái độ được coi là đúng mực với người trên, tỏ ra có lòng kính trọng với đồng nghiệp, cấp trên. *Trí* là trí tuệ, khả năng nhận thức lí tính đạt đến một trình độ nhất định. *Tín* là chữ tín, niềm tin, tín nhiệm từ người khác, từ đồng nghiệp. Thiết nghĩ, mỗi nhà giáo cần phải xác định đúng vai trò và làm tròn trách nhiệm, sứ mệnh người truyền lửa, truyền cảm hứng cho thế hệ tương lai của đất nước. Để rồi, mỗi chuyến đi trôi qua, học sinh vẫn nhớ mãi nơi này đã có một người giáo viên vĩ đại góp phần giúp ta cập bến bờ tri thức.

Một số nhà triết học, nhà cải cách giáo dục tiên bộ trên thế giới, điển hình như: John Dewey (người Mỹ) đề cao tư tưởng: “Dạy học là giao việc cho học sinh “làm” chứ không phải giao vấn đề cho học sinh “học”. Hay như Tsunnesaburo Makiguchi (người Nhật) lại cho rằng: “Truyền đạt tri thức không phải và không bao giờ là mục đích của giáo dục. Mục đích của giáo dục là hướng dẫn quá trình học tập và đặt trách nhiệm học tập vào trong tay mỗi học sinh. Giáo dục được xem như là quá trình giáo viên hướng dẫn học sinh hoạt động nhận thức để “tự phát triển”. Những tư tưởng này cho thấy, GV là người hướng dẫn, gợi ý, gợi mở cùng HS khám phá những điều bí ẩn phía sau những con chữ, những hình ảnh được đề cập trong VB VH.

Hình ảnh núi Dục Thuý trong bài *Dục Thuý Sơn* của Nguyễn Trãi, SGK Ngữ văn 10 - Bộ KNTTVCS. Học sinh sẽ rất khó khăn khi đọc hiểu những tác phẩm viết bằng chữ Hán. Với văn bản này, GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu kỹ ý nghĩa nhan đề bằng cách đọc kỹ chú thích. Tên Dục Thuý là do Trương Hán Siêu đặt, núi có hình tượng như con chim bói cá đang tắm, loài chim này có màu xanh biếc. Ngọn núi này còn có một cách gọi khác đậm chất thơ là “núi thơ” vì đã khơi nguồn cảm hứng cho rất nhiều thi nhân.

Hình ảnh *đóa hoa sen* trong hai câu thơ:

“Liên hoa phù thủy thượng

Tiên cảnh truy trần gian.”

Dịch thơ:

“Cảnh tiên rơi cõi tục

Mặt nước nổi hoa sen”.

Những chi tiết cận cảnh miêu tả cảnh núi Dục Thuý trong đó có “*đóa hoa sen*” gợi cho các em liên tưởng tới điều gì? Học sinh sẽ có nhiều phát hiện khác nhau, hoa sen là biểu tượng của cốt cách tâm hồn người Việt, là quốc hoa của dân tộc. Hoa sen cũng là biểu tượng của Phật giáo, nơi Phật tọa toà sen mang một ý nghĩa thanh cao, Phật pháp thì trang nghiêm thần diệu, mà hoa sen lại mềm mại, thanh tịnh và ngan ngát hương thơm.

Học sinh khác sẽ liên tưởng đến câu ca dao:

*“Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng lại chen nhụy vàng.
Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.”*

Như thế, HS có thể nhận xét được vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi, một vẻ đẹp tinh khiết, trong sạch, sống giữa môi trường bùn lầy, nhơ bẩn nhưng nhà thơ vẫn giữ được nét đẹp thanh tao. Tác giả dân gian rất tinh tế khi quan sát hoa sen, tưởng như lặp lại, nhưng không phải, đó là sự quan sát đa chiều, từ không gian rộng đến không gian hẹp, từ bên ngoài vào bên trong và mang đến một tín hiệu thẩm mỹ rất độc đáo, đặc trưng. Nguyễn Trãi lựa chọn hình ảnh và ngôn từ vô cùng tinh tế sâu sắc. Học sinh phát huy được trường liên tưởng dồi dào phong phú.

KHẨU HIỆU “LẤY HỌC SINH LÀM TRUNG TÂM” đã trở nên quen thuộc trong nhà trường hiện nay. Đây là một lý thuyết dạy học được áp dụng phổ biến ở Phương Tây và Nhật Bản. Giáo viên Việt Nam đã và đang vận dụng lý thuyết này một cách linh hoạt trong nhiều môn học và cấp học khác nhau. Hoạt động dạy học bao gồm nhiều yếu tố như người dạy, người học, mục tiêu, nội dung, phương pháp, môi trường sư phạm. Trong đó, mục tiêu là yếu chi phối trực tiếp đến các hoạt động còn lại. Nói lấy học sinh làm trung tâm, nhưng phải tùy vào đối tượng, phụ thuộc vào vùng miền. Với những HS hiếu học, tự giác, siêng năng, chăm chỉ thì lý thuyết trên sẽ dễ

dàng thực hiện. Còn đối với những HS có năng lực hạn chế, buộc GV phải trực tiếp tham gia, giám sát và theo dõi mới có hiệu quả cao.

Đơn cử như hoạt động chào cờ đầu tuần, mỗi lớp đảm nhiệm một chủ đề lên trình bày dưới dạng Game Show. Nếu học sinh năng động, biết phối hợp tìm kiếm và sáng tạo, chương trình đó sẽ thành công suôn sẻ. Giáo viên chỉ cần gợi ý, định hướng, góp ý, chỉnh sửa bổ sung cho kịch bản trở nên bài bản, chuyên nghiệp hơn.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục của nước nhà, Người từng căn dặn: “Nhiệm vụ giáo dục rất quan trọng và vẻ vang, vì không có thầy giáo thì không có giáo dục”. Bác đề cao đến phương pháp giáo dục: “Trong một trường học, các thầy nên thi nhau tìm cách dạy sao cho dễ hiểu, dễ nhớ, nhanh chóng và thiết thực”.

Thí dụ, GV dạy văn bản *Cầu hiền chiếu* (Chiếu cầu hiền) của Ngô Thì Nhậm, thuộc *Bài 3 Cấu trúc văn bản nghị luận*, SGK Ngữ văn 11- Bộ KNTTVCS. Ngoài kiến thức đã cung cấp ở phần *Tri thức Ngữ văn*, muốn giúp HS chiếm lĩnh được nội dung văn bản, phát triển được các phẩm chất và năng lực vốn có. GV cần chủ động, khởi động bài học bằng cách nêu một vài câu hỏi dạng kiến thức nền như: Em hãy nhắc lại tên một số thể loại văn học trung đại đã học ở các lớp dưới? Mỗi thể loại hãy nêu tên tác phẩm tiêu biểu? Em còn nhớ khái niệm, đặc điểm của thể loại *Chiếu* không?

Tôi tin chắc, HS sẽ nhớ và nêu được vấn đề! *Chiếu, biểu, cáo, hịch, phú...* Các văn bản đã học như: *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn, *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn. Theo từ điển tiếng Việt, *chiếu là giấy tờ vua ban ra* (chiếu chỉ), *chiếu là rọi, soi vào, ánh sáng chiếu vào*. Từ điển thuật ngữ văn học định nghĩa: “*Chiếu là một thể văn thư có cội nguồn từ Trung Quốc, nhà vua dùng để ban bố mệnh lệnh cho thần dân. Thể văn này có khi còn gọi là chiếu thư, chiếu chỉ*”.

Ở Việt Nam thể chiếu cũng đã có từ lâu đời (cùng loại với *mệnh, lệnh* và *chế*). Chiếu có thể được viết bằng văn vần, văn xuôi hoặc văn biền ngẫu. GV định hướng tiếp, một văn bản được vua ban bố mệnh lệnh cho thần dân ắt hẳn sẽ có giá trị lớn. Giá trị đó là gì? Chúng ta sẽ cùng nhau khám, giải mã tác phẩm nhé! Chỉ bằng việc gọi mở, GV đã đánh thức tiềm thức từ HS. Công việc tiếp theo, thầy và trò giải thích ý nghĩa nhan đề văn bản. *Chiếu cầu hiền* là bài chiếu ban bố để kêu gọi người hiền (người tài) ra phục vụ triều đình, giúp vua xây dựng đất nước (triều đại Tây Sơn) bấy giờ.

GIÁO VIÊN TRONG THỜI HIỆN ĐẠI, đổi mới hội nhập, phải là người biết đóng vai, vừa là thầy, vừa là bạn, nhà tâm lý, nhà tư vấn hướng nghiệp, đôi khi làm một quan toà bất đắc dĩ để giải quyết, hoá giải mâu thuẫn của HS một cách thấu tình, đạt lý. Có một số tình huống, GV còn đóng vai một chiến sĩ cảnh sát điều tra, trà trộn ẩn

mình dưới tán bàng xanh, dưới cây phượng hồng, tìm hiểu nguyên nhân các vụ việc ngoài mong muốn. Trong dạy học chính khoá, giờ sinh hoạt lớp, hoạt động ngoại khoá, GV phải luôn đồng hành với HS để khích lệ tinh thần kịp thời. Một lời động viên có sức mạnh bằng hàng trăm lời trách cứ, một món quà nhỏ có thể giúp HS vượt qua khó khăn để vươn lên trong học tập.

Nếu xem dạy học là một nghệ thuật, thì giáo viên là một nghệ sĩ. Sẽ dĩ nói như thế vì văn học là một loại hình nghệ thuật ngôn từ. Muốn truyền cảm hứng nghệ thuật, bản thân giáo viên phải biết đóng vai là người nghệ sĩ.

2.4. Sự phân tầng trong chủ thể học sinh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NGỮ VĂN, trước đây hay dùng là dạy học văn bao gồm những yếu tố cấu trúc của một cơ chế luôn vận động gồm có chủ thể học sinh, chủ thể giáo viên, chủ thể nhà văn và văn bản (tác phẩm). Các yếu tố này có mối quan hệ hữu cơ biện chứng và tất nhiên nó có mối quan hệ với những yếu tố ngoài hệ thống như môi trường xã hội, đời sống chính trị tư tưởng văn hoá thẩm mỹ, tâm đón nhận, môi trường gia đình, môi trường học đường. Học sinh không phải là bình chứa mà là những ngọn lửa. Giáo viên là người thắp sáng lên ngọn lửa ấy. Vì một lí do nào đó mà không thắp sáng được, thì phải giữ ngọn lửa ấy dù là leo lắt, còn hơn là để nó tắt hẳn và lụi tàn như ngọn đèn trước gió.

GIỜ HỌC VĂN THÀNH CÔNG

Chúng ta phải thừa nhận rằng, một giờ dạy văn được gọi là thành công từ cả hai phía, hoặc một giờ dạy thi giáo viên dạy giỏi chưa đủ để đánh giá và kết luận hết vấn đề. Bởi vì, mỗi GV có một thể mạnh riêng, sở trường riêng; HS càng có sự phân tầng riêng. Dù sao đi chăng nữa, kết quả cuối cùng vẫn là GV thấy hài lòng, HS được kiểm chứng, cảm nhận chất lượng giờ học. Sự phân tầng của HS bắt nguồn từ tâm lí lứa tuổi, thị hiếu thẩm mĩ, nhu cầu thẩm mĩ, nguyện vọng lựa chọn bộ môn, tổ hợp môn theo chương trình giáo dục mới. Việt Nam ta có 54 dân tộc anh em, cùng với những đặc điểm địa lí, kinh tế, văn hoá vùng miền tạo nên năng lực tiếp nhận khác nhau.

Những trường hợp đặc thù, chuyên biệt như trường chuyên, trường quốc tế, khối chuyên trong trường đại học, mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng của HS sẽ đồng đều hơn. Ngược lại với những trường thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, mức độ tiếp nhận tri thức, năng lực HS không đồng đều. Học sinh ngày nay có xu hướng học các môn khối tự nhiên, mong muốn theo đuổi ngành nghề mới. Một số khác chỉ mong học xong chương trình phổ thông để có bằng tốt nghiệp và lựa chọn học nghề ngắn hạn, đi xuất khẩu lao động.

Chính lối suy nghĩ này tạo nên hiệu ứng học cho có, học đối phó, từ đó dẫn đến việc học văn trở nên nhàm chán, trầm lắng. Khoảng cách giữa HS nông thôn với HS

thành thị khá rõ rệt, ở các thành phố lớn, HS có điều kiện thuận lợi để tiếp cận các giá trị, sản phẩm giáo dục mới, các phương tiện hỗ trợ học tập phong phú dồi dào hơn.

Mục VIII, CTGDPT tổng thể có đề cập, phát triển chương trình giáo dục phổ thông là hoạt động thường xuyên, bao gồm các khâu đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chương trình trong quá trình thực hiện. Dựa trên nội dung và yêu cầu cần đạt của CTGDPT, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình giáo dục giành cho các đối tượng chuyên biệt (học sinh giỏi, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn); các trường xây dựng kế hoạch giáo dục riêng cho trường mình một cách linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục.

Thiết nghĩ, chúng ta nên đề cập tới HSDTTS, bởi đây là đối tượng chịu nhiều thiệt thòi về điều kiện văn hoá, ngôn ngữ. Trên tổng thể mặt bằng chung, HSDTTS phân bố nhiều và trải dài khắp lãnh thổ hình chữ S, các em quen với lối sống ông cha mình, cho nên khi làm quen với chương trình mới khó tránh khỏi những bỡ ngỡ. Đối với môn Ngữ văn, cái khó nhất với HSDTTS là việc phát âm khi đọc văn bản, mà đọc sai, đọc thiếu, đọc chậm khiến cho tâm lí đọc càng trở nên nặng nề, chưa nói tới đọc diễn cảm.

CHƯƠNG

BA

TƯ DUY DẠY HỌC NGỮ VĂN THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

3.1. Kỹ năng phát triển các phẩm chất của học sinh

Để hình thành, phát triển các phẩm PC yếu và NL chung đã nêu trong CTGDĐT, GV lựa chọn những phương giáo dục phù hợp với môn Ngữ văn và đối tượng HS; không chỉ thông qua những nội dung dạy học đa dạng, phong phú giàu tính thẩm mỹ - nhân văn mà còn bằng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách kiểm tra, đánh giá trong hoạt động tiếp nhận, tạo lập văn bản với việc chú trọng phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS. Thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe các kiểu loại văn bản đa dạng, môn Ngữ văn trực tiếp hình thành các PC chủ yếu như đã nêu mục các yêu cầu cần đạt về phẩm chất của HS trong Chương 2.

Từ nội hàm, định nghĩa, tính chất và giới hạn của khái niệm phẩm chất, trong chương này, chúng ta cùng nhau

tìm hiểu về một số kĩ năng phát triển các PC của HS. Mỗi biện pháp phát triển PC gắn liền với từng văn bản cụ thể, không như một kế hoạch dạy học độc lập của một bài. Suy cho cùng, trong một kế hoạch dạy học, GV thể hiện đầy đủ các bước và yêu cầu cần đạt nhưng trong quá trình dạy học chưa hẳn đã làm nổi bật được từng phẩm chất mà HS cần hình thành. Đương nhiên, trong cái biển lớn của chương trình giáo dục, không phải ngày một ngày hai, năm một, năm hai là chúng ta vận dụng thành công một cách triệt để được. Đó là cả một quá trình, định hướng và từng bước vận dụng linh hoạt, đi vào thực tiễn giảng dạy của cả hệ thống giáo dục.

Điều quan trọng hơn làm thế nào để CTGD, nội dung giáo dục đưa người dạy và người học đi sâu vào đời sống xã hội một cách sinh động nhất. Hôm nay đưa một phẩm chất này cho một văn bản này, ngày mai lấy một phẩm chất khác cho văn bản khác, chứ không thể bê nguyên tất cả các phẩm chất vào một bài học cụ thể. Làm như thế quả là quá sức đối với GV và HS. Cuốn chuyên luận, chuyên khảo này sẽ cùng bạn đọc du hành cùng văn bản để khảo cứu, kiểm nghiệm một số phẩm chất cơ bản của HS được hình thành từ việc đọc hiểu và cảm thụ tác phẩm văn học dưới góc nhìn của người trực tiếp truyền cảm hứng.

PHẨM CHẤT YÊU NƯỚC của HS bậc THPT biểu hiện trên nhiều bình diện khác nhau, yêu nước gắn liền với việc tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các

hoạt động bảo vệ thiên nhiên. Ta lấy văn bản 3 *Bảo kính cảnh giới* (Gương báu răn mình) của Nguyễn Trãi, thuộc bài bài 6 *Nguyễn Trãi - “dành còn để trợ dân này”* để cùng nhau tham khảo nhé! Câu hỏi số 3 trong phần sau văn bản nêu như thế này: Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh được tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc mùa hè. Từ đó, chỉ ra những nét đặc sắc trong cách cảm nhận thiên nhiên và bút pháp tả cảnh của tác giả.

Văn bản này trong SGK *Ngữ văn 10*, tập hai, NXB Giáo dục, năm 2020 có tên là *Cảnh ngày hè* (Bảo kính cảnh giới - bài số 43). Nhan đề bài thơ gợi lên cho người đọc liên tưởng đến một khung cảnh, một không gian nghệ thuật tràn đầy màu sắc và âm thanh.

“Rồi hóng mát thuở ngày trường.

Hoè lục đùn đùn tán rợp trương.

Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ.

Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.

Lao xao chợ cá làng ngư phủ;

Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.

Lẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,

Dân giàu đủ khắp đòi phương.”

THI TRUNG HỮU HOẠ là một nét đặc trưng của thơ ca Việt Nam từ xưa đến nay. Trong thơ có nhạc, có hoạ đó mới là tài năng thực sự của thi nhân. Nguyễn Trãi được mệnh danh là nhân vật có nhiều nhà nhất trong lịch sử

văn học nước ta. Ông vừa là nhà thơ, nhà văn, nhà văn hoá, nhà địa lí, nhà chính trị, nhà ngoại giao, nhà quân sự lỗi lạc. Bài thơ *Bảo kính cảnh giới* là giây phút hiém hoi trong cuộc đời quan lộ của tác giả. Nhờ cái hiém hoi đó, cái khoảnh khắc đó đã trào dâng thành cảm hứng nghệ thuật vang vọng mãi với thời gian. Ước Trại giành cả ngày dài để thưởng ngoạn, đắm mình với vẻ đẹp của thiên nhiên.

Gam màu đầu tiên xuất hiện là màu xanh của hoa hoè, loại cây thân gỗ, hoa màu vàng, nở rộ vào mùa hè. Không phải ngẫu nhiên mà nhà thơ dùng từ láy “đùn đùn”, từ này đắt lắm, đắt đến mức phải chìm đắm, hoà quyện vào thiên nhiên, tận mắt chứng kiến sự chuyển động của cảnh vật. Màu đỏ của hoa thạch lựu phun trào như ngọn núi lửa rực cháy của mùa hè.

Lại một lần, chúng ta nhắc đến hoa sen: “*Hồng liên trì đã tận mùi hương*”. Câu thơ này trong sách cũ là *Hồng liên trì đã tiễn mùi hương*. Thật khó để cho con mắt của người phàm khi cảm nhận vẻ đẹp, mùi hương của hoa sen. Phải tinh tế lắm, nhạy cảm, tĩnh tại của một tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu nước sâu sắc mới viết nên những câu thơ đầy hương sắc như thế.

Khi nhắc đến bức tranh lĩnh vực hội hoạ, ta thường chỉ nghĩ đến hình ảnh, đường nét, màu sắc. Còn trong văn học, bức tranh ngoài những yếu tố của mỹ thuật, tranh còn có âm thanh nữa. Đúng thật quá trừu tượng và uyển chuyển! Tranh thì chỉ có trạng thái tĩnh, đứng yên tại

chỗ. Lại thật, tranh tại sao lại có âm thanh? Như thế có nghĩa là tranh trong thơ có sự chuyển động bằng ngôn từ. Có vẻ như âm thanh này đang thôi miên chúng ta. Hay Nguyễn Trãi đang ở trạng thái thôi miên bạn đọc. Hơn nữa, cơ hồ nhà thơ đang bị thiên nhiên thôi miên, mê hoặc chẳng? Lịch sử hội hoạ thế giới phải ngưỡng mộ danh hoạ Leonardo Da Vinci về nụ cười bí ẩn trên gương mặt của Mona Lisa. Độc giả, GV và HS chắc cũng không khỏi trầm trồ về tài năng thi ca của tác giả.

NGHỆ THUẬT THÔI MIÊN BẰNG NGÔN TỪ CỦA NGUYỄN TRÃI

Nói đến nghệ thuật thôi miên bằng ngôn từ của Nguyễn Trãi phải nhắc đến *Quân trung từ mệnh tập*. Nhà nghiên cứu Phan Huy Chú từng nhận xét: “*Quân trung từ mệnh tập có sức mạnh của mười vạn quân*.” Tác phẩm này tập hợp những thư từ gửi cho tướng giặc và những giấy tờ giao thiệp với triều đình nhà Minh. Bằng nghệ thuật “*đánh vào lòng người*”, Nguyễn Trãi đã làm cho bao tướng giặc khiếp sợ và bủn rủn chân tay, dừng ngay việc dùng vũ khí, tránh được những trận giao chiến ác liệt, thương vong.

Đến những câu thơ tiếp theo:

“Lao xao chợ cá làng ngư phủ;

Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.

Lẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,

Dân giàu đủ khắp muôn phương”

Sự xuất hiện âm thanh của chợ cá, tiếng ve. Độc lạ quá! Âm thanh của chợ cá chính âm của cuộc sống, chợ có vui nhộn thì cuộc sống của nhân dân mới ấm no. Tiếng ve kêu báo hiệu mùa tương chừng rất đổi quen thuộc với tất cả mọi người. Nhưng mà, ở đây tiếng ve được cảm nhận như tiếng đàn, âm thành của cả đàn ve réo rất đến nao lòng.

Khác với các loại côn trùng khác, ve sầu được tạo âm thanh bằng hai cái “loa” làm bằng màng mỏng, phát triển từ lồng ngực, có sườn bên trong. Những vòng sườn này được co giãn thật nhanh, làm rung màng mỏng, tạo sóng âm thanh. Bụng ve rỗng nên có thể khuếch đại thành tiếng ve rất to. Ve lắc mình và dùng cánh để tạo nhịp lên xuống cho bài hát của mình thêm ngân vang. Tiếng ve cũng là tiếng lòng của Nguyễn Trãi. Ông ước mơ có được cây đàn như vua Đường Nghiêu và Ngu Thuấn đàn một khúc *Nam phong* để cầu mong cho dân được ấm no, xã hội thanh bình, nhân dân hạnh phúc. Phải là một người có tấm lòng yêu thiên nhiên, yêu nước, yêu dân đến mãnh liệt mới để lại cho đời những thi phẩm thơ ca tuyệt đỉnh như vậy.

VĂN BẢN VĂN HỌC ảnh hưởng, tác động hình thành phẩm chất cho HS có lí tưởng sống và có ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia và tương lai của dân tộc. Ta lấy ví dụ khác đi nhé!

Văn bản 1 *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* của Thân Nhân Trung, SGK Ngữ văn 10, tập một - Bài 3 *Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận*.

Tôi xin được phép trích dẫn một đoạn trong văn bản: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”, nguyên khí thịnh thì thể nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thể nước yếu, rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ quan hệ với quốc gia trọng đại như thế, cho nên quý chuộng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng. Đã yêu mến cho khoa danh, lại đề co bằng trước tặt. Ban ân rất lớn mà vẫn cho là chưa đủ. Lại nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ. Triều đình mừng được người tài, không có việc gì không làm đến mức cao nhất.”

Các tác giả nhóm biên soạn SGK Ngữ văn 10 mới đã rất công tâm khi đưa văn bản này làm văn bản chính thức phần *Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận*. SGK Ngữ văn 10, CTGD năm 2006 bài này thuộc phần đọc thêm, nên GV và HS ít chú ý.

Ngay tựa đề và câu đầu tiên văn bản “*Hiền tài là nguyên khí quốc gia*”, Thân Nhân Trung đã giúp GV và HS nhận biết và hiểu được vai trò của hiền tài đối với quốc gia. Hiền tài là người tài cao, học rộng và có đạo đức, có phẩm chất cao quý nổi bật, là thành phần ưu tú của xã hội. Nguyên khí là khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của sự vật, hiện tượng sống cụ thể, hoặc của đất nước, xã hội.

Các câu tiếp theo nối tiếp nhau làm sáng tỏ hơn vai trò của hiền tài. Nguyên khí thịnh (nhân tài nhiều) thì

thể nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy (ít người tài, người tài không được trọng dụng, người tài mà không có phẩm chất tốt, người tài ẩn mình khỏi xã hội) thì thể nước yếu rồi xuống thấp. Các bậc thánh đế minh vương luôn đề cao vai trò của hiền tài với những việc làm cụ thể như đã nêu trong văn bản.

Nhưng chừng đó thôi là chưa đủ, muốn khuyến khích hiền tài thì phải dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan (cửa của người hiền, chỉ nhà Thái học của trường Quốc Tử Giám - trường đại học đầu tiên ở nước ta). Từ đó, GV lấy một số dẫn chứng về các bậc hiền tài trong lịch sử dân tộc từ dựng nước, giữ nước và xây dựng đất nước trong thời kì hội nhập với thế giới. Học sinh sẽ hình thành lí tưởng sống, tu chí học hành thành danh để đóng góp một phần sức nhỏ vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Phát triển, hình thành ở HS phẩm chất nhân ái, yêu quý mọi người, quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác; biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp. Đối với phẩm chất này, GV có thể lấy một vài câu thơ trong đoạn trích *Trao duyên* (*Tuyện Kiều*) của Nguyễn Du để làm minh chứng.

Trước hết, khi khởi động giờ học, GV nêu một câu hỏi gợi mở: Nhân vật để lại ấn tượng sâu đậm nhất trong những đoạn trích thuộc *Truyện Kiều* mà các em đã được học là ai? Vì sao? Học sinh sẽ có nhiều lựa chọn và lí giải khác nhau, bằng linh cảm nghề nghiệp, hoặc HS nêu đúng

nhân vật Thuý Kiều. GV nối tiếp cảm hứng, các em đều có ấn tượng riêng về nhân vật mà yêu thích, lí giải khá thuyết phục. Nhưng câu trả lời chính xác nhất, liên quan tới chủ đề của bài học hôm nay là Thuý Kiều. Nhiều thế hệ giáo viên, học sinh và bạn đọc yêu Kiều. Bởi lẽ, đây là nhân vật chính, nhân vật trung tâm của tác phẩm mà Nguyễn Du đã giày công xây dựng.

Gần như bất kì câu từ nào trong 3254 câu mà ta bắt gặp đều có một thông điệp khiến cho người đọc thốt lên hai tiếng *Truyện Kiều*. Nó như là một phản xạ rất tự nhiên, giống như âm A, tiếng mẹ trợ trợ của đứa trẻ bắt đầu tập nói vậy! Tự trung lại, họ yêu Kiều, thích Kiều, thương Kiều, đồng cảm với nàng không chỉ vì cái tài, cái sắc, cái bạc mệnh. Độc giả còn mến mộ Kiều vì cái tình, chữ hiếu, yêu quý trân trọng cái tài cái đẹp, có mối quan hệ hài hoà với những nhân vật khác.

Chỉ bằng hai câu thơ sau:

“Cơ trời dẫu bể đa đoan

Một nhà để chị riêng oan một mình”

DẤU BỂ CUỘC ĐỜI, SỰ BIẾN THIÊN CỦA TẠO HOÁ
vòng xoáy nghiệt ngã không ai có thể vượt qua được. Thân phận kẻ đa đoan, nhiều mối tơ vò rối bời, Kiều biết mình không thể làm hài lòng tất cả mọi người, nhưng cách nàng ứng xử quyết định danh phận, danh dự của bản thân. Phải chăng, nàng như người chịu tội, gánh tội cho cả gia đình bình an? Vì yêu quý mọi thành viên trong gia đình,

thương cha, thương em, lo lắng cho người yêu, nàng sẵn sàng hi sinh hạnh phúc cá nhân để vẹn toàn hai chữ “hiếu” - “tình”. Người đời, người thường e lòng khó thực hiện được. Có lẽ, trong trường hợp này, tác giả muốn tuyệt đối hoá và nâng tầm cái đẹp của nhân vật, cái đẹp không chỉ được biểu hiện bên ngoài mà còn là ẩn sâu trong sâu thẳm tâm hồn và trái tim của con người.

TIẾP TỤC HÀNH TRÌNH VÉN MÀN BẢN CHẤT CỦA CÁI ĐẸP!

Cái đẹp (*beauty*), là một phạm trù mỹ học, xác định các hiện tượng theo quan điểm về sự hoàn thiện, xem các hiện tượng đó có giá trị thẩm mỹ cao nhất. Có thể xem hiện tượng là đẹp khi với tính toàn vẹn cụ thể cảm tính của chúng thể hiện những giá trị nhân bản, xã hội, do sự khẳng định giá trị của con người trong thế giới, chứng tỏ sự mở rộng giới hạn tự do của xã hội và con người, thúc đẩy sự phát triển hài hoà của nhân cách, làm nảy sinh và bộc lộ ngày càng đầy đủ những sức mạnh và năng lực của con người.

Đặc trưng của cái đẹp được xác định trong mối quan hệ của nó với các loại hình giá trị khác: giá trị thực dụng (lợi ích), giá trị nhận thức (chân lí), giá trị đạo đức (cái thiện). Hoá ra trong cái đẹp bao hàm cả phẩm chất và năng lực rồi! Cái đẹp của thiên nhiên, cái đẹp của con người, cái đẹp của đồ vật được cảm nhận bằng tình cảm thẩm mỹ. Mỗi khi cái đẹp đã trở thành chân lí, tức là nó đạt đến độ toàn mỹ, toàn bích.

NGUYỄN DU ĐÁ TUNG BỨC TƯỜNG LỄ GIÁO PHONG KIẾN!

Cái đẹp bị huỷ diệt trong Độc Tiểu Thanh kí! Nghe có vẻ nghịch lí quá! Ô không, đó là cách tác giả giữ chân độc giả, là cách liên tục duy trì sự chú ý của người nghe. Cái đẹp không giới hạn về không gian, thời gian.

Phiên âm

*Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư,
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư.
Chi phần hữu thần liên tử hậu,
Văn chương vô mệnh luy phần dư,
Cổ kim hận sự thiên nan vấn,
Phong vận kì oan ngã tự cư.
Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*

Dịch thơ bản thứ nhất của Vũ Tầm Tập, theo *thơ chữ Hán*, Nguyễn Du, NXB Văn học, Hà Nội, năm 1978.

*Tây Hồ cảnh đẹp hoá gò hoang,
Thổn thức bên song mảnh giấy tàn.
Son phần có thần chôn vẫn hận,
Văn chương không mệnh đốt còn vương.
Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi,
Cái án phong lưu khách tự mang.
Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa,
Người đời ai khóc Tố Như chăng?*

Cô gái mười sáu tuổi có tên Tiểu Thanh, tài sắc vẹn toàn, sống kiếp vợ lẽ bị đầy đoạ cả thể xác lẫn tâm hồn. Nhờ đâu mà người đọc biết được điều này? Thời còn làm quan cho triều Nguyễn, Nguyễn Du đã có những chuyến du hành đi sứ sang Trung Quốc. Một *chữ*, *chữ* một nhưng sản sinh ra nhiều tầng nghĩa, ma mị người đọc đến lạ thường.

ĐỘC TIỂU THANH KÍ

Độc là một, *Tiểu Thanh kí* là tập thơ của nàng Tiểu Thanh. Một mình nhà thơ viếng Tiểu Thanh qua tập thơ, hoặc là Nguyễn Du đọc tập thơ của Tiểu Thanh, đọc tập truyện viết về Tiểu Thanh. Trái tim ông đồng cảm xuyên biên giới quốc gia, không giới hạn thời gian, lứa tuổi và giới tính. Từ giây phút đồng điệu trong trẻo với người nằm dưới mộ đã thôi thúc nhà thơ viết nên thi phẩm này.

Hai câu đề, khai mở ra khung cảnh thiên, Tây Hồ ngày xưa đẹp lắm cơ mà, tiên cảnh mà nay biến thành gò hoang. Từ “*tân*” nghĩa là hết sạch, mất đi. Tiểu Thanh xưa kia xinh đẹp tuyệt trần, nay nằm cô độc dưới nấm mộ hoang! Người vợ cả ghen ghét, ganh tị với nàng, bắt nàng ở riêng. Tất cả nỗi niềm uất ức, buồn đau Thanh gửi vào trang truyện, trang thơ còn viết dở. Một mình nhà thơ, viếng nàng Tiểu Thanh qua một tập sách còn sót lại (phần dư) bên nấm mồ của người xấu số vô chủ, nằm cô quạnh trên đỉnh núi Cô Sơn. May mắn và kì diệu thay, Tố Như đọc được phần dư này, phần còn lại khi người vợ cả nhẵn

tâm đốt đi và nhẩn lại với đời sau bằng những vần thơ say đắm tình người.

Hai câu thực:

Chi phần hữu thần liên tử hậu,

Văn chương vô mệnh luy phần dư,

(Son phần có thần chôn vẫn hận,

Văn chương không mệnh đốt còn vương.)

THANH HIÊN THÔI MIÊN AI!

Theo quan niệm của Thanh Hiên, cái đẹp có thần thái, có linh hồn, dù bị người đời chôn đi nhưng vẫn uất hận. Cái tài, trí tuệ, tư tưởng (văn chương) không có mệnh số, đốt đi vẫn còn vương, ngọn lửa kia không đốt cháy hết mảnh giấy tàn, hay trong mảnh giấy kia có linh hồn của chủ nhân. Có lẽ nào, trời đất nổi cơn thịnh nộ thổi tắt ngọn lửa tàn ác để bảo vệ cái đẹp?

Nhà thơ thay lời người quá cố mà thốt lên rằng:

Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi,

Cái án phong lưu khách tự mang.

Nỗi hờn, nỗi hận của nàng Tiểu Thanh cũng là nỗi hận của thi nhân, nỗi hờn (căm hờn) của biết bao “*hồng nhan bạc mệnh*” như Đạm Tiên, Thuý Kiều, từ cổ chí kim, từ xưa đến nay khó mà hỏi trời được? Trời cũng không thể trả lời được! Cái án phong lưu, cái án mà những người phụ nữ đẹp, thanh nhã, thanh tú, có tài thơ văn thường rơi vào hoàn cảnh nghiệt ngã, thân phận trở trêu, phải cam chịu.

Câu hỏi tu từ kết thúc bài thơ nhưng lại mở ra muôn vàn xúc cảm, kết luận vấn đề bằng một thông điệp gửi tới muôn kiếp nhân sinh!

Bất tri tam bách dư niên hậu,

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

(Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa,

Người đời ai khóc Tố Như chăng?)

Nguyễn Du thật tinh tế khi đặt tên nàng là Tiểu Thanh, tiểu (*nhỏ, vợ nhỏ*), thanh (*âm thanh, tiếng*). Âm thanh phát ra vang vọng từ một kiếp người bé nhỏ, phận mọn hèn. Nó sẽ còn ngân vọng đến hàng trăm năm sau và ngàn năm sau nữa chăng? Ba trăm năm lẻ là một dãy số từ mang tính ước lệ về thời gian. Tiểu Thanh sống vào khoảng đầu nhà Minh (1368 - 1644), khoảng cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV. Tính đến thời điểm sáng tác bài thơ vào cuối thế kỉ XVIII, là hơn ba trăm năm. Thời đại ta đang sống thế kỉ XXI, cách thời Nguyễn Du cũng là ba trăm năm. Tổng cộng theo “*phép tính văn học*” là sáu trăm năm!

Văn học có chức năng dự đoán và dự báo là như thế.

Xã hội phong kiến hà khắc đã cướp đi hạnh phúc của biết bao đôi lứa yêu nhau chân thành. Cụ Nguyễn quá mạnh dạn, tự tin và rất tiến bộ dám đứng lên ca ngợi vẻ đẹp thiên bẩm của chị em phụ nữ, đấu tranh, bảo vệ quyền bình đẳng giới, quyền được yêu, được chủ động yêu, xứng đáng được trân trọng!

CÁI ĐẸP BẤT TỬ TRONG CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ CỦA NGUYỄN TUÂN!

TỬ TÙ LÀ AI? Vì sao lại bị tử tù? Tại sao chữ của tử tù lại được ca tụng đến mức như vậy? Tôi còn nhớ như in, tiết học với rất nhiều câu hỏi được đặt ra. Tôi nói với học trò rằng: “Nguyễn Tuân là nhà văn lớn, một nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp”. Đây là nhà văn thầy rất ngưỡng mộ. Huân Cao là một nhân vật - đứa con điển hình, đại diện cho cái đẹp. Học sinh hỏi, thế Huân Cao có thật không thầy? Tôi nói tiếp, Huân là giáo huấn, giáo dục, huấn đạo họ Cao, là chức quan coi việc học ở một huyện. Thời nay chức này tương đương với người đứng đầu ngành của một huyện, một tỉnh nào đó. Huân Cao chính là nguyên mẫu của Cao Bá Quát - người có cá tính mạnh mẽ, cương trực không luồn cúi, vượt ra ngoài lễ giáo phong kiến.

Thông qua nhân vật Huân Cao, Nguyễn Tuân thể hiện quan niệm về cái đẹp, khẳng định sự bất tử của cái đẹp. Một cậu học trò khác nhanh nhẩu hỏi, cái đẹp của Huân Cao là gì ạ? Huân Cao được giới thiệu là nhân vật có ba vẻ đẹp, tài năng, thiên lương và khí phách hiên ngang.

Đoạn trích mở đầu tác phẩm dẫn:

“- Này, thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù án chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nghịch là Huân Cao. Tôi nghe ngờ ngợ. Huân Cao? Hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?”

Viết chữ nhanh và đẹp, nhất là với chữ Hán chứng tỏ đây là người có học vấn uyên thâm, tài năng nghệ thuật viết này được gọi là nghệ thuật thư pháp. Cái tài viết chữ nhanh và rất đẹp nổi tiếng khắp vùng, nhiều người ao ước, coi chữ của Huấn Cao là báu vật trên đời. Người xin chữ bất chấp sự nguy hiểm để xin bằng được. Vậy đây là một tài năng khác thường. Hơn thế nữa, cái thiên lương (về đẹp, lòng tốt, bản chất vốn có, chữ tâm, nhân cách) của nhân vật. Huấn Cao là người có thiên lương trong sáng, chính trực khảng khái, thanh cao, coi kinh quyền lực, không vì vàng ngọc châu báu mà cho chữ. Ông Huấn muốn người khác cũng có thiên lương. Chúng ta không nên đi sâu phân tích toàn bộ tác phẩm, mà là lựa chọn những chi tiết đặc sắc, lời thoại nhân vật để giúp HS có ý thức giữ gìn, trân trọng bảo vệ cái đẹp trong nghệ thuật và đời sống. Trước khi lìa xa cõi trần, cho chữ viên quản ngục xong, Huấn Cao căn dặn viên quản ngục:

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng với những nét chữ vuông tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thoi mực, thầy mua ở đâu mà tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?... Tôi bảo thực đấy, thầy Quản nên tìm về quê nhà mà ở, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem

nhuốc mất cái đời lương thiện đi” ... Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”. Viên quản ngục ngưỡng mộ Huân Cao là điều dễ hiểu. Huân Cao ngưỡng mộ viên quản ngục mới là điều khiến độc giả suy ngẫm. Huân Cao gọi viên quản ngục là thầy Quản.

Nhà văn Nga Đôxtôit Exki nói: “Cái đẹp sẽ cứu rỗi thế giới”. Cái đẹp có sức mạnh, chiến thắng mọi hoàn cảnh, thế lực để toả sáng. Người tạo ra cái đẹp có thể mất đi, nhưng cái đẹp vẫn được lưu giữ mãi với thời gian.

TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT

Aristotle nhà triết học cổ đại Hi Lạp có nói như thế này: *“Có một sự khác biệt nhỏ giữa người với người, nhưng khác biệt nhỏ ấy tạo ra khác biệt lớn. Khác biệt nhỏ là thái độ. Khác biệt lớn là nó tích cực hay tiêu cực.”*

Tôi và bạn khác nhau ấy chứ! Muốn cùng nhau làm việc, học tập và khởi nghiệp, các bạn phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người với nhau. Trời đất sinh ra vạn vật khác biệt hoàn toàn, nhưng vạn vật ấy luôn có sự tương trợ qua lại lẫn nhau cùng tồn tại và phát triển. Cây muốn sống tươi tốt khoẻ mạnh, cần có đất, nước, ánh sáng và sự chăm sóc của con người mới đơm hoa kết trái. Bạn sống trong gia đình, trong lớp học hay ngoài xã hội phải biết tôn trọng người khác.

TUYÊN NGÔN GIẢI PHÓNG NÔ LỆ

Năm 1862, Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln đã ban hành sắc lệnh tuyên bố trả tự do cho tất cả nô lệ da đen thuộc các bang của nước Mỹ.

TÔI CÓ MỘT ƯỚC MƠ

(Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Montgomery*) của Martin Luther King trong SGK Ngữ văn 11, tập một - KNTTVCS.

Bài diễn văn nổi tiếng được ông phát biểu trên bậc thềm của đài tượng niệm Tổng thống Lincoln trong phong trào đòi quyền công dân vào năm 1963. Bằng tài hùng biện của mình, Martin Luther King đã đấu tranh đến cùng để đòi lại công bằng, quyền bình đẳng cho người da đen.

Văn bản có đoạn viết: *“Chúng ta làm sao có thể hài lòng khi tâm thần nặng quẩn, mệt mỏi vì hành trình xa xôi vẫn không thuê được phòng nghỉ ngơi trên xa lộ cao tốc hay khách sạn trong thành phố. Chúng ta không thể hài lòng khi người da đen chưa được tự do di chuyển mà chỉ từ biệt khu nhỏ đến biệt khu lớn dành riêng. Chúng ta sẽ không hài lòng khi con cháu của chúng ta bị tước đi nhân phẩm và đoạt mất chân giá trị của mình bởi tấm bảng ghi: “Chỉ giành cho người da trắng.”*

Ngôn từ Martin có sức mạnh thôi miên kinh khủng quá đúng không? Sức mạnh đó đã được chứng minh, người da đen không chỉ được bình đẳng và sống hạnh phúc ở nước Mỹ mà trên khắp thế giới cũng dần dần tiến tiến bình đẳng toàn cầu. Người da đen không chỉ được thụ hưởng các giá trị của nhân loại. Họ còn vươn lên đến đỉnh

cao của chính trường. Obama là Tổng thống người Mỹ gốc Phi đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ. Năm 2016, nhân vật nổi tiếng này đã từng sang thăm Việt Nam. Quý vị chắc hẳn còn nhớ sự kiện một vị Tổng thống Mỹ ngồi ăn món bún chả nước danh Hà Nội rồi chứ!

Các bạn thấy đấy, mỗi chúng ta được sinh ra là một cá thể riêng biệt, không ai giống ai, kể cả người trong một nhà. Ông bà ta thường nói: *“Cha mẹ sinh con, trời sinh tính”* cơ mà! Hãy biết tôn trọng người khác, tôn trọng sự khác biệt, cá tính và ước mơ của mọi người. Khi mình tôn trọng người khác thì sẽ được người khác tôn trọng lại. Đó cũng là quy luật và nghệ thuật ứng xử xưa này của loài người.

Nếu bạn là ai đi chăng nữa thì nhớ quan tâm đến những người thân bên cạnh mình. Nếu bạn là học sinh thì nhớ tôn trọng bạn bè, thầy cô, biết nhường nhịn, cảm thông và chia sẻ nhé.

Bạn thấy được điều gì hay, hãy viết cho tôi đôi dòng vào đây và coi đó như là một lời phản biện từ người đọc. Bạn cũng có thể gửi cho tôi một đoạn thư theo địa chỉ E-mail ở bìa gấp ngoài cùng cuốn sách này. Cảm ơn bạn nhé!

.....

.....

.....

.....

.....

HÃY LÀ MỘT CON ONG CHĂM CHỈ!

Nhà văn Lỗ Tấn từng có những câu nói rất hay: *“Trên đường thành công không có bước chân của kẻ lười biếng.”* Hoặc: *“Kì thực trên mặt đất vốn làm gì có đường, người ta đi mãi thì thành đường thôi.”*

Chủ đề này, ta nên lấy *Một đời như kẻ tìm đường* của Phan Văn Trường để tìm nghĩa tường minh cho học sinh.

Như một cơ duyên, tôi biết Thầy Trường trên YouTube. Qua những nói chuyện của Thầy, tôi học được rất nhiều thứ, sự trải nghiệm, sáng tạo, hoà nhập và cống hiến. Phan Văn Trường là người Việt Nam đã đi khắp thế giới và giữ nhiều chức vụ khác nhau. Ông từng là lãnh đạo cao cấp của nhiều tập đoàn hàng đầu thế giới, là cố vấn thường trực của Chính phủ Pháp, được Tổng thống Pháp phong tước Hiệp sĩ. Ông được Chủ tịch nước Việt Nam trao tặng huy chương *Vì sự nghiệp giáo dục*.

Nhan đề văn bản cũng là tên nhan đề cuốn sách *Một đời như kẻ tìm đường*. Tác phẩm là sự đúc kết những trải nghiệm giá trị về các vị trí nghề nghiệp văn hoá phương Đông, phương Tây với tinh thần tận hiến. Tác giả nói: *“Cả cuộc đời tìm đường để rồi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra chẳng có con đường để tìm. Làm việc gì cũng được, đi đâu cũng đáng nếu mỗi chúng ta không quên mình là một thành viên của xã hội, đóng góp nhiều thì xã hội sẽ cho lại chúng ta nhiều. Và nhiều không có nghĩa là số lượng, mà là tình cảm đậm đà, giá trị bền vững. Hạnh phúc ở đâu nay,*

tôi đã biết. Những hạnh phúc nhỏ thì nằm trên mỗi bước đi, nhưng hạnh phúc bền vững là thứ hạnh phúc lấy gốc từ sự trải nghiệm, từ sự tư bi chấp nhận, từ tinh thần tích cực mà mình luôn có.” ... “Tôi đã tìm thấy hạnh phúc khi tạo ra hạnh phúc cho mỗi người xung quanh. Tôi đã tìm ra được sự no ấm khi miệt mài tạo ra giá trị cho xã hội. Và may mắn thay, tôi tìm được chính mình bằng cách tặng trọn bản thân cho xã hội. Cứ cho đi thì mới thấy được thứ mình đi tìm.”

Trong đoạn trích trên, bạn thấy những từ ngữ nào có ý nghĩa hay nhất? Riêng với tôi, *con đường, hạnh phúc, đóng góp, trải nghiệm, tạo ra giá trị, cứ cho đi* là những từ khoá mà mỗi chúng ta cần trang bị cho mình. Tất nhiên, muốn có được những từ đó và ý nghĩa của nó mang lại thì chúng ta cần phải chăm chỉ lao động, học, đọc sách, báo, siêng năng trong các hoạt động và không ngừng rèn luyện để chuẩn bị hành trang bước vào đời! Mỗi người có những điểm mạnh, điểm yếu khác nhau, trên bước đường ta đi khó tránh khỏi những vướng mắc, nghịch cảnh. Bạn và tôi phải có đủ ý chí, nghị lực để vượt qua. Chiến thắng bản thân mình là chiến thắng vĩ đại nhất. Kẻ thù lớn nhất của đời người là chính mình!

“Mỗi ngày là một tài khoản ngân hàng, và thời gian là đơn vị tiền tệ của chúng ta. Không ai giàu, không ai nghèo, chúng ta đều có 24 giờ mỗi người.”

- CHRISTOPHER RICE -

TRUNG THỰC LÀ MỘT ĐỨC TÍNH MÀ AI CŨNG CẦN CÓ

Ca dao tục ngữ có câu:

“Tu thân rồi mới tề gia

Lòng ngay nói thật gian tà mặc ai.”

Hoặc:

“Những người tính nết thật thà

Đi đâu cũng được người ta tin dùng.”

TRUY TÌM MẬT MÃ TIÊU DIỆT CÁI GIAN TÀ

Học sinh (*student*) với vai trò là người đồng sáng tạo trong tiếp nhận tác phẩm văn học. Vì thế, GV phải cùng HS, giúp các em giải mã được cái hay, cái đẹp và ý nghĩa mang tính chiều sâu, thông điệp của văn bản.

Tản viên từ phán sự lục (*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*) của Nguyễn Dữ là một trong những tác phẩm có tính giáo dục cao về trau dồi đức tính trung thực của con người. Nhân vật chính là Ngô Tử Văn, chàng vốn khảng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực. Vì tức giận hồn ma tướng giặc họ Thôi quấy nhiễu nhân dân nên chàng đã châm lửa đốt đền.

Sau khi đốt đền, Tử Văn bị hồn ma tướng giặc hiện về uy hiếp đe dọa:

- “Nhà người đã theo nghiệp nho, đọc sách vở của thánh hiền, há không biết cái đức của quỷ thần sao, cố gì

lại dám khinh nhờn, huỷ tượng đốt đèn, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không có nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả ngôi đèn như cũ. Nếu không thì, vô cớ huỷ đèn Lư Sơn, Cổ Thiệu sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ.”

Tử Văn vẫn thản nhiên, mặc kệ! Người kia tức giận, dọa kiện Tử Văn về Phong đô (nơi xử án ở cõi âm). Sau đó, Tử Văn gặp được Thổ công, chàng được nghe kể lại toàn bộ đầu đuôi câu chuyện. Tử Văn bị điều về Minh ty (âm phủ). Đối diện với cõi âm rùng rợn, xảo quyệt và man trá, Tử Văn kêu to:

- Ngô Soạn này là một kẻ sĩ (người có học, trí thức chân chính) ngay thẳng ở trần gian, có tội lỗi gì xin bảo cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng.

Trước lời quát mắng ghê rợn của Diêm Vương, Tử Văn dẫn lại lời Thổ công và khảng khái nói:

- Nếu nhà vua không tin lời tôi, xin tư giấy đến đền Tản Viên để hỏi; không đúng như thế, tôi xin chịu thêm cái tội nói càn.

Diêm Vương nghĩ, Tử Văn là người có công, truyền cho vị thần đèn kia, từ nay có phần xôi lợn của dân cúng tế, nên chia cho Tử Văn một nửa và sai lính đưa Tử Văn về. Cuối truyện, Tử Văn được nhậm chức phán sự đền Tản Viên (đền thờ Tản Viên Sơn Thánh, một trong bốn vị thần linh thiêng trong tín ngưỡng dân gian). Chúc phán sự, một chức quan trông coi việc xử án ngày xưa.

Ngô Tử Văn là nhân vật đại diện cho chính nghĩa, hồn ma tướng giặc là thế lực gian tà. Mật mã truy tìm, tiêu diệt cái gian tà đem lại công bằng, lẽ phải cho nhân dân chính là hành động và ngôn ngữ, ý chí quyết tâm đấu tranh đến cùng của Tử Văn. Con người sống trong thời đại nào cũng nên biết nhận thức và hành động theo lẽ phải, sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt điều tốt.

TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ CHÍNH CHÚNG TA

Les Brown nói: *“Hãy có trách nhiệm với cuộc đời mình. Hãy biết rằng chính bạn là người sẽ đưa bạn tới nơi bạn muốn đến chứ không phải ai khác.”*

Trách nhiệm mà chúng ta đề cập tới ở đây gồm: trách nhiệm với bản thân, với gia đình, môi trường và xã hội. Tôi kể câu chuyện này để các bạn cùng nghe nhé, câu chuyện sẽ thôi thúc chúng ta sống có “trách nhiệm” hơn về chính mình, thế giới và môi trường sống.

Trong giờ học đọc VBNL bài “Về chính chúng ta” (Trích) của Các-lô Rô-ve-li. Cậu học trò tên Bàn giờ tay, thưa thầy cho em hỏi ạ! Trách nhiệm nhỏ nhất mà chúng em có thể thực hiện được sau khi học xong bài này là gì? Cả lớp ồ lên một tiếng khá dài, tạo nên sự trầm trồ chú ý từ nhiều ánh mắt tò mò. Tôi chủ động ngắt cái không khí ấy một lát rồi nói tiếp. Các em hãy nhìn lại thật kĩ vào đoạn trích trang 102, SGK. “Nhưng chúng ta còn là một bộ phận hữu cơ của thế giới mà ta cảm nhận được; chúng ta không phải là người quan sát đứng ngoài cuộc. Chúng ta nằm trong

đó. Cái nhìn của chúng ta về nó là nhìn từ trong lòng nó. Chúng ta được làm ra từ cùng những nguyên tử, cùng những tín hiệu ánh sáng giống như nguyên tử hay ánh sáng qua lại giữa những cây thông trên núi hay những ngôi sao trong các thiên hà.”

“Khi hiểu biết của chúng ta tăng lên, chúng ta biết rằng sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ, và phần rất nhỏ bé trong đó.”

Trách nhiệm nhỏ nhất và dễ thực hiện nhất trong thời điểm hiện tại là hãy làm một nguyên tử nhỏ bé những khoẻ mạnh, hãy làm những ánh sáng bé nhỏ của một que diêm, một ngọn nến. Chúng ta hãy cùng cộng hưởng làm cho các nguyên tử, ánh sáng nhỏ đó bừng sáng lên. Cậu học trò tiếp, giờ thì em đã hiểu! Em cứ tưởng là điều gì cao xa.

Hơn ai hết và hơn bao giờ hết! Ngay thời điểm này, chúng ta hãy tập trung vào hiện tại, khoảnh khắc mà chúng ta đang có. Vì sao nhỉ? Vì chúng ta hồi tưởng về quá khứ cũng ngay lúc này, tưởng tượng về tương lai cũng là giờ phút này. Sức mạnh của các em là ở hiện tại. Dù là điều nhỏ nhất, giữ lời hứa với bản thân. Tôi ơi hãy cố lên! Lớn hơn nữa là phải chịu trách nhiệm, hậu quả về lời nói hoặc hành động mà mình gây ra, biết thực hiện trách nhiệm công dân với Tổ quốc, với nhân dân.

“Sáng tạo là khả năng nhìn ra những mối liên quan ở nơi tưởng chừng không có.”

- THOMAS DISCH -

3.2. Thủ thuật phát triển các năng lực học sinh

Thủ thuật là cách thức tiến hành động tác khéo léo và có kĩ thuật hoặc kinh nghiệm để thực hiện một công việc nào đó có hiệu quả. Thủ thuật dùng để phát triển năng lực cho học sinh trong dạy học Ngữ văn là nghệ thuật sử dụng ngôn từ, kết hợp với các yếu tố hỗ trợ khác như cảm xúc, ánh mắt và các phương tiện phi ngôn ngữ nhằm khơi gợi và hình thành NL cho HS.

HÃY TỰ CHỦ VÀ TỰ HỌC

Cherie Carter-Scott có câu nói như thế này: *“Những người phi thường không tưởng tượng những điều khả thi hay có khả năng, thay vào đó là những điều bất khả thi, họ bắt đầu coi điều đó là có thể.”*

Những câu chuyện thường ngày đã chứng minh cho điều này. Một vị khách trên bãi biển, một học sinh trên đường đi học về. Họ sẵn sàng quên mình, lao xuống dòng nước xanh thẳm để cứu người. Một anh shipper lao vào ngọn lửa hung tàn, đập tung cửa sắt cứu người trong tiếng thét thương tâm. Một vị hành khách khát dầu trần, chân đất đi khắp đất nước từ Nam ra Bắc. Một bệnh nhân gặp nguy kịch đang hấp hối có thể nhận được cả trái tim của người chết não...

Với chúng ta và các em HS thì sao? Có bốn từ thôi: *đọc, viết, nói, nghe*. Đây là công cụ quan trọng giúp chúng ta khám phá kho tàng tri thức của toàn nhân loại, không chỉ với môn Ngữ văn mà còn đối với các môn học khác. Nếu

chúng ta không đọc thì không nắm bắt được thông tin, không viết sẽ không có văn bản, không nói thì làm sao người đối diện mình có thể hiểu được bạn đang muốn gì, không nghe thì còn nguy hại hơn nữa.

LỰA CHỌN QUYẾT ĐỊNH VẬN MỆNH VÀ CUỘC ĐỜI TA

Khởi đầu bằng kĩ năng đọc.

DU HÀNH CÙNG VĂN BẢN “CON ĐƯỜNG KHÔNG CHỌN”

Tác giả Rô-bớt Phờ-rôt, bản dịch 2 của Phan Huy Dũng.

Khổ thơ 3 và 4:

Hai nẻo đường sáng ấy trải qua

Trên thảm lá chuta chân ai hằn dấu thẫm.

Sẽ đi lối đầu tiên, một ngày nào, muốn lắm!

Nhưng đường nối đường, lòng thao thức mai đây,

Chắc gì tôi được trở lại chốn này.

Rồi với tiếng thở dài tôi sẽ nói

Ngày nào kia trong tháng năm vời vợi:

Hai lối xuyên rừng đứng đó một tôi

Tôi đã chọn lối đi ít dấu chân người,

Và điều đó làm nên bao khác biệt.

Rô-bớt Phờ-rôt là nhà thơ có tầm ảnh hưởng lớn trong văn học Mỹ hiện đại. Ông là nhà thơ duy nhất bốn lần

nhận giải thưởng Pu-lít-dơ - giải thưởng thường niên uy tín trao cho các lĩnh vực văn chương, báo chí và âm nhạc.

Bài thơ *Con đường không chọn* được lấy cảm hứng từ những chuyến dạo chơi trong rừng với người bạn, nhà thơ Thơ-mốt-xơ. Trong các cuộc dạo chơi ấy, tác giả băn khoăn nên chọn lối nào để đi, sau khi lựa chọn lại nuối tiếc, đáng lẽ nên chọn một lối khác. Tâm trạng này khiến ta liên tưởng đến văn bản *Một đời như kẻ tìm đường* của Phan Văn Trường. Khi đứng trước tình thế khó khăn của cuộc đời, băng khuâng đứng giữa hai dòng nước, chọn một dòng hay để nước trôi. Không thể cùng một lúc ta đi trên cả hai con đường. Nếu ta từ bỏ sự lựa chọn thì cuộc hành trình sẽ không thể bắt đầu, anh ta sẽ dậm chân tại chỗ. Cuối cùng nhân vật trữ tình đã chọn cho mình một lối đi riêng. Chính điều đó đã tạo nên sự khác biệt.

Trong giờ học, tôi thường xâu chuỗi một vài mẩu chuyện nhỏ, chẳng hạn về chính cuộc đời mình cho HS nghe. Ngày còn ngồi trên ghế nhà trường, tôi ước mơ trở thành một chiến sĩ an ninh, một sĩ quan quân đội, được khoác trên mình màu quân phục trang nghiêm, dẫn thân mình vào góc cùng ngõ hẻm để giữ bình yên cho mọi người. Thế rồi, cuộc đời lại rẽ sang một lối khác là tôi trong hiện tại. Lựa chọn bằng hai từ chuyên môn và rồi nó gắn bó với mình như một cơ duyên!

Với học sinh, các em phải biết tự chủ, tự lực, tự khẳng định chính mình, tự nhận thức, chủ động trong học tập và

cuộc sống để có được những trải nghiệm thú vị và ý nghĩa nhất. Điều quan trọng nữa là phải biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình.

“Tự học là một cuộc phiêu lưu vô tận, và chỉ có những người tò mò mới có thể đi đến đích cuối cùng.”

- SIDNEY SHELDON -

LÀM THẾ NÀO ĐỂ THÍCH ỨNG VỚI CUỘC SỐNG

Nhà khoa học Darwin, tác giả cuốn *Nguồn gốc các loài* (Origin of Species) với *học thuyết tiến hoá* đi vào lịch sử nhân loại. Ông có một câu nói rất nổi tiếng: *“Trong lịch sử lâu dài của loài người, và cả loài vật nữa, những ai học được cách cộng tác và ứng biến tài tình nhất sẽ sinh tồn.”*

Trước khi vào bài đọc hiểu, tôi kể nhanh câu chuyện về cuộc đời tìm đường cứu nước của Bác Hồ cho HS nghe. Người có nhiều tên gọi khác nhau, mỗi cái tên đều có ý nghĩa riêng, gắn liền với sự nghiệp đấu tranh và giải phóng dân tộc. Vì đây không phải là tiết dạy Lịch sử nên tôi xin nói vắn tắt thể này nhé! Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn là họ, Ái là yêu, Quốc là nước. Người yêu nước! Nguyễn Tất Thành, ắt sẽ, chắc chắn sẽ thành công. Kể về Bác, chúng ta không bao giờ kể hết! Điều khiến cho cả thế giới phải khâm phục đó là tinh thần yêu nước nồng nàn, sự giản dị nhưng vĩ đại. Đặc biệt hơn, là tinh thần tự học, khả năng thích ứng trong mọi hoàn cảnh của Bác. Trên hành trình tìm đường cứu nước, chàng thanh niên hai mươi tuổi lên

đường với hai bàn tay trắng. Người đã làm nhiều nghề để kiếm sống, đi tới đâu là tự học tiếng của quốc gia đó, như tiếng Trung, tiếng Pháp...

Tôi khá băn khoăn khi chọn văn bản này!

TRÍ THÔNG MINH NHÂN TẠO (*Artificial intelligence*)

Richard Watson là nhà tương lai học người Anh. Ông là cây bút nổi tiếng về các phát minh, sáng chế và là người phân tích dự đoán các xu hướng toàn cầu trong tương lai.

Văn bản *Trí thông minh nhân tạo* được trích từ *50 ý tưởng về tương lai* (2012). Cuốn sách đưa ra những dự báo về tương lai nhân loại trên nhiều mặt như kĩ thuật số, cạn kiệt tài nguyên, công nghệ nano, trí tuệ ngoài hành tinh, hiểm họa sinh học và dịch bệnh... Những viễn cảnh này khiến người đọc phải suy tư về những lựa chọn và hành động của mình trong tương lai và hiện tại.

Tôi lại nghĩ theo một hướng khác ở phạm vi nhỏ hơn, tức là với bài học này, làm thế nào để HS nhận thức được phải làm gì để thích ứng với sự phát triển như vũ bão của công nghệ. Rõ ràng rằng, học sinh thời nay thông minh hơn thời xưa ở chỗ được tiếp cận với nhiều nền tảng trí tuệ và thông tin. Nhưng các em lại thiếu đi những kĩ năng mềm, như kĩ năng đọc, chắt lọc, khai thác, xử lý tình huống và vận dụng thực tế.

Trong cuốn *The Wit and Wisdom of Mark Twain* (*Trí tuệ và sự thông thái của Mark Twain*), tác giả viết: “Trí tuệ con người cũng như thuốc súng vậy, nó không thể tự phát nổ; mỗi lửa phải

đến từ bên ngoài." Câu nói này rất hay, nó càng hay hơn khi chúng ta đang tận mắt chứng kiến sự bùng nổ của trí tuệ loài người. Và càng trở nên vi diệu khi nó được người trẻ đối chứng.

Học Ngữ văn có nên vận dụng mùi thuốc súng như Mark Twain không? Học sinh cười rôm! Kiến thức có sẵn, thông tin sẵn có. Đó là một kho tàng, kho báu! Đương nhiên, cái gì quý hiếm không thể tự đến với mình, mà phải đi tìm kiếm, khám phá và khơi nguồn. Nếu ví văn chương như thuốc súng, nó không tự phát nổ, thì mồi lửa bên ngoài chính là các bạn đó.

NHỮNG CON SỐ BIẾT NÓI - SỐ HỌC BIỂU NGỮ

	1990	2011	2027	2040	2042	2050	2054	2069
MỐC THỜI GIAN	Tập đoàn iRobot được thành lập, sản xuất rô-bốt công nghiệp	Cổ máy tính của IBM chiến thắng truyền hình Mỹ	Máy nướng bánh 79 đô la vượt qua kiểm tra Turing	Điện thoại di động thông minh có khả năng xử lý bằng não người	Vì rút máy tính vô hiệu hoá 90% máy móc	Số lượng rô-bốt vượt qua con người	Máy móc bắt đầu vẽ tranh và soạn nhạc	Máy móc đòi quyền bình đẳng với con người

Khá trùng hợp và may mắn vì lớp tôi dạy năm ngoái có một học sinh xuất sắc duy nhất của trường kể từ thành lập và thực hiện chương trình, SGK mới. Hơn nữa, trong lớp có một em đoạt huy chương đồng *Olympic Tin học* và là thành viên đội tuyển học sinh giỏi của nhà trường. Tâm lí chung của GV Ngữ văn là ngại dạy các lớp tự nhiên, nhưng tôi thì không, phân công lớp nào dạy lớp đó. Cứ mỗi giờ lên lớp là mỗi tâm thế khác nhau, với HS những có thể mạnh khác, tôi thường hay để ý và khơi gợi tình yêu môn học bằng những câu hỏi mở liên quan tới sở trường.

Thật không tồi đấy chứ! Hôm đó, tôi hỏi học trò thế này. Ước mơ về ngành học trong tương lai của em là gì? Nguyên đứng dậy đáp, em muốn trở thành một lập trình viên máy tính thầy ạ! Thế hệ các em có rất nhiều lợi thế về lựa chọn ngành nghề. Em có thể đủ năng lực để chinh phục đỉnh cao trí tuệ, và nên nhớ phải biết vận dụng những kiến thức đã học vào phục vụ cho cuộc sống của mình, lớn hơn nữa là cho xã hội. Hãy kết hợp nhuần nhuyễn kiến thức tổng hợp của các môn học vào những lập trình của mình, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, hoà nhập với bạn bè năm châu. Muốn trở thành công dân toàn cầu, trước hết phải biết yêu tiếng mẹ đẻ, giữ gìn bản sắc dân tộc.

“Bạn biết thay đổi tư duy, biểu hiện cảm xúc và thái độ của mình. Điều này có thể giúp chúng ta đáp ứng được với những yêu cầu mới, hoàn cảnh mới, thời đại mới dễ dàng hơn.”

TA NÊN GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC VỚI AI!

Ngạn ngữ Tây Ban Nha có câu: *“Mọi công việc thành đạt đều nhờ sự kiên trì và lòng say mê.”* Hoặc *“Để thấu hiểu được một sự thật, cần có hai người - một người để nói và một người để lắng nghe.”* (Henry David Thoreau)

Hai câu nói trên có vẻ trái ngược và mâu thuẫn với nhau. Ta thử tìm mối liên hệ xem cụ thể thế nào? Muốn thành đạt không chỉ dựa vào sự kiên trì, lòng say mê, mà phải biết hợp tác lại cùng nhau tồn tại và phát triển. Muốn hợp tác thì cần phải có sự giao tiếp. Phương tiện chính để người ta giao tiếp với nhau là ngôn ngữ. Ngôn ngữ là tài sản chung, người nào biết vận dụng, người đó sẽ thành công. Trong hoạt động giao tiếp chứa đựng nhiều nhân tố khác nhau như nhân vật, hoàn cảnh, phương tiện và mục đích.

Thông qua hoạt động giao tiếp, chúng ta thỏa mãn nhu cầu trao đổi tâm tư, tình cảm, nguyện vọng hay ký kết một hợp đồng nào đó. Giao tiếp trong tác phẩm, trong đời thường, giữa tác giả với bạn đọc, giữa bạn đọc với nhau tạo nên sự cộng hưởng mạnh mẽ làm nên sức sống văn chương. Có những cuộc giao tiếp giúp con người nhận ra bản chất vấn đề, bản chất con người và bản chất xã hội.

Năng lực giao tiếp là một thuật ngữ nảy sinh từ năng lực ngôn ngữ được các nhà ngôn ngữ học quan tâm, đó là năng lực xây dựng và chuyển dịch những lời giành riêng trong tính hướng giao tiếp xã hội và ngữ cảnh.

Theo D.Nunan thì *“Năng lực giao tiếp được cho là có bốn thành tố hỗ trợ: năng lực ngữ pháp, năng lực ngôn ngữ học xã hội, năng lực diễn ngôn và năng lực thuộc về chiến lược.”* Nếu xét về hành vi ngôn ngữ thuộc loại hành vi tâm lí thì yếu tố tâm lí có vai trò quyết định trong các năng lực này, nhưng đây lại thuộc phạm vi ngoài ngôn ngữ.

Nhân dân lao động xưa đã có những đúc kết hết sức tinh xảo về ngôn từ, tác dụng và tác hại của giao tiếp: *“Lời nói gói bạc”, “Lời nói đọi máu”, “Lời chào cao hơn mâm cỗ”...*

Hay như câu: *“Lời nói chẳng mất tiền mua*

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.”

Có rất nhiều câu nói hay và ý nghĩa khác nữa. *“Lời nói gói bạc”*, *bạc* ở đây là tiền bạc, người khéo ăn khéo nói, lời nói của người khôn ngoan có giá trị, làm giàu cho mình và cộng đồng. *“Lời nói đọi máu”*, *đọi* là tiếng địa phương vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, tiếng phổ thông và phương ngữ khác (*bát, chén*). Lời nói cay độc, cay nghiệt có thể gây ra mâu thuẫn, xô xát và hậu quả khôn lường, dẫn tới đổ máu. *“Lời chào cao hơn mâm cỗ”*, chào hỏi là hoạt động quen thuộc của con người trong cuộc sống, lao động và học tập. Chào hỏi cũng là một nét văn hoá trong nghệ thuật ứng xử, nghệ thuật giao tiếp. Lời chào giống như một phản xạ tự nhiên mỗi khi ta gặp ai đó! Nghe qua có vẻ bình thường đấy. Nhưng bạn đã biết, những người có thói quen chào hỏi, họ đã được đền đáp bằng ơn cứu mạng chưa?

Tại một công ty nọ, có một anh công nhân, cứ đến giờ làm hay tan ca về nhà, anh ta thường xuyên nở nụ cười trên môi và chào bác bảo vệ một cách ân cần, lễ phép. Ngày nào cũng thế, suốt cả năm tháng gắn bó với công ty, anh thường xuyên chào bác. Một ngày kia, khi đang xử lý công việc trong kho đông lạnh, không may máy gặp sự cố, anh ta không thể thoát ra ngoài được. Như một linh cảm, bác bảo vệ nhìn mãi mà chẳng thấy cái người vẫn hay chào mình như thường lệ. Lạ nhỉ! Bác cấp tốc đi một vòng quanh công ty, và phát hiện ra người đó đang bị mắc kẹt bên trong. Bằng những biện pháp nghiệp vụ, với sự hỗ trợ của bộ phận kĩ thuật, bác và mọi người đã cứu sống người công nhân trong khoảnh khắc của tử thần.

Tôi nghĩ rằng, câu chuyện nhỏ trên đây một phần nào đó đã giúp bạn và tôi rút ra được nhiều bài học quý giá trong giao tiếp hàng ngày.

Theo bạn, khoảng trống trong phần này là gì? Nhờ điền dùm tôi vào dưới đây một số gợi ý nhé:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHÍ PHEO GÀO THÉT VÀ SỰ IM LẶNG ĐÁNG SỢ

Ý tưởng này không phải đưa ra như một kế hoạch dạy học cụ thể cho từng văn bản, kiểu bài và thể loại, mà là dùng những đoạn ngắn, kết hợp những suy ngẫm, liên tưởng đi từ sách ra cuộc sống. Sách là cuộc đời, sách ra đời từ cuộc đời, sách giúp cuộc đời đơm hoa kết trái.

“Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trừ mình ra!”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Tức thật! Ồ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ ra đến nông nổi này? A ha! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có trời mà biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...”

Ồi! Tiếng chửi mở đầu truyện sao mà chua chát đến thế! Thoạt nhiên, Chí bước ra từ trang văn của Nam Cao lạ lùng quá. Vì sao, Chí lại đến nông nổi này? Vì sao, Chí lại gào thét đến xé cả tâm can người đọc đến thế? Tại sao,

hắn chửi mà cả làng Vũ Đại không ai tương tác lại với hắn một câu, dù chỉ một câu thôi!

Nam Cao không đi theo lối mòn của những nhà văn khác, ông đưa âm thanh của nhân vật lên đầu truyện là có ý đồ nghệ thuật sâu xa. Xã hội phong kiến, mà đại diện là cha con nhà Bá Kiến đã đẩy Chí đến cơ sự như thế. Hắn chửi đến cạn lời, cạn cả rượu mà vẫn không có lời đáp. Bởi vì, cả làng Vũ Đại sợ liên lụy, sợ cái thằng say xỉn, rạch mặt ăn vạ dễ như trở bàn tay ấy. Nhà văn Nam Cao để cho nhân vật phát ra thứ ngôn ngữ mang tính cầu cứu và tố cáo xã hội đương thời một cách gay gắt. Cả làng Vũ Đại *“im lặng một cách đáng sợ”*. Cơ hồ như hắn đã bị bỏ rơi và tuyệt giao.

Đến đoạn: “Không ai nói gì, người ta lảng dần đi. Vì nể cụ bá cũng có, nhưng nghĩ đến vì sự yên ổn của mình cũng có: người nhà quê vốn ghét lời thôi? Ai dại gì mà đứng ý ra đây, có làm sao họ triệu mình đi làm chứng! Sau còn trở lại Chí Phèo và cha con cụ bá. Bây giờ cụ mới lại gần hắn, khẽ lay và gọi:

- Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên:

- Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đây thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rủ tù chưa biết chừng.

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm; người ta bảo cụ hơn người cũng bởi chỉ cái cười:

- Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngoé (*con nhái, con ếch*) đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng, cụ thân mật hỏi:

- Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

- Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì ta nói chuyện tử tế với nhau. Cần gì mà phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết mang tiếng cả...”.

Ngôn ngữ mà Bá Kiến sử dụng ngọt hơn cả mía lùi, ngọt đến mức *thôi miên được cả con quý dữ* của làng Vũ Đại. Đúng là “*mật ngọt chết ruồi*”.

Cách đây gần 200 năm, Lincoln - Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ đã đưa ra một chân lý:

“Khi người ta đang oán hận đầy bụng thì không làm cách nào thuyết phục người ấy làm theo ý mình.”

Trường hợp này, nếu ta đưa đối sánh với nghệ thuật ứng xử của cụ bá giành cho Chí Phèo thì quả thật là kinh điển. Nhưng phải nói thật, nếu loài người từ bé đến lớn mà học được cách ứng xử này sớm hơn có thể thì cuộc sống này sẽ ôn hoà biết mấy! Xã hội phong kiến thôi miên đưa chết mẹ đã đẻ ra Chí Phèo! Chí Phèo bị thôi miên bởi men rượu. Bá Kiến thôi miên Chí Phèo. Nam Cao thôi miên người đọc.

Bạn thường giao tiếp với ai? Cuộc giao tiếp nào là ấn tượng nhất, mang lại cho bạn sự thành công? Bài học mà bạn rút ra được khi đọc cuốn sách này là gì? Hãy vui lòng cầm bút lên và ghi lại một số vấn đề vào đây:

.....

.....

.....

.....

.....

BIẾT GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ SÁNG TẠO LÀM NÊN SỰ KHÁC BIỆT

Albert Einstein nhà vật lý học người Đức nói: *“Trí tưởng tượng quan trọng hơn kiến thức. Vì kiến thức có hạn, trong khi trí tưởng tượng bao trùm toàn bộ thế giới, kích thích sự tiến bộ, sinh ra sự tiến hoá.”* Bàn về sự sáng tạo của con người, Edward de Bono cho rằng: *“Sáng tạo không chờ đợi khoảnh khắc hoàn hảo đó. Nó tạo nên những khoảnh khắc hoàn hảo của riêng mình từ những khoảnh khắc bình thường.”*

Đã bao giờ ta tự hỏi, trong guồng quay của tạo hoá, có biết bao vấn đề và hiện tượng xảy, làm cho tầm trí mình rối bời không? Những ngày mưa triền miên, từng hạt, từng hạt nhỏ nó cũng khiến tâm hồn mình lay động. Đến mùa hạ oi ả, cái nắng như muốn thiêu đốt lụi tàn tất cả. Ta đến một khu rừng rậm, miệt vườn, thảo nguyên xanh rờn chiêm ngưỡng muôn loài của thế giới tự nhiên, nhìn chú

nhện giăng tơ, đoàn kiến xây tổ, đàn ong đi tìm hoa hút mật. Loài vật rất thông minh, chăm chỉ và khéo léo đến tuyệt đỉnh lắm đấy chứ. Có những tình huống chúng nó xử lí một cách hoàn hảo và thu về những thành quả đáng kinh ngạc.

Chúng ta trầm trồ trước một pha bóng xuất thần, ấn định vận mệnh toàn đội tuyển của một cầu thủ trẻ nhất lịch sử Euro! Xuất sắc quá, mãn nhãn quá! Đó là cách giải quyết một trận bóng đá trên thảm cỏ của môn thể thao vua. Còn chúng ta thì sao? Khi đứng trước cuộc sống bộn bề, học tập, làm việc căng thẳng, và dĩ nhiên khó tránh khỏi rơi vào tình huống có vấn đề, buộc phải đưa ra và lựa chọn hành động để giải quyết vấn đề đó một cách sáng tạo.

Cuốn sách *Nhà lãnh đạo không chức danh* của Robin Sharma đã đánh thức và làm thay đổi nhận thức của rất nhiều người. Ông kể câu chuyện về nhân vật Tommy 77 tuổi dẫn người cháu có tên là Blake đến một nghĩa địa vào buổi tờ mờ sáng. Mọi người có biết, tâm trạng của Blake là gì? Anh ta nghĩ đến ai đầu tiên? Blake suy ngẫm về điều gì?

Tất nhiên rồi, Blake rất sợ. Anh ta nói với Tommy, cháu rất nhớ cha! Blake suy ngẫm về sự ngắn ngủi của kiếp người. Tommy đã thức tỉnh anh về giá trị thật của cuộc sống.

Còn bí ẩn và hấp dẫn hơn thế nữa!

Khi Blake nhảy xuống hố sâu của ngôi mộ theo yêu cầu

của Tommy. Anh ta thấy trên tấm bia bài vị có tựa đề:

“10 ÂN HẬN CỦA CON NGƯỜI”

Tôi xin kể lại một số điều mình tâm đắc như sau:

Điều thứ nhất: Nếu ai thích đọc thì ghé tôi tặng cuốn sách này, cuốn trước đó và cho đọc qua điều 1;

Điều thứ hai: *“Bạn sống đến ngày cuối cùng nhưng vẫn chưa trải nghiệm được quyền năng tự nhiên cho phép bạn làm những điều tuyệt vời và đạt được những thành tựu tuyệt vời.”*

Điều thứ ba: *“Bạn sống đến ngày cuối cùng và nhận ra mình chưa bao giờ khích lệ hay truyền cảm hứng cho bất cứ ai bằng tấm gương của mình.”*

Điều thứ tư: *“Bạn sống đến ngày cuối cùng và đau khổ nhận ra rằng vì chưa bao giờ dám chấp nhận một rủi ro nào nên bạn chưa bao giờ đạt được một phần thưởng sáng chói nào.”*

Điều thứ năm: *“Bạn sống đến ngày cuối cùng và hiểu rằng mình đã đánh mất cơ hội để trở thành một bậc thầy bởi vì bạn tin rằng mình chỉ là một người bình thường.”*

Điều thứ 6 như sau: *“Bạn sống đến ngày cuối cùng và cảm thấy rất ân hận vì bạn không bao giờ học được kỹ năng biến nghịch cảnh thành chiến thắng huy hoàng.”*

Điều thứ 7: *“... làm việc là để mang lại lợi ích cho người khác chứ không chỉ vì bản thân mình.”*

Điều thứ tám: *“Bạn sống... và nhận ra bạn đã sống một cuộc sống mà xã hội khiến bạn nghĩ rằng bạn muốn sống, chứ không phải một cuộc sống mà bản thân bạn thật sự muốn sống.”*

Trong những điều tôi kể trên, bạn thấy điều nào hay nhất mà mình cảm nhận là đúng với bản thân và cần thay đổi. Hãy viết vào đây mấy dòng nhé:

.....

.....

.....

.....

.....

CHÁY LÂU ĐÀI THỂ KÝ

Nhà văn Nam Cao có ý thức sâu sắc và đòi hỏi rất cao sự tìm tòi sáng tạo trong nghề văn: *“Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có.”* Nghệ thuật không phải là *“ánh trăng lừa dối”*. Ông yêu cầu nghệ thuật phải gắn bó với đời sống, nhìn thẳng vào sự thật *“tàn nhẫn”*, phải nói lên nỗi khổn khổ, cùng quẫn của nhân dân, vì họ mà lên tiếng.

Ta đặt nhận định này với *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (Trích *Vũ Như Tô*) của Nguyễn Huy Tưởng cũng khá trùng hợp và còn nguyên giá trị.

Vũ Như Tô tên vở kịch, tên nhân vật chính được tác giả lấy cảm hứng xây dựng từ sự kiện lịch sử có thật ở kinh thành Thăng Long vào thế kỉ XVI. Vũ Như Tô là một kiến

trúc sư tài năng, có chí lớn và không màng danh lợi. Vua Lê Tương Dực bắt ép ông xây dựng Cửu Trùng Đài làm nơi vui chơi, khoa trương giải trí. Vũ Như Tô kiên quyết từ chối và vạch tội nhà vua. Cung nữ Đan Thiềm khuyên ông mượn tay bạo chúa để mang tài năng cống hiến cho non sông, lưu danh muôn thuở. Vũ Như Tô tiến hành xây dựng Cửu Trùng Đài. Quá trình thi công biệt phủ rất tốn kém và tổn hao sức người, sức của, nhiều người đã bỏ mạng. Dân chúng vô cùng oán ghét, căm hờn người đã thiết kế ra công trình đầy tội lỗi này. Túc nước thì vỡ bờ, Trịnh Duy Sản đã kêu gọi dân chúng, quân lính, thợ thuyền nổi dậy làm phản, giết Lê Tương Dực, đốt Cửu Trùng Đài, bắt và giết chết Vũ Như Tô. Lâu đài nguy nga tráng lệ chìm ngập trong biển lửa trước sự tiếc nuối, đau đớn của người khởi xướng, người tác tạo ra nó, người đam chiêu nó, có cả nước mắt, máu và sự căm hờn.

Cửu Trùng Đài - bức tượng đài nghệ thuật cuối cùng bị thiêu huỷ. Cửu Trùng Đài - là cái đẹp! Vũ Như Tô là người nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp. Đan Thiềm - người đam mê và yêu cái đẹp, muốn bảo vệ cái đẹp. Thế thì điều gì khiến cho nó dẫn đến một kết cục bi thảm như vậy? Phần tóm tắt trên đây đã nói lên một phần. Chúng ta tiếp tục cùng nhau khám phá những bí ẩn còn tiềm tàng phía sau tuyệt phẩm còn dang dở này nhé!

Phải nói rằng, so với những tiết học văn bản truyện ngắn, thơ, học sinh dễ tiếp nhận hơn là học kịch.

HỌC SINH ĐỌC PHÂN VAI LUÂN PHIÊN CHIẾM LĨNH CÁI ĐẸP

ĐẾN LỚP V (*Vũ Như Tô - Đan Thiềm*)

ĐAN THIỀM - Ông cả! Ông chạy đi! Ông có nghe tiếng gì không? Quân giặc đnag tìm ông đấy: trốn đi!

VŨ NHƯ TÔ - Họ tìm tôi, nhưng lí do gì họ giết tôi. Tôi có gây oán thù gì ai?

ĐAN THIỀM - Ông đừng mơ mộng nữa. Dân chúng nông nổi, dễ sinh tàn ác. Họ không hiểu công việc của ông. Tránh đi! Trốn đi! Đợi thời là thượng sách. Đừng để phí tài trời. Trốn đi!

VŨ NHƯ TÔ - Còn bà?

ĐAN THIỀM - Tôi ở đây. (*có tiếng quân reo dữ dội: "Giết chết Vũ Như Tô, giết chết lũ cung nữ."*)

VŨ NHƯ TÔ (*Thản nhiên*) - Bà ở đây. Vậy tôi cũng ở đây, nguy hiểm ta cùng chịu.

ĐAN THIỀM - Không được! Tôi chết đi không thiệt hại cho đời! Còn ông, ông phải đi đi mới được. (*có tiếng nhà đổ, tiếng của đổ*) Ông đi đi, không thì không kịp. (*nhàng chấp tay lay*) Tôi xin ông, ông nghe tôi trốn đi.

Có tiếng giày dệp nhón nháo. Bọn cung nữ hốt hoảng đi vào.

- GV: Nếu đặt mình vào tình huống của Vũ Như Tô và Đan Thiềm, bạn sẽ chọn cách giải quyết nào? Hãy ghi vài nhận xét cho từng sự lựa chọn này vào những dòng để trống phía bên dưới:

- HS1: Chọn cách của nhân vật:

.....

.....

.....

- HS2: Chọn thời điểm thích hợp, khi nhận được sự đồng tình của dân chúng, kết hợp chủ trương mới của vua, khoan thư sức dân rồi mới tiến hành xây:

.....

.....

.....

- HS3: Cùng nhau chạy trốn thoát khỏi sự truy lùng của quân nổi loạn:

.....

.....

.....

Đến đây, chúng ta có thể nhận ra, cái chết của Vũ Như Tô và Đan Thiềm giúp mình rút ra được một số bài học trong lao động, học tập, sáng tạo nói chung và cách lựa chọn giải quyết một vấn đề trong cuộc sống rồi đây.

Thứ nhất, sáng tạo nào cũng phải đem lại lợi ích chung cho cộng đồng;

Thứ hai, đam mê nghệ thuật nhưng phải có lí trí dẫn đường, không nên mù quáng;

Thứ ba, bảo vệ cái đẹp phải đúng nơi, đúng chỗ, đúng

đối tượng, phải biết cách thuyết phục mọi người đi theo mình vì mục đích tích cực.

“Cái đẹp có thể cứu rỗi thế giới. Nhưng nó cũng có thể huỷ hoại thế giới. Vũ Như Tô cũng vì muốn thể hiện tài năng, cống hiến cho non sông. Anh ta bị cái đẹp mê hoặc, sai khiến đến mức không biết việc mình làm là có tội với dân chúng. Đan Thiềm cũng vì say mê cái tài, cái đẹp mà dùng lời đường mật thổi miên cả một kiến trúc sư tài năng. Hành động đó vô tình khiến cả hai rơi vào bi kịch. Vì vậy, nếu ta biết cách giải quyết vấn đề một cách sáng suốt, sáng tạo trong học tập, lao động ắt sẽ mang lại thành công và lợi ích chung.”

NĂNG LỰC NGÔN NGỮ

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng bậc nhất của con người, đồng thời là phương tiện của tư duy. Ngôn ngữ và tư duy có mối quan hệ khăng khít, thống nhất không tách rời nhau. Không có ngôn ngữ thì không có tư duy và ngược lại, không có tư duy thì ngôn ngữ cũng chỉ là những âm thanh trống rỗng. Nhờ có ngôn ngữ mà con người có thể trao đổi, tư tưởng, tình cảm và nguyện vọng chính đáng.

Hiểu theo nghĩa rộng, ngôn ngữ là một ngành khoa học nghiên cứu về ngôn ngữ trên nhiều bình diện khác nhau như: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, cơ sở ngôn ngữ học, ngôn ngữ học đại cương. Theo nghĩa hẹp, ngôn ngữ là lời ăn tiếng nói hàng ngày, dùng để trao đổi thông tin

giữa con người với nhau. Ngôn ngữ có sức mạnh như thế nào là do khả năng biểu đạt của người dùng. Xét về mặt không gian, ngôn ngữ gồm có tiếng mẹ đẻ, tiếng nước ngoài. Trong một quốc gia thì có tiếng phổ thông, tiếng địa phương, tiếng dân tộc. Theo thời gian, ngôn ngữ là cầu nối giữa các thế hệ để kế tục các thành tựu, lĩnh vực khác nhau.

Trong phạm vi trường học, thuật ngữ này gọi là năng lực ngôn ngữ, được xếp vào năng lực đặc thù của môn Ngữ văn, tức là khả năng sử dụng tiếng Việt thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe. Tiếng Việt là một tài sản quý giá mà cha ông ta đã để lại từ hàng ngàn năm trước, tiếng Việt ta giàu và đẹp vô cùng.

TIẾNG VIỆT - TÀI SẢN VÔ GIÁ

Dù bạn là ai, một đứa trẻ lên ba, học sinh, giáo viên, người bán hàng, nhà ngoại giao hay một chính trị gia. Một người được gọi là thông minh, thành công bao giờ cũng nhờ những yếu tố như gen di truyền, tố chất, cơ hội, môi trường sống. Ngoài ra họ không thể thiếu một phương tiện, công cụ đặc lực đó là khả năng sử dụng tiếng Việt. Vậy làm thế nào để giúp học sinh sử dụng tiếng Việt đạt hiệu quả cao trong giao tiếp và học tập. Chúng ta cùng đồng hành, trải nghiệm qua một số bài học trong SGK nhé.

Thực hành tiếng Việt là một nội dung rất quan trọng có trong tất cả các bài học. Tuy nhiên, khi học phần này học

sinh ít quan tâm, một phần là do năng lực sử dụng tiếng Việt, kiến thức nền về tiếng Việt bị hạn chế, chưa có khả năng giải thích nghĩa của từ và nghĩa từ Hán Việt. Có một điều mà có lẽ giáo viên nào cũng thừa nhận là dạy tiếng Việt, thực hành tiếng Việt khó, khô và khổ. Ngay cả trong chuyên khảo này, các bạn để ý sẽ thấy cảm xúc của người viết cũng bị chi phối không nhỏ chút nào.

Dĩ nhiên, tôi không thể không nhắc đến phương pháp dạy tiếng Việt. Thay vì ra lệnh, yêu cầu, ta nên khuyến khích và gợi ý. Bằng phương pháp này, người bên cạnh bạn sẽ thực hiện một cách tự giác và nhiệt tình. Một bà mẹ trông thấy hai đứa nhỏ đang bày khắp nhà một đồng đồ chơi lộn xộn. Bà nghĩ nếu mình quát nạt, la mắng thì chẳng mang lại lợi ích gì cả. Thế là bà đưa ra một trò chơi *“tàu hoả chở hàng”*. Hai anh em lần lượt gom hết chúng lên tàu và chở vào kho một cách gọn gàng. Galilei nói: *“Người ta không thể dạy một người nào đó, mà chỉ có thể giúp đỡ để người đó tự mình khám phá.”*

NHÀ THƠ MÙ VẼ NÊN TƯỢNG ĐÀI NGHỆ THUẬT BẤT TỬ

Đọc nhan đề này, chúng ta đã hình dung ra ai là chủ nhân của bức tượng đài đó chưa! Nguyễn Đình Chiểu chứ còn ai khác nữa. Ông là một tấm gương sáng ngời về đạo đức, nghị lực phi thường, một tài năng văn chương độc đáo, một nhà giáo tận tụy cống hiến cho đời. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là áng văn bi tráng khắc tạc nên bức tượng đài

bất tử về người nghĩa sĩ nông dân đã hi sinh vì Tổ quốc, tái hiện lại thời kì lịch sử đau thương của dân tộc.

Để khám phá được giá trị nội dung của văn bản này, chúng ta cần định hướng cho học sinh cách giải thích nghĩa của từ trong một văn bản có tính chất lịch sử về thời đại của đất nước.

Tôi nghe đồng nghiệp kể, giờ học văn tế, một số thầy cô tìm không gian riêng để luyện đọc cho truyền cảm, đúng giọng mới khơi gợi được hứng thú học tập ở học sinh. Làm được điều này chứng tỏ giáo viên đó rất tâm huyết với nghề!

Với tôi, câu hỏi đầu tiên khi tiếp cận văn bản này là gì các bạn biết không?

Theo các em, văn tế là loại văn như thế nào? Cả lớp im re một hồi. Một em nói, thưa thầy kiểu như cúng ấy ạ! Từ đó, các bạn biết là tôi phải làm gì tiếp theo rồi.

GIẢI THÍCH Ý NGHĨA CỦA TỪ

Văn tế tức là văn giành cho người đã khuất, hay còn gọi là văn chiêu, chiêu văn, văn khấn, văn cúng. Tôi lấy thêm ví dụ về *Văn chiêu hồn* (văn tế thập loại chúng sinh) của Nguyễn Du để học sinh có thể hình dung, so sánh và hiểu hơn về tình cảm của tác giả đối với đối tượng được nhắc tới. Nhà thơ không chỉ đồng cảm với những số phận bất hạnh trong cõi nhân sinh mà còn xót thương cả với mười hạng người dưới đáy xã hội, chết đi không có người thờ cúng.

- Chữ *hạnh* trong câu 17. “Một chắc sa trường rằng chữ hạnh, nào hay da ngựa bọc thây.” Từ hạnh ở đây nghĩa là may mắn, đặt trong câu này ý nói thân mình ở chốn sa trường, chỉ may mắn mới sống sót. Như thế là hạnh phúc rồi. Đây là cách giải thích nghĩa của từ bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị.

- Chữ *tài bồi* trong câu 20. “Tắc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta.” Tài nổi nghĩa là vun đắp, gây dựng, tài là trồng cây, bồi là vun bồi, bồi đắp vun trồng. Đó là cách giải thích bằng cách làm rõ từng yếu tố trong từ được giải thích.

Giải thích bằng cách làm rõ nghĩa của từng yếu tố trong từ được giải thích, đối với từ ghép, sau đó nêu nghĩa chung của từ.

Trở lại với nhan đề như một nhận định: “Với bài văn tế này, lần đầu tiên trong lịch sử văn học dân tộc có một tượng đài sừng sững về người nghĩa sĩ nông dân chống giặc cứu nước tương xứng với phẩm chất vốn có ngoài đời của họ.” Tượng đài thường được xây dựng bằng nhiều nhiều chất liệu khác nhau, đó là cách thể hiện lòng biết ơn tôn kính đối với một cá nhân hoặc tập thể có công lao với Tổ quốc. Tượng đài mẹ Việt Nam anh hùng, tượng đài Hồ Chí Minh, tượng đài về 10 cô gái ngã ba Đồng Lộc (Hà Tĩnh), tượng đài nghĩa trang các anh hùng liệt sĩ bao giờ cũng có chữ “Tổ quốc ghi công”. Nói *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu là bức tượng đài nghệ

thuất bắt tử về người nông dân nghĩa sĩ. Bởi vì họ là những người nông dân đầu tiên nổi dậy chống giặc ngoại xâm trong buổi đầu dân tộc ta thực hiện cuộc trường kì kháng chiến chống Thực dân Pháp kéo dài tới 96 năm. Kể từ khi quân giặc nổ súng xâm lược nước ta tại bản đảo Sơn Trà, Đà Nẵng năm 1858 cho đến chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu năm 1954. Ngôn từ âm nhạc diễn tả cụm từ này là “*một trăm năm đô hộ giặc Tây*”. Người nông dân Cần Giuộc lúc bấy giờ đánh giặc bằng gậy tầm vông, bằng rơm con cúi. Dù thất bại, mất mát, nhưng chính hành động của những người nông dân nghĩa sĩ xứng đáng được tạc tượng với phẩm chất vốn có của họ. Những thứ vũ khí thô sơ ấy không thể đo lại với nòng súng ác độc của kẻ thù. Họ nổi dậy, đứng lên bằng tình yêu quê hương đất nước và lòng căm thù giặc sâu sắc. Hơn nữa, lúc bấy giờ, Nguyễn Đình Chiểu đang trên đường ra Huế đi thi thì nghe tin mẹ mất. Ông đã khóc thương mẹ mà cạn cả nước mắt, rồi bị mù.

Giặc Pháp nổ súng xâm lược nước ta bằng hòng súng. Nguyễn Đình Chiểu cũng nổ phát súng nả vào đầu quân thù bằng những vần tế ai oán lòng người. Ông cũng là người mở đường cho văn học kháng chiến Việt Nam sau này. Ông khóc vì sự tiếc thương về sự hi sinh cao cả của đồng bào miền nam ta. Đáng khâm phục hơn ở ông là dù bị mù cả đôi mắt, nhưng ông vẫn mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân lành. Thời bấy giờ, dân ta gần

như là mù chữ đến 90%. Chỉ có bậc trí thức yêu nước mới có thể viết nên, tạc nên những bức tượng nghệ thuật lộng lẫy như thế.

SẮC THÁI BIỂU CẢM CỦA TỪ TỪ HÁN VIỆT

Lịch sử hình thành và phát triển của tiếng Việt cho đến ngày nay đã trải qua rất nhiều thăng trầm. Thuở sơ khai cha ông ta đã sáng tạo ra chữ của người Việt cổ. Trải qua một ngàn năm đô hộ giặc Tàu, tiếng ta chịu ảnh hưởng nhiều bởi tiếng Hán. Quá trình vay mượn yếu tố Hán Việt (70%) đã cho tiếng Việt trở nên phong phú, giàu có hơn bao giờ hết. Thời kì Pháp thuộc, tiếng Việt chịu ảnh bởi tiếng Pháp. Hệ thống chữ quốc ngữ ra đời là một bước ngoặt mới, hình thành nên diện mạo của tiếng phổ thông, được sử dụng rộng rãi trên tất cả các lĩnh vực. Cho nên vấn đề phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh thông qua việc sử dụng tiếng Việt thì không thể bỏ qua việc sử dụng từ Hán Việt. Vì chỉ khi, giáo viên, học sinh có vốn từ nhiều thì mới phục vụ tốt hơn khi tiếp nhận, phân tích, đánh giá tác phẩm văn học.

Dưới đây là một minh chứng điển hình. Đọc đoạn trích sau và thực hiện theo gợi ý:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.*

*Núi sông bờ cõi đã chia,
 Phong tục Bắc Nam cũng khác.
 Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập,
 Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.
 Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
 Song hào kiệt đời nào cũng có.*

- Bạn nào phát hiện và giải thích nghĩa của một số từ Hán Việt trong đoạn trích trên sẽ nhận được một phần quà hấp dẫn.

- Rất nhiều cánh tay giơ lên! Các em phát hiện khá tốt, nhưng phần giải thích nghĩa vẫn chưa sát, chưa đầy đủ.

TỪ HÁN VIỆT	Ý NGHĨA
Trừ bạo	Trừ bỏ, loại bỏ cái tàn bạo, kẻ bạo ngược làm hại dân lành
Phong tục	Thói quen được ưa chuộng và công nhận
Độc lập	Đứng một mình ngay thẳng, gây dựng, nước có chủ quyền, tự mình tồn tại, không lệ thuộc vào ai
Nhân nghĩa	Lòng yêu thương con người và làm theo lẽ phải
Văn hiến	Bao gồm văn hoá, lịch sử, con người từ xưa đến nay

Tôi hỏi tiếp: Các em có thể giải thích và phân tích ý nghĩa của từ *nhân nghĩa* trong bài cáo này không? Đến câu này, rất ít HS có thể phát biểu được. Khó đấy chứ! Không tin bạn thử đi?

Nhân nghĩa là khái niệm có nguồn gốc trong Nho giáo của Trung Quốc, chỉ mối quan hệ, ứng xử tốt đẹp giữa con người với con người. *Nhân nghĩa* là tư tưởng của Nguyễn Trãi, chạy xuyên suốt toàn bộ tác phẩm. Hiểu một cách sâu sắc hơn, tác giả dùng nghệ thuật “gậy ông đập lưng ông”, lấy ngôn ngữ tổ tiên của giặc để khoá miệng kẻ thù. Giặc Minh sang xâm lược nước ta, chúng nó mang khẩu hiệu “Phù Trần diệt Hồ”, nhưng thực chất không phải thế, mà là sang xâm chiếm, giết hại dân ta, vợ vét sản vật, tàn sát cả giống loài muôn trùng cây cỏ.

Mở đầu bài cáo, Nguyễn Trãi nhắc lại khẩu hiệu *nhân nghĩa* do chính cha ông của giặc tạo nên để làm cơ sở pháp lí cho việc vạch trần tội ác giã man của kẻ thù, đi đến tuyên bố về nền độc lập cho nước Đại Việt. *Nhân nghĩa* cũng là tư tưởng làm nên sức mạnh của nghĩa quân Lam Sơn, đánh tan giặc Minh đem lại bình yên cho nhân dân. Trong *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh, tư tưởng này được tiếp tục và mở rộng hơn. Tôi sẽ làm rõ nội dung này ở phần sau.

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP - HỒ CHÍ MINH

(Dưới góc nhìn nghệ thuật thôi miên bằng ngôn từ)

Trong điều văn Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 9 tháng 9 năm 1969 do cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc, có đoạn viết:

“Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.”

Suốt cả cuộc đời, Người chưa bao giờ tự nhận mình là nhà thơ, nhà văn. Một con người rất mực khiêm tốn, giản dị mà vĩ đại. Sự nghiệp thơ ca của Bác gắn liền với sự nghiệp cách mạng, đấu tranh giành độc lập dân tộc. Cùng với nhiều tác phẩm xuất sắc, *Tuyên ngôn Độc lập* là áng văn chính luận mẫu mực.

Buổi học đến bài này, tôi nhắc lại đoạn văn điều trên khiến cho nhiều học sinh không khỏi xúc động! Nhiều ánh mắt như nghiêng mình vì sự kính trọng và ngưỡng mộ về tài năng văn chương, bậc thầy ngôn từ của tác giả Hồ Chí Minh. Không dễ cảm hứng bị ngắt đi, tôi đi xuống và hỏi nhỏ. Thế các em có nhớ, trong lịch sử văn học Việt Nam những tác phẩm văn học nào được xem (có giá trị như) là bản Tuyên ngôn độc lập dân tộc?

Thật tuyệt vời! Tôi tin là nhiều em vẫn trả lời được. Bởi vì đây là lớp học khá, “chọn” của trường. Với lại, tôi đảm nhiệm dạy suốt cả 3 năm, và có thói quen hay kể chuyện, liên hệ so sánh với lịch sử, giữa các tác phẩm này với tác phẩm khác. Học sinh trả lời rất chắc chắn, thưa thầy là có 3 tác phẩm ạ: *Nam quốc sơn hà* của Lý Thường Kiệt, *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi và *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh. Tôi ham làm khó học sinh! Vậy em nào nhớ được tên của từng tác phẩm đó gắn liền với thời kì kháng

chiến nào không? Câu này chỉ có một em trả lời được, nhưng vẫn thiếu vế cho tác phẩm thứ nhất. Vì ta không lần sân bộ môn Lịch sử, nên phần này quý vị vui lòng tự tìm hiểu thêm.

Đoạn mở đầu, tác giả nêu:

Hỡi đồng bào cả nước,

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Lời bắt hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mĩ. Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”.

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Việc trích dẫn lời hai bản *Tuyên ngôn* của Mĩ (1776) và của Pháp (1791) có ý nghĩa đặc biệt. Mĩ và Pháp là hai có quốc gia có nền độc lập sớm so với các quốc gia khác trên thế giới. Đây là hai cường quốc giàu mạnh về mọi mặt, có vị thế quan trọng đối với nền hoà bình thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất khéo léo và sáng suốt khi thềm nhắc nhẹ

với nước bạn. Các anh là những quốc gia độc lập, khẩu hiệu tuyên ngôn rất hùng hồn. Tại sao lại đi xâm lược một nước nhỏ bé như Việt Nam chúng tôi. Các anh có quyền được độc lập, thì chúng tôi cũng có quyền độc lập. Mặt khác, tác giả khẳng định và đặt Việt Nam ngang hàng với Mĩ và Pháp. Điều quan trọng và ý nghĩa hơn nữa là ở cách lập luận, dùng ngôn ngữ của địch để khoá miệng địch, lấy *“gậy ông đập lưng ông”*. Nếu Mĩ và Pháp mà đi xâm lược Việt Nam thì chẳng khác nào chúng đang giày xéo và dẫm đạp lên mồ mả, tổ tiên của họ vậy.

Thời Pháp sang xâm lược Việt Nam, chúng nêu khẩu hiệu: *“Tự do, bình đẳng, bác ái”*, khai hoá nền văn minh cho Việt Nam. Nhưng chúng đã tiến hành chương trình khai thác thuộc địa, giết hại nhân dân, vơ vét của cải về làm giàu cho chính quốc.

Điều mà thế giới, cả Pháp và Mĩ phải thừa nhận nền độc lập của Việt Nam là nhờ vào sự sáng tạo của Hồ Chí Minh. Đó là việc Người suy rộng ra: *“tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.”* Tác giả đã đưa quyền con người thành quyền dân tộc khiến cho kẻ thù không thể chối cãi được. Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Với nghệ thuật sử dụng ngôn từ sắc bén, lập luận chặt chẽ thuyết phục, Hồ Chí Minh đã dùng ngôn ngữ dân tộc để thôi miên cả những đế quốc sừng sỏ nhất năm châu. Người đã khiến cho kẻ thù phải *“ngọng miệng”*, *“đơ lưỡi”*,

cái cách nói lời hãy giữ lấy lời, “quân tử nhất ngôn”. Có thể khẳng định, sức mạnh ngôn từ đạt đến mức độ nào còn phụ thuộc vào tư duy của người sử dụng, khả năng nâng ngôn từ thành triết lí nhân sinh, triết lí cuộc đời.

Người cũng nhấn nhủ với những người bạn văn mình hãy nhớ lấy điều này: “*Nghệ thuật không phải là lá nguy trang*”. Anh khoác lên mình tấm áo choàng chân lí cao đẹp, lẽ phải, công bằng mà lại đi mặc cho người khác bộ “áo da ngâm nôi đồng”. Chẳng nhẽ, quyền bình đẳng của đế quốc, quyền tự do của thực dân lại là mùi thuốc súng nồng nặc? Đó chẳng qua là nguy biện, mị dân, lấy mưu trí của mình để áp đặt kẻ yếu. Nói như Nam Cao: “*Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai người khác để thoả mãn lòng ích kỉ. Kẻ mạnh phải là kẻ giúp đỡ người khác trên đôi vai của mình.*” Kẻ mạnh phải cao thượng, độ lượng và thương võ. Thật là xấu hổ, hèn nhát!

Chúng ta hãy ngẫm thật kĩ, khi đưa vào thời kì lịch sử lúc bấy giờ và cho đến ngày nay giá trị này vẫn còn mãi mãi. Chỉ có bậc thầy của ngôn từ, bậc thầy của tư tưởng và ý chí lớn lao mới có thể làm được điều này!

HAI NHÀ TƯ TƯỞNG SOI ĐƯỜNG

Nguyễn Trãi là người Việt Nam đầu tiên được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới. Đầu thế kỉ XV, cụ thể là năm 1428, sau khi đánh thắng giặc Minh, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết *Đại cáo bình Ngô*. Tác phẩm có ý nghĩa trọng đại của quốc gia, được công bố rộng khắp

về việc dẹp yên giặc Ngô (giặc Minh). Bài cáo được coi là bản tuyên ngôn độc lập, một áng “*thiên cổ hùng văn*” của dân tộc ta. Với Đại cáo bình Ngô, Nguyễn Trãi đã nêu cao tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân. Ông ước vọng nhà nước phong kiến dùng nhân nghĩa để “trị” dân, “khoan thư sức dân”, “quốc dĩ dân vi bản”, việc nước phải lấy dân làm gốc. Bối cảnh thời đó, độc lập được hiểu và gọi là độc lập tự chủ.

Đến nửa đầu thế kỉ XX, cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, khắp toàn quốc, nhân dân ta vùng dậy đấu tranh giành chính quyền. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam mới, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Từ đó, nước ta chính thức có tên trên bản đồ thế giới. Nói như thể để thấy rằng, cách mạng giành độc lập dân tộc có ý nghĩa rất trọng đại, linh thiêng và cao cả. Ca từ âm nhạc cũng đã ngân vang: “*Tổ quốc linh thiêng! Tổ quốc linh thiêng! Bốn ngàn năm chưa bao giờ ngơi nghỉ! Ngọn đuốc hào bình trong tim rực lửa.*” Ngọn đuốc hào bình, ngọn đèn hải đăng đó, là nhờ công lao của tổ tiên, hồn thiêng sông núi dân tộc, của cha anh, của những nhà tư tưởng lớn soi đường cho chúng ta đi.

Kể từ ngày lập quốc đến nay, đất nước ta tròn 79 tuổi. Vị thế của Việt Nam ngày càng khẳng định trên chính trường quốc tế, như cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã

khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.”

Với suy nghĩ đó, dạy bài *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh, học sinh cần phải được định hướng và biết so sánh giá trị của các tác phẩm văn học qua từng thời kì lịch sử khác nhau.

Trong *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi:

“Từng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.

Như nước Đại Việt ta từ trước,

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.

Núi sông bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,

Song hào kiệt đời nào cũng có...”

Nguyễn Trãi mở đầu bằng cách lấy ngọn cờ nhân nghĩa do chính tổ tiên quân giặc khai sinh ra để làm nền tảng lí luận. Chủ quyền đất nước được tác giả khẳng định trên các phương diện như: tên nước, nền văn hiến, bờ cõi, phong tục, triều đại, anh hùng để sánh ngang với Trung Quốc.

Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh đã rất khéo léo dẫn hai Bản tuyên ngôn Độc lập, Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Mỹ và Pháp để làm tiền đề khẳng định chủ quyền độc lập cho dân tộc. Tiếp đến là cơ sở thực tế, dẫn chứng về những luận điệu “bịp bợm”, những tội ác tày trời của quân thù. Người nêu rõ công lao của dân ta đánh đổ và cắt đứt xiềng xích thực dân gần một thế kỉ qua. Người khẳng định sức mạnh, sự quyết tâm giữ vững nền độc lập của nhân dân và dân tộc Việt Nam để cuối cùng đi đến kết luận, tuyên bố chắc nịch: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập.”*

NĂNG LỰC VĂN HỌC - NĂNG LỰC VĂN NẢNG

Xét về mặt tổng thể dung lượng chuyên khảo, hai năng lực đặc thù của môn Ngữ văn sẽ chiếm tỉ lệ nhiều hơn so với phần lí luận, thực trạng, tư duy dạy học phát triển phẩm chất, năng lực. Chức năng và vai trò của hai năng lực này là quá lớn. Vì ngôn ngữ và văn học được vận dụng gần như trong tất cả các môn học kể cả mặt diễn đạt văn bản, công thức, lời giải, lẫn ngôn ngữ của người dạy, ngôn ngữ của người học. Trong ngôn ngữ có văn học, trong văn học có ngôn ngữ, những bộ môn khác có ngôn ngữ chuyên ngành, hoặc thuật ngữ chuyên ngành. Tất nhiên, nó phải được sử dụng trên cơ sở khoa học, chuyên môn, mang tính mô phạm và năng lực của từng người. Các chuyên gia hùng biện, nhà ngoại giao,

nhà lãnh tụ kiệt xuất cũng nhờ vào tài năng ăn nói, sử dụng ngôn ngữ khôn khéo mới có được những mối quan hệ hợp tác bền lâu.

BỨC TƯỢNG LINH THIÊN VỀ NGƯỜI LÍNH

Viết về đề tài người lính, không chỉ văn học Việt Nam, mà cả văn học thế giới, các nhà thơ, nhà văn xem đó như là một vùng đất phì nhiêu, giàu phù sa để gieo mầm những hạt giống tâm hồn. Douglas MacArthur đã từng nói: *“Người lính là người cầu nguyện cho hoà bình nhiều hơn bất cứ ai, bởi chính người lính là người phải chịu đựng và mang những vết thương và sẹo chiến tranh nặng nề nhất.”*

Học xong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng, đến phần luyện tập nâng cao kĩ năng làm văn. Tôi phỏng vấn học sinh như thế này.

Câu thứ nhất, trong số những bài thơ về người lính đã học, em thích nhất là tác phẩm nào? Học sinh chọn ngay *Tây Tiến*.

Câu thứ hai, trong bài *Tây Tiến*, em thấy đoạn thơ nào hay nhất? Vì sao?

Học sinh lí giải như sau:

- Em thích đoạn thứ 3.

- Vì dung lượng vừa, dễ nhớ, dễ thuộc, có những câu thơ hay, hình ảnh đẹp.

Đúng thế! Ngoài những lí do trên, đây là đoạn thơ được tác giả tập trung khắc hoạ hình ảnh người lính *Tây Tiến*.

Nói đúng hơn, đây là *“bức tượng linh thiêng về người lính.”*
Tại sao lại nói như vậy?

Máu đào của các anh hùng liệt sĩ đã nhuộm đỏ lá cờ cách mạng Việt Nam. Các anh hi sinh để cho đất nước ta nở hoa độc lập, kết trái tự do.

Nhà thơ Trần Thế Tuyền đã viết:

*“Thân ngã xuống thành đất đai Tổ quốc,
Hồn bay lên hoá linh khí quốc gia.”*

Tôi nhấn mạnh thêm, cảm thụ văn chương nói chung, phân tích một tác phẩm nói riêng, các em cần phân biệt được hình tượng văn học, sự khác biệt của nó với một số loại hình nghệ thuật khác như hội hoạ, âm nhạc, kiến trúc, điêu khắc. Hình tượng trong các loại hình kể trên được tạo nên bằng nhiều chất liệu và kiểu dáng khác nhau. Hình tượng văn học trong thơ ca được vẽ nên bằng ngôn từ nghệ thuật, bằng cả trái tim của người nghệ sĩ. Muốn cảm nhận được hình tượng văn học, phải vừa đọc, nhìn quan sát, liên tưởng, so sánh mới phát hiện được cái hay, cái đẹp ẩn chứa bên trong.

“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành”

Trước hết ta cần nhớ Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài, vừa làm thơ, viết văn, vẽ tranh và soạn nhạc. Hơn ai hết, Quang Dũng là một người lính của Tây Tiến. Anh xuất thân là trai Hà Thành, khi Tổ quốc lâm nguy, Tổ quốc gọi tên mình, anh xếp bút nghiên lên đường vì lí tưởng cao cả, chiến đấu vì nền độc lập tự do của dân tộc “*quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh.*” Người lính viết thơ về người lính thì không gì chân thực hơn. Đặc biệt hơn là ở chỗ bài thơ này được viết bằng sự hồi tưởng, nỗi nhớ da diết về đơn vị, đồng đội, thiên nhiên và con người miền Tây Bắc của tác giả.

Hình tượng người lính Tây Tiến, bức tượng linh thiêng đó được tác giả đặc tả từ ngoại hình, tính cách, tâm hồn và sự hi sinh dũng cảm.

Ngoại hình anh lính cụ Hồ hiện ra trước mắt người đọc một ấn tượng rất lạ, lạ đến mức nếu không có thơ ca thì thế hệ trẻ không thể nhận ra, nó kì quá. Nếu không có các anh chắc gì tuổi trẻ có mặt ngày nay. Nếu có chăng cũng biến thể thành con người khác.

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Quang Dũng nhớ tường tận chi tiết, nỗi nhớ như mài cật, vì nó đau và thương, thương đồng đội mình đến xé cả ruột gan. Dân gian ta thường nói, cái răng, cái tóc là vóc

con người. Những chàng trai lứa tuổi học sinh, sinh viên đã rời thủ đô phồn hoa đô hội, cầm súng lên đường vì nghĩa thiêng liêng cao cả. Họ đến chốn rừng thiêng nước độc, xanh thẳm hoang sơ. Căn bệnh sốt rét quái ác đã khiến cho mái tóc thanh xuân rụng sạch đầu “*không mọc tóc*”. Cũng có thể hiểu là do chiến đấu giáp lá cà khi không còn đạn dược, để dễ dàng, linh hoạt hơn nên phải cạo trọc đầu. Dù hiểu theo cách nào thì hình ảnh này nói lên hiện thực khắc nghiệt, khó khăn gian khổ nơi chiến trường.

Đang cao hứng giảng bài, bỗng một em giơ tay hỏi. Thưa thầy! Từ *quân xanh* thì em hiểu rồi, nhưng *oai hùng* có nghĩa là gì?

Người lính Tây Tiến sống chiến đấu trong môi trường ác liệt, mưa bom bão đạn, bệnh tật, ốm yếu, xanh xao nhưng vẫn giữ tư thế oai phong凛冽 của chúa tể sơn lâm, mạnh mẽ oai phong, uy hiếp cả quân thù. “*Quân xanh màu lá giữ oai hùng*”, màu xanh của lá ngụy trang, màu xanh áo lính hoà trộn màu da xanh vì những cơn ớn lạnh.

Bức tượng linh thiêng ấy toát lên khí chất và tâm hồn lãng mạn đúng chất nghệ sĩ của nhà thơ:

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Tâm thế của chàng trai Tây Tiến lúc nào cũng uy nghiêm “*mắt trừng*” khiến cho kẻ thù khiếp sợ. Ngày chiến đấu oai linh, luôn hướng về phía trước, nhưng đêm về những con người ấy thật lãng mạn biết bao. Quang Dũng hiểu đồng

đội của mình từ sâu thẳm nội tâm, “mơ” những giấc mơ ngọt ngào. Có người lính ra đi từ mái tranh nghèo! Có người lính ra đi từ đó không về. Có người lính chưa kịp yêu, chưa nói lời yêu đã nằm xuống đất mẹ khi tuổi đời còn rất trẻ. Vì thế giấc mơ, mà mơ về người mình yêu, đó là giấc mơ đẹp nhất. *Dáng kiều thơm* là dáng của ai? Từ *kiều* tức là kiều diễm, đẹp. Đẹp mà còn thơm nữa! Câu thơ này tuyệt quá! Tượng có hồn, tượng có cả mùi hương. Người lính ấy mơ về những cô gái Hà Nội, những người bạn thời áo trắng, người yêu hay người mẹ, người chị! Đối tượng của giấc mơ nào cũng đều đẹp cả, cái đẹp của tâm hồn, nỗi nhớ đó, giấc mơ đó đã tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho người lính miền Tây Bắc đánh bại mọi kẻ thù xâm lược.

Chiến tranh là nỗi ám ảnh của loài người, chiến tranh là mất mát, là chết chóc và hi sinh.

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Nhà thơ sử dụng từ Hán Việt tạo âm hưởng cổ kính, thành kính, tráng lệ “*biên cương*” nơi biên giới, cửa ải, *viễn xứ* nơi xa xôi. Trên đường hành quân, làm sao có thể né tránh được hiện thực khốc liệt của súng đạn, bom mìn. Những nắm mồ của người con xa xứ nằm lại nơi núi rừng hoang sơ lạnh lẽo. Đã là người lính là xác định quyết tử vì nền độc lập dân tộc. Không có sự hi sinh nào cao quý hơn bằng sự hi sinh vì Tổ quốc, thế nên mới có câu: “*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh.*”

Nơi rúi rừng hiểm trở, có những người ngã xuống, đồng đội không kịp khâm lượm, chỉ vội lấy chiếc áo quần thân cho bạn mình. *Áo bào* là cách nói thể hiện sự kính cẩn nghiêng mình của tác giả. Sông Mã gầm lên khúc nhạc độc hành vang vọng giữa không gian mênh mông đưa tiễn các anh về cõi thiêng, siêu thoát, phù hộ cho thế hệ mai sau.

CON SÔNG KHÔNG CHẢY

Dòng sông ai đã đặt tên

Mà người đi nhớ mãi không quên!

“... Có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy, không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ. Mỗi nhà thơ đều có một khám phá riêng về nó: từ xanh biếc thường ngày, nó bỗng thay màu thực bất ngờ, “Dòng sông trắng - lá cây xanh” trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà, từ tha thướt mơ màng nó chợt nhiên hùng tráng lên “như kiếm dựng trời xanh” trong khí phách của Cao Bá Quát; từ nổi quan hoài vạn cổ với bóng chiều bảng lảng trong hồn thơ Bà Huyện Thanh Quan, nó đột khởi thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn, trong thơ Tố Hữu. Và ở đây, một lần nữa, sông Hương quả thực là *Kiều*, rất *Kiều*, trong cái nhìn thẩm thiết tình người của tác giả *Từ ấy*.”

(Ai đã đặt tên cho dòng sông? Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Tôi xin mạn phép cố nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường và lời nhắn nhủ của ông trong trích đoạn trên để cảm

nhận vẻ đẹp của con sông theo một cách riêng. Chúng ta, bạn và tôi, mọi người, ai cũng được sinh ra và lớn lên trên quê hương xứ sở của mình. Gần như ở đâu cũng có một dòng sông, dòng sông gắn với tuổi thơ, dòng sông gắn với kí ức một thời ta đã có mặt ở đó.

Sông Hương được biết đến là dòng sông của lịch sử, văn hoá, thơ ca và âm nhạc. Ý tưởng của Hoàng Phủ Ngọc Tường thông qua đoạn trích trên là ca ngợi vẻ đẹp cuốn hút và là nguồn cảm hứng không bao giờ vơi cạn cho người nghệ sĩ. Thông qua các hình ảnh mang tính biểu tượng và khơi gợi sự sáng tạo của người viết như “Dòng sông trắng - lá cây xanh”. Hình ảnh dòng sông trắng giàu sức gợi tả, liên tưởng đến bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử:

“Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chở trăng về kịp tối nay?”

Thuyền ai đang đậu bên bến “sông trăng”, có chở trăng về kịp tối nay cho thi sĩ gặp lại nàng thơ không? “Thuyền trăng”, “sông trăng” là hình ảnh đầy sáng tạo của nhà thơ. Vừa trong mơ, trong tưởng tượng, trong trí nhớ, vừa thực vừa ảo, vừa đặc tả tâm trạng khao khát được trở về thăm Huế yêu xưa, về lại nơi mình từng gắn bó.

Hoặc như trong đoạn thơ sau:

“Mơ khách đường xa, khách đường xa

Áo em trắng quá nhìn không ra

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà?

Phải chăng thời đại Tản Đà, Sông Hương tuôn dài như một dải băng trắng xoá màu tuyết giữa đại ngàn rừng già. Màu trắng tinh khôi, màu trắng mờ ảo, màu trắng của sự nguyên sơ thuở ban đầu. Trong bài thơ *Hiếu quá Hương giang* của Cao Bá Quát có câu như thế này:

Muôn núi quanh co diều cánh đồng

Trời xanh gương dựng một dòng sông

Sông Hương được ví dài như một lưỡi gương dựng giữa trời, gương dài và sắc là gương của lão tướng, gương của anh hùng lịch sử. Một cách ví von rất lạ, dòng sông sắc như lưỡi gương “*xuyên cả*” trái tim bất kì ai gặp phải nó. Đó là lí do mà ai đến đây cũng phải tìm mọi cách để đến bên bờ sông Hương thơ mộng đắm mình long lanh sóng nước, huyền ảo.

Ngôn ngữ trong tác phẩm bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường rất phong phú, so sánh độc đáo, nghiêng về sức gợi hơn là tả, có những đoạn mang tính liên hệ, để trống cho người đọc tự khám phá thêm.

“Và ở đây, một lần nữa, sông Hương quả thực là *Kiều*, rất *Kiều*...”

Vậy sông Hương liên quan đến cuộc đời *Kiều*, hay sự ra đời của *Truyện Kiều*? Hay sông Hương là nguồn cảm hứng để Nguyễn Du viết *Truyện Kiều*? Ta đặt ra giả thiết,

sau khi đi sứ về, Nguyễn Du sáng tác Truyện Kiều bên dòng Hương Giang đất Cố đô thì kì diệu biết bao.

Những năm tháng sinh viên ở Huế, tôi đã gắn bó với sông Hương, bơi trên sông Hương, du thuyền nghe nhã nhạc trên sông Hương. Con sông này rất đặc biệt, con sông không chảy, dòng chảy của nó chìm ở dưới, nên nhìn bằng mắt thường ta thấy nó như mặt hồ nước vậy!

Con sông dùng dằng con sông không chảy

Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu.

“Sức sống của dòng sông là sức sống tự nhiên, sức sống không bao giờ cạn, nó cũng giống như nghệ thuật, sáng tạo không ngừng nghỉ.”

NỮ THI SĨ SAY SÓNG VÀ TỪ ĐÓ TÌNH YÊU THÀNH VĨNH CỬU

Nhà khoa học Nga Ivan Pavlov từng nói: *“Con người có khuynh hướng chịu nhiều ảnh hưởng từ ngôn từ hơn so với những sự thật khách quan tồn tại quanh họ.”*

Nói chuyện tình yêu mà đưa nhà khoa học vào nghe có vẻ hơi bất hợp lí và khô khan quá! Nhà khoa học cũng yêu chứ, họ cũng giống ta mà, yêu cuộc sống, yêu gia đình, yêu khoa học thì mới có thành tựu khoa học. Định luật hấp dẫn đã nêu rồi: *“Khi ta càng tập trung cho cái gì, suy nghĩ về điều gì đó mà ta muốn. Nó sẽ đến chỉ là sớm hay muộn thôi.”* Đương nhiên là ta phải bắt tay vào làm và hành động mới đem lại thành quả.

Chúng ta hãy cùng nhau bắt đầu suy luận về câu nói trên với những từ này: “sóng”, “tình yêu”, “vĩnh cửu” qua một đoạn thơ trong thi phẩm *Sóng* của Xuân Quỳnh.

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức*

*Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh một phương*

*Ở ngoài kia đại dương
Trăm ngàn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vàn cách trở*

Sóng chỉ một từ thôi đã đủ để Xuân Quỳnh thôi miên độc giả, dẫn dắt người đọc đi từ thú vị này đến lí giải khác một cách rất tự nhiên. *Sóng* là hình ảnh ẩn dụ cho tình yêu của nữ thi sĩ, cung bậc của sóng, trạng thái của sóng cũng cung bậc cảm xúc và trạng thái của nhà thơ với tình yêu của mình.

Yêu là nhớ đó là quy luật. Nhưng nỗi nhớ của Xuân Quỳnh nó cồn cào, mãnh liệt, mạnh mẽ, tự tin. Chưa có nhà thơ nữ nào mạnh mẽ như bà cả, tự mình nói về tình yêu của mình, nói lên bản chất của mình mà trở thành một người khởi xướng, đại diện cho phái nữ. Văn học trung đại có bà chúa thơ Nôm, Hồ Xuân Hương - một nhà thơ nổi tiếng về cá tính, nhưng ở khía cạnh đấu tranh với sự bất công của xã hội phong kiến. Còn Xuân Quỳnh nổi tiếp Xuân Hương để làm rõ tình yêu là gì, thế nào là tình yêu đích thực, chân thành đúng nghĩa của nó.

Sóng ở đáy biển, sóng ở trên mặt nước luôn nhớ đến bờ. Sóng nhân hoá thành người. Nỗi nhớ của sóng cũng là nỗi nhớ của người đang yêu. Sóng luôn vỗ và hướng vào bờ. Có khi cuộn cuộn dưới đáy đại dương, không ai nhìn thấy được, kín đáo và sâu thẳm. Chỉ khi nào tình yêu chín muồi, đơm hoa kết trái mới công khai trên mặt nước, hoà vào biển mênh mông, cả một biển sóng tình yêu.

Sóng thật dễ thương, biết thao thức:

Ngày đêm không ngủ được

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức

Sóng là liên tục, không ngừng nghỉ, chỉ có nhỏ và to, nhẹ và mạnh. Nếu có trong giấc mơ con sóng đó vẫn thức đấy, chỉ cần một động tĩnh là nổi nhớ lại trào dâng. Xuân Quỳnh rất tinh tế và nhạy cảm với cuộc đời, với tình yêu, tuyệt đối hoá nỗi nhớ, vĩnh cửu hoá nỗi nhớ của tình yêu.

Nhà thơ như thay lời giới nữ, dám nói lên tình yêu của mình, thời đó như thế quả là rất táo bạo và tiên bộ. Bởi vì, người ta vẫn thường quan niệm: *"Trâu đi tìm cộc"*, chứ mấy đời: *"Cộc lại tìm trâu."* Đây là chưa nói chuyện chủ động ngỏ lời trong tình yêu nam nữ. Một sợi dây vô hình đã trói buộc lối suy nghĩ của cả một thế hệ: *"Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó"* và rất nhiều quan niệm khác nữa: *"Nam nữ thụ thụ bất thân"*, *"Môn đăng hộ đối"*...

Bất kì bạn là, khi yêu đều mong muốn, kì vọng, đề cao sự thủy chung và niềm tin vào tình yêu! Xuân Quỳnh đã đọc được suy nghĩ này và định nghĩa luôn thế nào là chung thủy? Đến đây, có lẽ trên đầu bạn cũng có sự hoài nghi nào đó chẳng! Tình yêu thời hiện đại, tình yêu của người trẻ, tình yêu tuổi tin.

Dẫu xuôi về phương bắc

Dẫu ngược về phương nam

Nơi nào em cũng nghĩ

Hướng về anh một phương

Sóng thuộc về biển, biển thì mệnh mông nhường nào. Em đã yêu anh rồi cũng như sóng thuộc về biển, vào khuôn khổ nhưng rộng lớn vô cùng. Đại dương mệnh mông quá, bao quanh khắp muôn nơi. Dù đi về phương bắc, ngược phương nam, đến đâu nơi nào em cũng nghĩ và hướng về anh, một phương, chỉ một mình anh. Tình yêu như sóng, sóng như tình yêu. Sóng là em, bến bờ là anh. Sóng nhớ bờ như em nhớ anh. Luôn luôn và thường

xuyên như vậy, không bao giờ dừng. Xuân Quỳnh đã khẳng định: Tình yêu là vĩnh cửu! Muôn đời như vậy, ở đâu cũng thế - nó như một quy luật bất biến của tự nhiên. Bạn đã tin chưa!

“Niềm tin cũng có mức độ, tùy vào lĩnh vực, đối tượng, tình huống, hoàn cảnh. Tôi tin quan niệm của Xuân Quỳnh là đúng, quá đúng. Vì bà là người từng trải, đa cảm, đa đoan, trau chuốt trong tình yêu, hạnh phúc lứa đôi của mình. Những người như thế họ thường có nội tâm phong phú, khao khát mãnh liệt và tìm kiếm cho mình một lối đi riêng. Nhờ lối đi đó bà đã trở nên khác biệt, chỉ có cách gửi tình cảm, tư tưởng của mình vào thơ ca hay một lĩnh vực nào đó thì mới thể hiện được điều mình muốn nói. Suy cho cùng, cuộc sống là chia sẻ, cho đi mới nhận lại, nhưng đừng chờ đợi để nhận lại của ai điều gì, khi mình chưa cho đi. Tất cả mọi thứ trên đời đều có quy luật riêng của nó, luật hấp dẫn, thế nên, nếu ta không làm được gì to tát lớn lao thì hãy để cho tình cảm, trái tim lên tiếng, tìm niềm vui cho bản thân bằng một cách nào đó có thể...”

Có nên tin tưởng tuyệt đối vào ai đó khi chưa hiểu biết gì về họ không? Bạn có tin là mình tìm được tình yêu đích thực? Muốn có tình yêu viên mãn, trọn vẹn thì ta nên làm gì và trở thành người như thế nào, mới đòi hỏi và đặt ra các tiêu chí với đối phương? Hay hãy để cho mọi thứ nó đến theo kiểu tùy duyên?

Vui lòng cầm bút và cho vài nhận xét vào đây:

[illegible]

“Đừng lãng phí thời gian vào những việc vô bổ. Hãy
chăm chỉ đọc sách, tôi tin chắc bạn sẽ tìm ra kho báu cho
cuộc đời mình.”

- VĨNH YÊN TRẦN -

CHƯƠNG BỐN

NGÔN NGỮ VĂN HỌC, HIỆU ỨNG THỜI MIỀN TOÀN CẦU

Các nền văn học trên thế giới bao giờ cũng có sự ảnh hưởng, tiếp biến và kế thừa lẫn nhau về đề tài, hình thức nghệ thuật, mô hình sáng tác. Quá trình hình thành và phát triển cho đến ngày nay, văn học nước ta ảnh hưởng và giao lưu từ văn học các nước như: Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Nga, Mĩ... Văn học Việt Nam là sự kết hợp cấu thành giữa hai bộ phận gồm văn học dân gian và văn học viết. Trong văn học viết có văn học trung đại và văn học hiện đại, hai thành phần văn học này cũng ra đời và phát triển dựa trên văn học dân gian. Trong văn học trung đại và văn học hiện đại có yếu tố, chất liệu của văn học dân gian.

Cùng với dòng chảy chung đó, ngôn ngữ văn học như là một công cụ đặc lực, một phương tiện vi diệu làm cầu nối, một hiệu ứng thời miền mang tính toàn cầu. Ngôn ngữ văn học trở thành cầu nối, kết dính, dẫn đường đưa

con người trên khắp hành tinh xích lại gần nhau hơn, đồng điệu, đồng cảm và hiểu nhau hơn.

4.1. Ôn cứu mạng kì diệu của chiếc lá ngôn từ

Gần như tất cả các tác phẩm văn học nước ngoài được lựa chọn đưa vào sách giáo khoa các cấp đều là những tác phẩm đặc sắc, kinh điển của văn học thế giới. *Chiếc lá cuối cùng* (*the last leaf*) của nhà văn Mĩ O Hen-ri là một trong những kiệt tác mang đến cho người đọc nhiều chiêm nghiệm sâu sắc về lao động sáng tạo nghệ thuật chân chính. Qua đó, nhà văn đề cao tình yêu thương, quan tâm giữa người với người trong hoàn cảnh khó khăn, ranh giới giữa sự sống và cái chết mong manh như sợi tóc. Hơn thế nữa, là thông điệp ý nghĩa về sức mạnh của ngôn từ nghệ thuật, niềm tin và tinh thần lạc quan vào những điều kì diệu trong cuộc sống. Văn bản này được đưa vào sách Ngữ văn lớp 8, tập một, NXB Giáo dục, năm 2004.

Xiu và Giôn-xi là hai nữ hoạ sĩ nghèo, còn trẻ, sống trong một căn hộ thuê ở gần công viên Oa-sinh-tơn. Cụ Bơ-men cũng là một hoạ sĩ nghèo thuê phòng ở tầng dưới. Bốn chục năm nay cụ mơ ước vẽ một kiệt tác nhưng chưa thực hiện được; cụ thường ngồi làm mẫu vẽ cho các hoạ sĩ để kiếm tiền. Lúc ấy vào mùa đông, Giôn-xi bị bệnh sưng phổi, bệnh tật và nghèo túng khiến cô tuyệt vọng không muốn sống nữa. Cô đếm từng chiếc lá còn lại trên cây thường xuân bám vào bức tường gạch đối diện với cửa sổ, chờ khi nào chiếc lá cuối cùng rụng nốt thì cô cũng buông xuôi, lìa đời...

“... Khi trời vừa hửng sáng thì Giôn-xi, con người tàn nhẫn, lại ra lệnh kéo màn lên.

Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.

Giôn-xi nằm nhìn chiếc lá hồi lâu. Rồi cô gọi Xiu đang khuấy món cháo gà trên lò hơi đốt.

Em thật là một con bé hư, chị Xiu thân yêu ơi, Giôn-xi nói, có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội. Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu vang đỏ và - khoan - đưa cho em chiếc gương tay trước đã, rồi xếp mấy chiếc gối lại quanh em, để em ngồi dậy xem chị nấu nướng.

Một tiếng đồng hồ sau, cô nói: Chị Xiu thân yêu ơi, một ngày nào đó em hi vọng sẽ được về vịnh Na-pơ.

... Hôm sau, bác sĩ bảo Xiu: Cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng. Giờ chỉ còn việc bồi dưỡng và chăm nom - thế thôi.

Chiếc lá cuối cùng viết về vấn đề bình thường của đời sống, nhưng bằng sự sáng tạo mới lạ của tác giả, ngôn ngữ có sức lay động lòng người, tác phẩm đã tạo nên một hiệu ứng mạnh mẽ không chỉ với văn học Mỹ mà còn có sức ảnh hưởng sâu rộng đến văn học thế giới. Tác phẩm nghệ thuật bắt đầu từ chiếc lá thường xuân, bám lên tường gạch cũ kĩ. Vì sự sống còn của cô bé Giôn-xi, cụ già Bơ-men nhận lời chị Xiu, vẽ lên tường một chiếc lá thường xuân. Chính chiếc lá này đã cứu sống Giôn-xi qua cơn bạo bệnh như một phép màu. Chiếc lá trở thành tác phẩm, tác phẩm

trở thành kiệt tác trong khoảnh khắc, lưỡi hái của tử thần đang kề cận. Giôn-xi là một nghệ sĩ trẻ, cụ Bơ-men thế hệ nghệ sĩ già, chỉ làm mẫu cho các họa sĩ để kiếm tiền sống qua ngày. Nhờ vào thời khắc xuất thần đó, cụ mới làm nên được một kiệt tác để đời.

Tre già thì măng mọc, thế hệ này nối tiếp thế hệ kia. Đó còn là sự đồng cảm thấu hiểu, dồn hết tâm lực, năng lượng cho sáng tạo vì sinh mạng cao quý của con người. Để làm nên một tác phẩm nghệ thuật chân chính, nghệ thuật phải lấy chất liệu từ đời thường và phải phục vụ cuộc sống đời thường. Người nghệ sĩ chân chính làm được điều đó phải đánh đổi cả sự sống của mình trong đêm đông giá rét vì căn bệnh sưng phổi.

Chiếc lá ngôn từ, chiếc lá nghệ thuật, chiếc lá được vẽ bằng thổi mực của người họa sĩ, được tái hiện bằng ngôn từ của nhà văn như một bức thư mang thông điệp vô cùng cao cả. Ngôn từ của chiếc lá, ngôn từ của nhân vật, ngôn từ của cuộc sống, của nội tâm, ngôn từ của nghệ thuật có sức mạnh lan toả yêu thương vượt ra ngoài giới hạn của không gian.

“Bước vào con đường nghệ thuật đòi hỏi người nghệ sĩ phải không ngừng tìm tòi, nghiên cứu bằng niềm đam mê và sáng tạo không ngừng nghỉ. Đôi khi trên con đường ấy, anh ta phải nếm trải đủ thứ gạch đá chai sạn, và đương nhiên có cả vị ngọt và cảm giác phấn khích, vui vẻ nữa.”

4.2. Ngôn từ tình yêu hoá giải hận thù

William Arthur Ward nói:

“Khen ngợi tôi, và tôi có thể không tin bạn.

Chỉ trích tôi, và tôi có thể sẽ không thích bạn.

Tâng lờ tôi, và tôi có thể sẽ không tha thứ cho bạn.

Yêu mến tôi, và tôi có thể sẽ bị buộc phải yêu mến bạn.”

Tình yêu một đề tài muôn thuở của thơ ca, từ cổ chí kim, từ đông sang tây đã có rất nhiều và rất nhiều nhà thơ tốn rất nhiều giấy mực cho tình yêu của mình.

Trong biển lớn tình yêu của văn học thế giới có hàng trăm định nghĩa khác nhau về tình yêu. Nhưng vẫn không có một định nghĩa nào là chung nhất, duy nhất về tình yêu, như một công thức toán học, vật lí học hay hoá học. Công thức của khoa học được vận dụng chung cho toàn cầu, nhưng công thức của tình yêu thì không. Công thức tình yêu biến hoá, biến thiên trăm ngàn muôn ngã, nhiều nốt thăng trầm như bản tình ca bất hủ.

Rô- mê-ô và Giu-li-ét của William Shakespeare là một bản nhạc ngân vang luồn lách mọi ngõ ngách của tâm hồn, đánh thức triệu triệu trái tim đã ngủ yên sau màn đêm u ám.

Tình yêu và thù hận là một đoạn trích từ lớp 2, hồi II của vở kịch. Vở bi kịch dựa trên xung đột giữa khát vọng yêu đương mãnh liệt với hoàn cảnh thù địch vây hãm. Mối tình của *Rô-mê-ô* và *Giu-li-ét* khẳng định sức sống,

sức vươn dậy vượt lên trên mọi hoàn cảnh trói buộc con người. Một mối tình đã kết án danh thép, tổ cáo thành kiến phong kiến, nguyên nhân thù hận của tình người, của chủ nghĩa nhân văn. Kịch của Shakespeare đạt tới tầm cao về nghệ thuật tổ chức kịch tính, qua việc dẫn dắt hành động kịch và cá thể hoá ngôn ngữ nhân vật.

Giu-li-ét - Ôi chao!

Rô-mê-ô - Nàng lên tiếng! Hỡi nàng tiên lộng lẫy, hãy nói nữa đi! Bởi đêm nay, nàng toả ánh hào quang, trên đầu ta, như một sứ giả nhà trời có cánh, đang cưỡi những áng mây lững lờ lướt nhẹ trên không trung, khiến những kẻ trần tục phải cố ngược đôi mắt trắng dã lên mà chiêm ngưỡng.

Giu-li-ét - Ôi, Rô-mê-ô! Sao chàng lại là Rô-mê-ô nhỉ? Chàng hãy khước từ cha chàng và từ chối dòng họ của chàng đi; hoặc nếu không thì chàng hãy thề là yêu em đi, và em sẽ không còn là con cháu nhà Ca-piu-lét nữa.

Rô-mê-ô - *nói riêng* - Mình cứ nghe thêm nữa, hay mình nên lên tiếng nhỉ?

Giu-li-ét - Chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi. Nếu chẳng phải là người họ Môn-ta-ghiu thì chàng vẫn cứ là chàng. Môn-ta-ghiu là cái gì nhỉ? Đó đâu phải là bàn tay, hay bàn chân, hay cánh tay, hay mặt mũi, hay một bộ phận nào đấy của cơ thể con người. Chàng ơi! Hãy mang tên họ nào khác đi! Cái tên nó có nghĩa gì đâu? Bông hồng kia, giá chúng ta gọi bằng một tên khác thì hương thơm

cũng vẫn ngọt ngào. Vậy nếu chàng Rô-mê-ô chẳng mang tên Rô-mê-ô nữa, thì mười phần chàng cũng vẹn mười... Rô-mê-ô chàng ơi, chàng hãy vứt bỏ tên họ của chàng đi; chàng hãy đem tên họ ấy, nó đâu phải xương thịt của chàng, đổi lấy cả em đây!...

Rô-mê-ô - Em ơi! Ánh mắt của em còn nguy hiểm cho tôi hơn hai chục lưỡi kiếm của họ; em hãy nhìn tôi âu yếm là tôi chẳng ngại gì lòng hận thù của họ nữa đâu...".

Kịch tính được đẩy đến cao trào khi chứng kiến cái chết của Rô-mê-ô và Giu-li-ét. Kết thúc vở kịch, tu sĩ Lâu-rân đã kể lại mọi chuyện. Vương chủ thành Vê-rô-na lên án hai dòng họ. Họ tự nguyện xoá đi mối hận thù truyền kiếp và dựng lại cho Rô-mê-ô và Giu-li-ét bức tượng bằng vàng (ở hồi V). Trích đoạn là những lời thoại có cánh của tình yêu giữa Rô-mê-ô và Giu-li-ét. Tình yêu của họ đã vượt lên lễ giáo phong kiến hà khắc, xoá bỏ hận thù giữa hai dòng họ Ca-piu-lét và Môn-ta-ghiu.

"Ngôn từ là tài sản chung, mỗi cá nhân chúng ta phải biết dùng nó như là một phương thức hữu hiệu để kiến tạo những giá trị cho cộng đồng, và phải mang đậm phong cách riêng của mình."

4.3. Mặt trời mọc thi ca

Trên bầu trời thơ ca thế giới có một nền thơ rất mới lạ, không phải là mới ra đời mà ở phong cách ngôn ngữ, hình ảnh mang tính biểu cảm cao, đó chính là thơ của người

Nhật. Cái mới lạ còn thể hiện ở chỗ cách thức tổ chức một bài thơ rất ngắn, có thể gọi là thơ ngắn nhất thế giới, thơ hai-cư.

Ba-sô (1644 - 1694) là nhà thơ hàng đầu Nhật Bản. Mười năm cuối đời, ông có những cuộc du hành dài đi khắp đất nước, vừa đi vừa viết du kí và sáng tác thơ hai-cư. Chi-ô (1703 - 1775) là một trong những nữ tác giả thơ hai-cư hiện diện trong thơ truyền thống Nhật. Thơ bà trở thành một tiếng nói độc đáo được nhiều người biết đến và yêu thích. Ít-sa (1763 - 1828) là nhà thơ, tu sĩ Phật giáo. Ông là hoạ sĩ tài ba nổi tiếng với những bức tranh đề các bài thơ hai-cư.

Vì sao nói đây là thể thơ ngắn nhất thế giới? Thơ hai-cư có số từ vào loại ít nhất, mỗi bài thơ chỉ có 17 âm tiết (âm tiết là một đơn vị phát âm có nghĩa), được ngắt ra làm ba đoạn theo thứ tự thường 5 - 7 - 5 âm tiết. Tiếng Nhật là ngôn ngữ đa âm tiết, nên 17 âm tiết đó thực ra chỉ có mấy từ. Một bài thơ hai-cư đều có một tứ thơ nhất định, ghi lại một phong cảnh, sự vật trong một thời điểm nhất định, từ đó gợi lên một cảm xúc, một suy tư nào đó. Sự đặc biệt trong thơ là sử dụng “quý ngữ” (từ chỉ các mùa trong năm). Thơ hai-cư thấm đẫm tinh thần Thiền tông và tinh thần văn hoá phương Đông.

Điều mà thơ hai-cư thường thể hiện là mối quan hệ giữa con người và vạn vật. Các tác giả thơ hai-cư cho rằng những hiện tượng của tự nhiên như màu sắc, âm

thanh, ánh sáng, mùi hương... đều có tương giao và chuyển hoá lẫn nhau, trong một quy luật lớn lao và bí ẩn của tự nhiên.

Chúng ta cùng đến với những bài thơ hay trong chùm thơ hai-cư để cảm nhận sự hoà quyện, tương giao đó giữa con người và tự nhiên tuyệt diệu đến mức nào.

BÀI 2

Ôi hoa triêu nhan!

Dây gầu vương hoa bên giếng

Đành xin nước nhà bên

Nhật Bản được biết đến là “*đất nước mặt trời mọc*”, “*xứ sở hoa anh đào*”, “*xứ phù tang*”. Ngoài những danh từ mỹ miều trên, không thể không kể đến hoa triêu nhan, đây là một loài hoa rất phổ biến ở Nhật. Người Nhật Bản gọi loài hoa này bằng nhiều tên gọi khác nhau như “*kim tuyến của ban mai*”, “*trăng lúc chiều tà*”, “*cô gái đậu tía*”...

Câu thơ mở đầu bằng bốn âm tiết, kết hợp từ “*ôi*” và dấu chấm than “*!*” như một sự ngỡ ngàng của nhân vật trữ tình trước nhan sắc của chuỗi hoa đang đua sắc trên dây gầu. Bằng một cách hiểu khác, ta có nói loài hoa này rất đẹp, nhan cũng có thể hiểu là nhan sắc, loài hoa đẹp như cô gái Nhật chẳng! Một loài hoa đẹp óng ánh như kim tuyến của ban mai, như trăng lúc chiều tà, lọt thõm, đung đưa toả sáng giữa bầu trời Phú Sĩ và hoa sakura.

Hoa triêu nhan đang quần lấy dây gàu múc nước, hay dây hoa đang thong xuống bám chặt vào thành giếng. Hình ảnh gợi lên sự tương đồng, hoà quyện, quần quýt lên nhau. Chủ nhân thấy vậy không nỡ lòng chạm tay vào dây gàu để múc ánh trăng dưới đáy giếng, sợ sẽ làm tổn thương vẻ đẹp kiều sa của những bông triêu nhan.

Theo quan niệm của văn hoá phương Đông: *“vạn vật hữu linh”, “cây cỏ cũng có sinh mạng”*. Vì thế, khi nhà thơ nhìn thấy sự sống, nhìn thấy cái đẹp, nhìn thấy trong đoá hoa triêu nhan bằng một nhãn quan có Phật tính, dù nhỏ nhoi nhưng giàu sức sống, toả ngát hương thơm cho đời.

Sứ mệnh của hoa là như thế! Để nâng niu cành hoa triêu nhan, tác giả đã chọn cách *“đành xin nước nhà bên”* để cho hoa được sống, được tươi sắc như bản tính trời sinh ra nó.

Bài thơ vền vền có 15 âm tiết, ngắt làm 3 dòng theo cấu trúc: 4 - 6 - 5 nhưng thông điệp ẩn chứa bên trong tới người đọc là một triết lí về nhân sinh. Khi đứng trước cái đẹp, trước sự sống, phải biết nâng niu trân trọng, không nỡ làm tổn thương, chọn một giải pháp khác để cho sự sống và cái đẹp được hiện hữu. Về phương diện này, thơ hai-cư có nét tương đồng với thơ Đường, theo tinh thần *“ý tại ngôn ngoại”, “lời ít ý nhiều”*.

Đó còn là sự vô ngôn của thơ Thiền, thấm đẫm tính nhân văn của Phật giáo.

BÀI 3

Chậm rì, chậm rì

Kìa con ốc nhỏ

Trèo núi fu-ji

Ít-sa không hổ danh là một họa sĩ tài ba, nổi tiếng về những bức tranh có đề những bài thơ hai-cư do chính ông sáng tác. Chỉ với hai hình ảnh “con ốc” và “núi Fu-ji”, bài thơ đã chiếm trọn trái tim người đọc.

Ở đời, có mấy ai quan tâm con ốc bằng góc nhìn nghệ thuật và thơ ca như Ít-sa, có chăng là nhìn nó như một loài vật tầm thường, một số người xem nó như là một món ăn khoái khẩu. Thành ngữ có câu: “*Nhật như nước ốc*”. Dường như con người và vạn vật trong vũ trụ đều biết cách nguy trang để tồn tại trước sự đe dọa của môi trường xung quanh. Trong các cuộc chiến tranh, loài người dùng áo giáp sắt, lá nguy trang, thủy quân lục chiến. Ốc lại trang bị cho mình một thứ “áo giáp” rất tự nhiên bằng xương ở bên trong cơ thể chứ không giống như mũ và áo giáp do con người tạo ra.

Thế nhưng hình ảnh con ốc nhỏ bé, chậm chạp, sống thụ động ấy khi được Ít-sa đặt nó vào một không gian kì vĩ như núi Fu-ji thật là tráng lệ và hùng vĩ. Người Việt Nam ta thường gọi tên ngọn núi này theo từ Hán Việt là Phú Sĩ, đây là ngọn núi cao nhất Nhật Bản, với độ cao lên đến 3776 mét so với mực nước biển. Từ lâu đời, ngọn núi này

trở thành nguồn cảm hứng khơi gợi cho rất nhiều nghệ sĩ và là điểm đến du lịch hấp dẫn của người Nhật cũng như du khách trên toàn cầu.

Con ốc bé nhỏ, chậm chạp đó đang trèo lên đỉnh núi Fu-ji - ngọn núi biểu tượng của văn hoá và sáng tạo. So với những bài thơ hai-cư khác, bài thơ này chỉ có 12 âm tiết, ngắn gọn súc tích đã truyền tải một thông điệp đầy tính nhân văn đến bạn đọc. Chú ốc chậm rì, chậm rì đang chinh phục và vượt qua thử thách tưởng chừng như không thể, trèo lên đỉnh núi Fu-ji. Người đọc hình dung và tưởng tượng ra cậu ốc bình thường ấy đang ngày đêm dùng sức rướn của cơ thể, bám vào bao chông gai đắng cay, ngọt bùi của cuộc đời để chinh phục đỉnh cao vinh quang. Chúng biết rằng trên con đường ấy có thể sẽ gặp hiểm nguy rình rập, chỉ cần sơ suất là bị đè bẹp hoặc nuốt chửng vào dạ dày của những kẻ săn mồi khét tiếng.

Mỗi người chúng ta cũng như chú ốc bình dị kia, ai cũng đều ấp ủ những giấc mơ cháy bỏng của riêng mình. Muốn thành công phải dùng sức mạnh nội tại bên trong mình làm nguồn động lực đưa ta tới đỉnh cao nấc thang của cuộc đời. Chúng ta luôn cố gắng không ngừng nghỉ để thực hiện lý tưởng sống mà mình mong muốn. Ta có thể đi chậm hơn người khác là do khả năng, năng lực, hoàn cảnh và tư duy có giới hạn, nhưng điều quyết định mọi thứ là chúng ta không nên dừng lại mà luôn nỗ lực, kiên trì để vươn tới ước mơ của mình. Bởi vì, chỉ cần ta

dừng lại là chậm rồi, đối thủ sẽ vượt lên dù họ đã kiệt sức như vận động viên điền kinh trên đường đua hàng trăm mét để vươn tới đỉnh cao của vinh quang, cầm trên tay bó hoa chiến thắng, đeo lên ngực tấm huy chương danh giá nhất cuộc đời!

“Mặt trời mọc ở hướng Đông, lặn về hướng Tây. Nó chiếu rọi cho muôn loài năng lượng, sự sống, hạnh phúc như một sự ban ơn của vũ trụ. Chúng ta không nên lãng phí nó, để rồi từ lúc nó mọc và lặn, kết thúc chuỗi ngày dài, ta không làm được điều gì có ích thì thật là uổng phí, thậm chí thua cả chú ốc kia.”

TÁI BÚT THAY CHO LỜI KẾT

Thôi miên là thuật ngữ được dùng trong một số lĩnh vực y học, tâm lí học, nghệ thuật ảo thuật, điều trị tâm thần, điều tra phá án, thẩm vấn tội phạm. Thôi miên thường được thực hiện bằng trực giác, thị giác, bằng kĩ xảo, như điện ảnh, võ thuật, xiếc. Theo trang Wikipedia, thôi miên là một hình thức dùng để điều khiển tâm trí, ý thức của cá nhân nào đó đối với một đối tượng nhằm đạt mục đích tốt hoặc mục đích xấu. Hiện nay có bốn hình thức thôi miên chính là: cái nhìn cố định, mệnh lệnh dồn dập, thư giãn, mất thăng bằng. Ngoài ra trong các tôn giáo, tâm linh việc thôi miên có thể hiểu là sử dụng các loại bùa chú, bùa để điều khiển đối tượng mà họ mong muốn.

Trong hình thức thôi miên bằng cái nhìn cố định, đối tượng thôi miên phải nhìn vào một vật, hiện tượng gì đó mà không thể rời mắt. Hình thức mệnh lệnh dồn dập, phương pháp này dùng để ra lệnh và bắt đối tượng phải tuân theo mệnh lệnh của người đó. Thôi miên thư giãn dùng để chữa bệnh hoặc để hỏi tường những chuyện đã xảy ra trong quá khứ.

Liệu pháp thôi miên có thể giúp con người đạt được một điều gì đó. Ngược lại, con người cũng bị mê hoặc, thôi miên bởi một đối tượng vật chất hữu hình nào đó. Tiền (*money*) nó lại có sức hút, thôi miên ngược lại khủng khiếp với con người. Ngay cả một đứa trẻ lên 3 lên 5 cũng có dấu hiệu thích tiền và cảm thấy phấn khích, phấn khởi khi ai đó lì xì cho nó một vài đồng nhỏ. Ai thiếu tiền, hết tiền cũng trở nên xấu tính “*Bần cùng sinh đạo tặc*”. Tiền có thể hủy hoại cả nhân phẩm, danh giá, danh dự của những người có lòng tham vô đáy. Gọi là “*ma lực đồng tiền*.”

Trong chiến tranh, đói khổ, thiên tai, dịch bệnh người ta vẫn đoàn kết vượt qua, có những con người bình thường trở thành phi thường. Muốn trở thành người phi thường, trước hết hãy làm những điều bình thường. Dù bạn là ai, lãnh tụ hay người bình dân, danh nhân, doanh nhân, nghệ sĩ, bác sĩ, chiến sĩ, nhà khoa học, nhà triết học, nhà giáo, nhà thám hiểm... Tất cả họ đều bắt đầu bằng đôi chân, trái tim và khối óc, bằng lao động và sáng tạo để tạo nên giá trị cho đời.

Nghệ thuật thôi miên Ngũ văn là sự kết hợp những cảm xúc, suy tư về dạy học *Ngũ văn* với thực tế đời sống mang ý nghĩa tích cực. Tác giả quy chiếu, đối chiếu vấn đề theo từng yêu cầu về phẩm chất và năng lực theo CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngũ văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, năm 2018. Bản thân dựa vào mục tiêu giáo dục, vận dụng những PPDH truyền thống và

PPDH mới vào một số bài, một số văn bản phù hợp để minh hoạ.

Theo phương châm, tâm đắc bài nào thì chọn bài đó, chủ yếu lựa chọn những văn bản tiêu biểu thuộc VBVI, VBNL, VBTT; các thể loại như thơ, truyện ngắn, kịch, kí. Các văn bản có cả trong sách “cũ” và “mới”, cho nên việc trích dẫn, sử dụng câu từ cũng có sự pha trộn. Mỗi bài viết tôi chỉ chọn một số hình ảnh, từ ngữ, trích dẫn từng đoạn nhỏ, chứ không phải toàn bộ văn bản. Kiểu cấu trúc này theo hình thức đơn giản, ngắn gọn, không giống như bài phân tích đoạn trích hay tác phẩm mà ta thường hay gặp.

Cuốn sách là một nghiên cứu chuyên khảo đầu tiên, có quy mô nhỏ, nên việc sắp xếp thứ tự chương, đề mục, các văn bản ở các lớp là theo ý tưởng của tác giả. Điều này có thể tạo nên những hiệu ứng khác nhau trong cách cảm nhận từ phía bạn đọc.

Trong quá biên soạn, có những lúc thiếu tập trung, hoặc suy nghĩ miên man, đang viết nội dung này chưa xong, lại nghĩ đến một vấn đề khác, rồi những chi phối từ ngoại cảnh đã ảnh hưởng phần nào đến sự mạch lạc của văn bản. Vì thế, thiếu sót, nhầm lẫn, trùng lặp giống như ta tìm thấy “sạn” trong lúa gạo, âu cũng là một lẽ thường tình. Mong nhận được từ quý vị sự thiện chí, *gọn đục khơi trong*, chứ không phải là *vạch lá tìm sâu*. Tác giả xin đa tạ, ghi nhận và khắc sâu để rút kinh nghiệm!

CẢM ƠN!

MẠN PHÉP CHO TÔI BÀY TỎ MONG MUỐN NHỎ

Nếu bạn cảm thấy có hứng thú khi trải nghiệm cùng chuyên khảo này. Bạn thấy một số nội dung hay, phù hợp với lứa tuổi, tâm lí, đặc thù công việc. Nếu cuốn sách này có những chủ đề gần thực tiễn đời sống văn chương, đời sống nghệ thuật, đời thường. Nếu nó giúp người khác thay đổi suy nghĩ, vận dụng vào học tập, lao động, nghiên cứu thì có thể thực hiện giúp tôi một số thao tác sau, nhằm tăng hiệu suất tương tác, cảm hứng sáng tạo, làm cho tâm hồn chúng ta trở nên phong phú hơn:

- Tặng cuốn sách này cho gia đình, người thân quen. Họ sẽ hình thành thói quen, hành động tích cực hơn thông qua việc rèn luyện kĩ năng đọc.

- Chia sẻ một vài cảm xúc khi bạn đọc được cuốn sách này lên trang cá nhân và các nền tảng mạng xã hội lạnh mạnh, nếu bạn muốn.

- Nếu người đọc sách này là một chủ doanh nghiệp, mạnh thường quân thì có thể tư vấn tác giả in và tái bản nhiều hơn nữa để nhân rộng hiệu ứng đọc từ cộng đồng.

- Tôi muốn tặng mỗi em học sinh và tập thể nhà trường mỗi người một cuốn làm kỉ niệm, gửi đến những người tôi đã gặp, những người bạn trên mọi miền đất nước, tặng những người đã giúp đỡ tôi thực hiện được ước mơ của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BDGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT.

3. Carnegie (2004), *Nghệ thuật ứng xử và 1000 điều tâm đắc*, Trần Sinh, Minh Giang biên dịch, NXB Thanh Hoá.

4. Bùi Minh Đức (2020), *Đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 12 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018*, NXB Giáo dục Việt Nam.

5. Hà Minh Đức (2006), *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục.

6. Lê Bá Hán (2006), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục.

7. Nguyễn Thái Hoà (2005), *Từ điển tu từ - phong cách thi pháp học*, NXB Giáo dục.

8. Nguyễn Trọng Hoàn (2019), *Dạy học Ngữ văn theo định hướng năng lực*, NXB chính trị quốc gia sự thật.

9. Phạm Ngọc Hiền (2018), *Tiếp cận tác phẩm văn chương từ góc độ thi pháp học*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

10. Bùi Mạnh Hùng (2021), *Ngữ văn 10, Tập một*, NXB Giáo dục Việt Nam.

11. Bùi Mạnh Hùng (2021), *Ngữ văn 10, Tập hai*, NXB Giáo dục Việt Nam.

12. Bùi Mạnh Hùng (2022), *Ngữ văn 11, Tập một*, NXB Giáo dục Việt Nam.

13. Bùi Mạnh Hùng (2022), *Ngữ văn 11, Tập hai*, NXB Giáo dục Việt Nam.

14. Lê Xuân Lít (2007), *Dạy và học Truyện Kiều những điều cần bàn*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
15. Phan Trọng Luận (2005), *Phương pháp dạy học văn*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
16. Phan Trọng Luận (2012), *Ngữ văn 11, Tập hai*, NXB Giáo dục Việt Nam.
17. Phan Trọng Luận (2013), *Ngữ văn 11, Tập một*, NXB Giáo dục Việt Nam.
18. Phan Trọng Luận (2020), *Ngữ văn 12, Tập một*, NXB Giáo dục Việt Nam.
19. Phan Trọng Luận (2020), *Ngữ văn 12, Tập hai*, NXB Giáo dục Việt Nam.
20. Nguyễn Thị Hồng Nam (2016), *Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản*, NXB Đại học Cần Thơ.
21. Lã Nguyên (2018), *Phê bình kí hiệu học, Đọc văn như là hành trình tái thiết ngôn ngữ*, NXB Phụ nữ.
22. Nguyễn Khắc Phi (2004), *Ngữ văn 8, Tập một*, NXB Giáo dục.
23. Trần Đình Sử (2003), *Lý luận và phê bình văn học*, NXB Giáo dục.
24. Trần Đình Sử (2016), *Trên đường biên của lí luận văn học*, NXB Phụ nữ.
25. Bùi Minh Toán (2017), *Ngôn ngữ với văn chương*, NXB ĐHSP.
26. Lê Công Tuấn (2007), *Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản*, NXB ĐHSP.
27. Đỗ Ngọc Thống (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB Đại học sư phạm.
28. Đỗ Ngọc Thống (2020), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông*, NXB Đại học sư phạm.
29. Robin Sharma (2018), *Nhà lãnh đạo không chúc danh*, Nguyễn Minh Thiên Kim dịch, NXB Trẻ.
30. Joe Vitale (2022), *Thôi miên bằng ngôn từ*, Phúc Lâm (dịch), NXB Hồng Đức.

Nghệ thuật thôi miên Ngữ văn

Nghiên cứu, chuyên khảo - Trần Vĩnh Yên

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 024.38 222 135

Email: NXBhoinhavan65@gmail.com

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng - Q3 - Thành phố. HCM

Tel & Fax: 028.38297915

Email: NXBHNV.saigon@gmail.com

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

277 - Trần Hưng Đạo - Thành phố Đà Nẵng

Tel: 0236.3849516

Email: NXBHNV.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc

NGUYỄN THUÝ HẰNG

Tổng biên tập

ĐÀO BÁ ĐOÀN

Biên tập: Đào Quốc Minh

Thiết kế & trình bày: Yaobooks

Sửa bản in: Tác giả

In 1000 cuốn, khổ 14.5x20.5 cm, tại Công ty CP In và PTTM Hà Nội

Địa chỉ: Số 53, tổ 16, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 2753-2024/CXBIPH/19-81/HNV

Số QĐXB: 1015/QĐ-NXBHNV ký ngày 09/9/2024

In xong và nộp lưu chiểu: Quý 4, năm 2024

Mã ISBN: 978-604-493-175-3.